

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ TUYỀN

TRƯỜNG CA HỮU THỈNH NHÌN TỪ GÓC ĐỘ THỂ LOẠI

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.01.24

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Hoàng Điệp

Thái Nguyên, năm 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình luận văn này là sự nỗ lực hết mình của tôi trong quá trình nghiên cứu. Những số liệu thống kê hoàn toàn do tôi tự nghiên cứu. Tôi xin chịu trách nhiệm về luận văn của mình.

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Tuyền

Luận văn đã được chỉnh sửa theo những ý kiến đóng góp của hội đồng khoa học vào ngày 07 tháng 06 năm 2014

Xác nhận của người hướng dẫn

Xác nhận của khoa chuyên môn

TS. Hoàng Điệp

LỜI CẢM ƠN!

Lời đầu tiên tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới các thầy, cô giáo đã tận tình truyền đạt những tri thức quý báu, dìu dắt giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo: TS. Hoàng Điệp đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong quá trình nghiên cứu, đồng thời đã hướng dẫn, đóng góp những ý kiến quý báu cho tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới Khoa sau đại học trường Đại học sư phạm Thái nguyên, cùng bạn bè, đồng nghiệp, gia đình, người thân đã động viên, giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp này.

Thái Nguyên, ngày 8 tháng 6 năm 2014

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Tuyên

MỤC LỤC

Trang

Trang bìa phụ	
Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn.....	ii
MỤC LỤC	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử vấn đề.....	1
2.1. Những ý kiến đánh giá về thơ Hữu Thỉnh.....	1
2.2. Những ý kiến đánh giá về trường ca Hữu Thỉnh.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
3.1. Đối tượng nghiên cứu	6
3.2. Phạm vi nghiên cứu	6
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	6
5. Phương pháp nghiên cứu	6
6. Đóng góp của luận văn	6
7. Cấu trúc của luận văn	6
NỘI DUNG	8
Chương 1: TRƯỜNG CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI VÀ TRƯỜNG CA HỮU THỈNH	8
1.1. Một số vấn đề lí luận về thể loại trường ca	8
1.1.1. Khái niệm trường ca	8
1.1.2. Một số ý kiến về trường ca Việt Nam hiện đại	10
1.1.3. Các chặng đường phát triển của trường ca Việt Nam	12
1.1.4. Đặc trưng thể loại của trường ca Việt Nam hiện đại.....	15
1.2. Hữu Thỉnh với thể loại trường ca	20
1.2.1. Hành trình sáng tạo thơ Hữu Thỉnh.....	20

1.2.2. Quan niệm về thơ của Hữu Thỉnh	22
1.2.3 Thành tựu trường ca của Hữu Thỉnh	26
Chương 2. TRƯỜNG CA HỮU THỈNH NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN	
NỘI DUNG	30
2.1. Những vấn đề của lịch sử, dân tộc và thời đại	30
2.1.1. Cuộc hành trình vĩ đại giành tự do, độc lập của dân tộc	30
2.1.2. Con người – góc khuất của chiến tranh.....	37
2.2. Hình tượng nhân vật trung tâm.....	46
2.2.1. Hình tượng người lính	46
2.2.2. Hình tượng người phụ nữ.....	50
2.2.3. Hình tượng nhân dân.....	56
Chương 3. TRƯỜNG CA HỮU THỈNH NHÌN TỪ PHƯƠNG	
DIỆN HÌNH THỨC	62
3.1. Cấu trúc tổng hợp	62
3.1.1. Kết cấu hòa kết giữa tự sự và trữ tình	62
3.1.2. Sự hòa kết giữa các thể thơ.....	69
3.2. Phức hợp về ngôn ngữ, giọng điệu.....	77
3.2.1. Phức hợp về ngôn ngữ.....	77
3.2.2. Phức hợp về giọng điệu	81
PHẦN KẾT LUẬN	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	93

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Hữu Thỉnh là nhà thơ ra đời và trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sáng tác của ông khá liên mạch và tiêu biểu cho quá trình vận động của thi ca cách mạng Việt Nam. Trong suốt chặng đường hơn 30 năm sáng tác, Hữu Thỉnh đã có nhiều đóng góp đáng kể cho nền thơ ca dân tộc. Với 5 tập thơ và 3 trường ca đầy đặn cùng một loạt những giải thưởng, Hữu Thỉnh tạo dựng cho mình tiếng vang lớn trên thi đàn. Thơ của ông đã đến được với trái tim người đọc, thấm sâu vào đời sống xã hội, được trích giảng trong nhà trường và không ít bài được phổ nhạc

1.2. Hữu Thỉnh là một trong những người có đóng góp nhiều và chiếm một vị trí quan trọng đối với thể loại trường ca. Bên cạnh những tên tuổi có thành tựu ở thể loại trường ca như Thu Bồn, Nguyễn Khoa Điềm, Thanh Thảo, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Trọng Tạo... nhà thơ Hữu Thỉnh với các bản trường ca *Đường tới thành phố*, *Sức bền của đất*, *Trường ca biển* đã được ghi nhận là một trong những gương mặt tiêu biểu và đóng góp một tiếng nói quan trọng trong dàn đồng ca chung của thế hệ. Qua sự sàng lọc của thời gian, trường ca Hữu Thỉnh vẫn tìm được chỗ đứng trong lòng độc giả và lọt vào “*con mắt xanh*” của những nhà nghiên cứu. Nó như “*miền đất hứa*” ẩn chứa bao điều cần chúng ta khám phá.

1.3. Với mong muốn tìm hiểu những độc đáo cũng như đóng góp của trường ca Hữu Thỉnh về phương diện nội dung và nghệ thuật dưới góc độ thể loại, chúng tôi chọn ***Trường ca Hữu Thỉnh nhìn từ góc độ thể loại*** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Những ý kiến đánh giá về thơ Hữu Thỉnh

Ngay từ những ngày đầu mới cầm bút giọng thơ Hữu Thỉnh đã sớm

thu hút được sự quan tâm của bạn đọc và giới phê bình văn học.

Có rất nhiều các ý kiến khác nhau đánh giá về thơ của Hữu Thỉnh. Trong cuốn *“Vọng từ con chữ - tiểu luận phê bình”*, PGS.TS Nguyễn Đăng Điệp có những khám phá tinh tế và sắc sảo về tập thơ *“Thư mùa đông”* của Hữu Thỉnh. Tác giả cho rằng: *“Nét độc đáo nhất trong cái nhìn nghệ thuật của “Thư mùa đông” nói riêng và thơ Hữu Thỉnh nói chung là: quan tâm đến thân phận, không ngừng suy tư về nhân thế là sợi dây nhất quán chảy suốt đường thơ Hữu Thỉnh... Hữu Thỉnh chạm vào vẻ đẹp tinh túy của thi ca bằng nhiều câu thơ tài hoa, tinh tế”* [14].

Trên báo *Bình Định* ngày 24/4/2006 có đăng bài viết của nhà báo Trần Đăng nhận xét về tập thơ *Thương lượng với thời gian* như sau: *“Trong thế hệ thơ chống Mỹ, Hữu Thỉnh là nhà thơ đã tạo dựng được giọng riêng. Cho đến tập thơ này dù có róng riết hơn hay quăn thắt hơn, ông vẫn giữ được cái giọng riêng ấy. Thơ ông neo lại trong lòng người đọc nhiều chục năm qua là nhờ ở cái cách tư duy không lẫn với ai này. Nói ra cái điều ai cũng nghĩ, ai cũng biết nhưng không phải ai cũng viết thành thơ như Hữu Thỉnh được...”* [12].

Lưu Khánh Thơ trong bài viết *“Hữu Thỉnh – một phong cách thơ sáng tạo”* đã phát hiện ra ảnh hưởng của chất liệu văn hóa dân gian đến thơ Hữu Thỉnh, cùng những tìm tòi, sáng tạo của nhà thơ: *“Hữu Thỉnh tiếp thu truyền thống dân tộc không những chỉ là ở những cách nói, cách ví von, so sánh, mà còn ở cách tư duy, liên tưởng độc đáo, ở một âm hưởng xa xôi khó nhận biết...đó là nguyên nhân khiến cho Hữu Thỉnh có những câu thơ đa nghĩa, có tính hàm ẩn cao, mới lạ trong cách diễn đạt, bất ngờ trong cảm xúc”* [58,tr 410]. Cuối cùng tác giả rút ra kết luận khá xác đáng về phong cách thơ Hữu Thỉnh: *“Đằm thắm, hồn hậu, nghiêng về phía rợp mát. Cái trầm lắng yêu thương lẫn át cái ồn ào sôi sục”* [58, tr 421].

Chưa hết còn rất nhiều bài viết, bài nghiên cứu nhắc đến Hữu Thỉnh như là một giọng thơ tiêu biểu trong đội ngũ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ. Điều

đó cũng là tiền đề dẫn đến thành công trên con đường sáng tạo nghệ thuật của ông. Nhà phê bình Trần Mạnh Hảo trong bài *“Thư mùa đông của Hữu Thỉnh”* đăng trên *“Tập chí văn nghệ quân đội”* năm 1996 phát hiện ra *“sự thành công của Hữu Thỉnh là nói ít cảm nhiều theo truyền thống thi pháp trung đông ‘ý tại ngôn ngoại’... cảm xúc của ông không hề biết chừng mực thường như nước vỡ bờ tràn cả ra ngoài trang giấy, tràn vào lòng, vào mắt người đọc. Song chữ nghĩa của ông lại khá chừng mực”*. Đặc biệt bài viết còn phát hiện ra chất dân dã, sự đan xen giữa những nét hồn nhiên với những suy ngẫm đầy tính triết lí cùng nỗi cô đơn đau buồn chất chứa trong tập thơ.

Còn nhiều các ý kiến nghiên cứu, đánh giá về các tập thơ của Hữu Thỉnh nhưng trong bài viết này, chúng tôi tập trung thống kê nhiều hơn những ý kiến, đánh giá về trường ca Hữu Thỉnh ở cả phương diện nội dung, cảm xúc và hình thức nghệ thuật.

2.2. Những ý kiến đánh giá về trường ca Hữu Thỉnh

Trường ca là một thể loại đã góp phần làm nên tên tuổi Hữu Thỉnh. Tác giả Hoàng Điệp trong bài viết *“Hữu Thỉnh với thể loại trường ca”* đã khẳng định *“Hữu Thỉnh là một trong những người có đóng góp nhiều và chiếm vị trí quan trọng với thể loại trường ca”*. Tác giả khẳng định chắc chắn trường ca của Hữu Thỉnh chính là một dấu ấn nổi bật trong sự nghiệp sáng tác của nhà thơ.

Khi đề cập đến Hữu Thỉnh với tư cách là một tác giả có phong cách nghệ thuật riêng và độc đáo, bằng cái nhìn tin tưởng, nhà phê bình Mai Hương đã nhận xét về ngòi bút Hữu Thỉnh khi viết *Đường tới thành phố* như sau: *“Đây quả là một cuộc hành trình vĩ đại nhưng cực kì gian nan. Song ngòi bút của Hữu Thỉnh thật tinh táo, khỏe khoắn, không một chút cường điệu, dễ dãi khi viết về bước đường gian nan ấy. Người chiến sĩ là hình ảnh trung tâm và xuyên suốt của trường ca. Sự từng trải của người viết đã giúp anh nhận chân dung người chiến sĩ chân thực và sống. Những trang viết của Hữu Thỉnh do đó có sức chinh phục”* [27].

Cũng nhận xét về *Đường tới thành phố*, nhưng nhà phê bình Thiếu Mai trong bài viết “*Hữu Thỉnh trên đường tới thành phố*”, đăng trên báo *Văn nghệ Quân đội* (số 3 – 1980) lại nhìn nhận ở phương diện khác, đó là phương diện cảm xúc “*Cảm xúc dạt dào, phong phú và mạnh mẽ là chỗ mạnh của Hữu Thỉnh...trong lòng cuộc chiến đấu chống Mỹ vĩ đại của nhân dân, Hữu Thỉnh thường nghĩ đến những vấn đề lớn lao của đất nước, của thời đại. Anh khao khát thơ mình phản ánh và lí giải được những điều đó...Thành công chủ yếu nhất của Hữu Thỉnh cũng chính là thể hiện vừa sâu vừa tinh, vừa khái quát, vừa tỉ mỉ chi li những tình cảm, những suy ngẫm của người chiến sĩ trong cuộc chiến đấu chống Mỹ. Cái vững của ngòi bút Hữu Thỉnh...miêu tả trực diện những tổn thất mà tác phẩm không chìm xuống không khí bi đát, trái lại vẫn thấy được xu thế tiến lên của cuộc chiến đấu... Hữu Thỉnh rất chú ý đến từng câu, từng chữ. Anh không bằng lòng với lối nói sáo mòn*” [42].

Trong bài viết “*Mấy ghi nhận về thơ người lính của Hữu Thỉnh*” đăng trên diễn đàn văn nghệ quân đội Việt Nam tháng 6 năm 2011, tác giả Trường Lưu khẳng định chắc chắn : “*Xuyên suốt các tập thơ của anh, là một con người luôn tìm đến cái lõi của hiện thực...tài năng của Hữu Thỉnh có lẽ trước hết ở sự hòa điệu trong tiếng nói tri kỉ và tri âm với thân phận người lính*” [39].

Trong bài viết “*Từ những người đi tới biển tới Đường tới thành phố*”, đăng trên báo *Văn nghệ* (số 4- 1997), nhà thơ Tế Hanh nhận ra chất hiện thực mạnh mẽ trong “*Đường tới thành phố*” là “*Thơ từ cuộc đời chiến đấu mà ra...là máu thịt chứ không phải giấy mực*” [24].

Các nhà nghiên cứu không chỉ bình phẩm ở phương diện nội dung, cảm xúc mà ở hình thức nghệ thuật trong trường ca Hữu Thỉnh cũng có những nhận xét vô cùng tinh tế và sâu sắc.

Thiếu Mai đã chỉ ra chất dân gian đặc sắc trong trường ca Hữu Thỉnh: “*Thấp thoáng đằng sau câu thơ của Hữu Thỉnh dáng dấp của ca dao, nhưng rõ ràng thơ anh không rập khuôn theo ca dao, không bị ca dao lấn át*” [42]. Nhìn

chung tác giả đã nhận thấy được chất dân gian trong trường ca *“Đường tới thành phố”* nhưng chưa có sự phân tích sâu sắc, căn kẽ những đặc điểm ấy.

Cùng hướng tiếp cận như Thiếu Mai và Mai Hương khi đọc *“Trường ca biển”*, Hữu Đạt cho rằng *“Thơ Hữu Thịnh có nhiều cái mới mà không xa cái truyền thống, thậm chí có khi tái tạo lại cái đó có từ trong truyền thống mà vẫn có dấu hiệu riêng về phong cách của mình”*. Tác giả thấy được trường ca này là một sáng tạo về hình tượng và ngôn ngữ thơ ca. Bài viết đã bước đầu chỉ ra những cách tân nghệ thuật trên cơ sở truyền thống trong thơ Hữu Thịnh.

Nguyễn Đăng Điệp thì nhận thấy những thay đổi trong cấu trúc thơ, dòng thơ, tứ thơ của Hữu Thịnh để tạo nên sự mới mẻ trong thơ ông: *“Mô hình câu thơ, sự vật hiện tượng đem ra để so sánh thường nhỏ bé, tương quan sự xuất hiện của những con số, tứ nằm ngay trong đơn vị câu”*, giọng điệu thì trầm lắng suy tư và cuối cùng tác giả nhận xét: *“xuất phát từ nền móng văn học dân gian nhưng...đã xử lí chất liệu truyền thống bằng cái nhìn hiện đại nhằm tạo nên những đột phá về thi pháp thể loại”*.

Lưu Khánh Thơ khi đánh giá về Hữu Thịnh đã khẳng định đó là một phong cách thơ sáng tạo bởi: *“Đường tới thành phố đã hội tụ và kết tinh những điểm mạnh của ngòi bút Hữu Thịnh, anh đã dồn vào trường ca này những tình cảm lớn lao, những câu thơ tài hoa xúc động nhất”*[58].

Ngoài ra còn rất nhiều các bài viết của các tác giả khác như: Nguyễn Duy Bắc; Trắc Bách Diệp; Hà Minh Đức; Hoàng Diệp; Vu Gia; Nguyễn Trọng Tạo; Phan Diễm Phương;.. Đa số các bài viết mới chỉ dừng ở việc đánh giá về một bài thơ, một tập thơ, một trường ca hay một phẩm chất nào đó trong hồn thơ Hữu Thịnh.

Ngoài các bài viết ngắn, những năm gần đây thơ Hữu Thịnh đã được chọn làm đề tài nghiên cứu của một số chuyên luận, luận văn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Lựa chọn đề tài này, luận văn xác định đối tượng nghiên cứu là: Đặc trưng thể loại trong các sáng tác trường ca của Hữu Thỉnh cả ở phương diện nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu là 3 bản trường ca của Hữu Thỉnh

- *Sức bền của đất* (1975)
- *Đường tới thành phố* (1979)
- *Trường ca biển* (1994)

Ngoài ra chúng tôi còn khảo sát, nghiên cứu một số các trường ca hiện đại của các tác giả khác để có cái nhìn đối sánh.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Phân tích một cách có hệ thống những sáng tác trường ca của Hữu Thỉnh để khái quát nội dung tư tưởng thẩm mỹ và hình thức nghệ thuật thể loại

5. Phương pháp nghiên cứu

- Thống kê – phân loại
- Phân tích – tổng hợp
- Đối chiếu – so sánh
- Thi pháp thể loại

6. Đóng góp của luận văn

Qua việc tìm hiểu, nghiên cứu trường ca Hữu Thỉnh, luận văn chỉ ra những đặc trưng cơ bản dưới góc độ thể loại trong trường ca Hữu Thỉnh. Qua đó nhằm khẳng định những đóng góp nổi bật về mặt thể loại trường ca trong thơ ca Việt Nam hiện đại của tác giả. Luận văn còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho những độc giả quan tâm, yêu thích thơ Hữu Thỉnh và cho việc giảng dạy thơ Việt Nam hiện đại trong nhà trường.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận* và phần *Tư liệu tham khảo*, nội dung của luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Trường ca Việt Nam hiện đại và trường ca Hữu Thỉnh

Chương 2: Trường ca Hữu Thỉnh nhìn từ phương diện nội dung

Chương 3: Trường ca Hữu Thỉnh nhìn từ phương diện hình thức

NỘI DUNG

Chương 1

TRƯỜNG CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI VÀ TRƯỜNG CA HỮU THỈNH

1.1. Một số vấn đề lí luận về thể loại trường ca

1.1.1. Khái niệm trường ca

Khái niệm trường ca có nguồn gốc từ văn học phương Tây “*trường ca là thuật ngữ văn học dịch từ chữ pòeme của Liên Xô*” [23], đã bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam từ những năm 50 của thế kỉ XX, dùng để gọi tên những sáng tác dân gian có tính chất sử thi và có độ dài như Đam San, Xinh Nhã...Theo cách gọi này thì trường ca đồng nhất với sử thi, anh hùng ca(Iliats, Ôđixê, Ramyana, Mahabharata...) hoặc các khan củaTây Nguyên. Đồng thời cũng để chỉ các sáng tác thơ có dung lượng lớn phản ánh những biến cố lớn trong lịch sử dân tộc như: *Ngọn giáo búp đũa* của Ngô Văn Phú (1977), *Ba-zan khát* của Thu Bồn (1977), *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo (1977), *Sông núi trên vai* của Anh Ngọc (1977), *Đường tới thành phố* của Hữu Thỉnh (1979)...

Việc xác định ranh giới và cho ra đời một khái niệm trường ca là tương đối khó. Trong nhiều năm qua các nhà nghiên cứu lí luận phê bình văn học, thậm chí chính các tác giả trường ca đã rất chú ý đi tìm một định nghĩa để có thể nói rõ được bản chất cũng như những thuộc tính căn bản nhất giúp phân định trường ca với các loại thơ trường thiên khác

Từ điển thuật ngữ văn học đưa ra khái niệm: “*Trường ca là tác phẩm thơ có dung lượng lớn, thường có cốt truyện tự sự hoặc trữ tình. Trường ca cũng được dùng để gọi các tác phẩm sử thi thời cổ và trung đại, khuyết danh hoặc có tác giả*” [23].

Lại Nguyên Ân trong 150 thuật ngữ văn học cho rằng “*Trường ca có dung lượng lớn, thường có cốt truyện tự sự hoặc sùng truyện trữ tình. Chúng được soạn bằng cách xâu chuỗi các bài hát sử thi và truyện kể hoặc bằng nói*

rộng một vài truyền thuyết dân gian (Ahoyle) hoặc bằng cách cải biên các cốt truyện cổ xưa trong tiến trình tồn tại của sáng tác dân gian. Trường ca với tư cách một thể loại tổng hợp, trữ tình – tự sự, hoành tráng cho phép kết hợp những chấn động lớn, những cảm xúc trầm sâu và những quan niệm về lịch sử vẫn là một thể loại hiệu năng của thơ ca thế giới” [4].

Bên cạnh ý kiến của các nhà nghiên cứu phê bình văn học không thể không nhắc đến quan niệm của chính những người trực tiếp sáng tác nên các tác phẩm trường ca. Các nhà thơ Võ Văn Trực, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Trần Mạnh Hảo, Bùi Văn Phú, Nguyễn Khắc Phục, Trần Vũ Mai, Thanh Thảo, Nguyễn Duy, Nguyễn Đức Mậu...từ những góc nhìn riêng, từ thực tế sáng tác của mình, mỗi người đem đến một cách quan niệm mới về thể loại trường ca. Mặc dù có sự khác nhau trong việc xác định ranh giới, nội hàm khái niệm trường ca, nhưng có thể thấy các nhà phê bình văn học và các tác giả trường ca đều thống nhất ở điểm chung khi cho rằng *“Trường ca là những tác phẩm có tầm cỡ, tầm vóc lớn lao cả về hình thức lẫn nội dung. Nó có sức ôm chứa nhiều vấn đề lớn, về nhiều chủ đề tư tưởng, về độ rộng của không gian và độ dài của thời gian. Trường ca có tính tự sự, tính trữ tình, yếu tố suy nghĩ chính luận”*

Trong các kết quả nghiên cứu của người đi trước, chúng tôi nhận thấy quan niệm về trường ca của tác giả Đào Thị Bình (*“Thể trường ca trong văn học Việt Nam từ 1945 đến cuối thế kỉ XX”* – LATS, 2008) là khá thuyết phục: *“Trường ca thường là các tác phẩm trữ tình có dung lượng lớn hoặc vừa, có khả năng tổng hợp và phát huy những ưu thế nổi trội của cả ba loại hình: trữ tình, tự sự và kịch. Với kiểu kết cấu và phát triển theo hướng đan xen nhiều kiểu kết cấu hoặc kết cấu phức hợp, trường ca có thể bao quát và miêu tả những mảng hiện thực lớn ở cả bề rộng lẫn chiều sâu. Ngôn ngữ, giọng điệu phong phú, đa dạng, giàu chất trí tuệ, vừa mang âm hưởng hào hùng của sử thi vừa thấm đẫm hơi thở của cuộc sống”*.

1.1.2. Một số ý kiến về trường ca Việt Nam hiện đại

Như một quy luật trong đời sống văn học, trên con đường vận động và phát triển của văn học Việt Nam, từ sự manh nha cho đến việc hình thành thể loại trường ca đã đánh dấu sự đổi mới quan trọng trong hệ thống thể loại. Trường ca trong văn học Việt Nam hiện đại ra đời bắt nguồn từ nhu cầu tổng kết, nhận diện lịch sử dân tộc một cách sâu sắc. Đồng thời, đó cũng là minh chứng cho ý thức, trách nhiệm và tình cảm được thôi thúc từ trong trái tim của người nghệ sỹ: *“Còn tôi viết trường, cũng như nhiều nhà thơ khác viết trường vì trong một thời kỳ nào đó, trước những đề tài nào đó, và nghe được thôi thúc nào đó từ bên trong khiến người làm thơ nổi hứng viết...trường ca”* [46, tr 250]. Nhà thơ Hữu Thỉnh trong bài viết *“Sự chuẩn bị của người viết trẻ”* (Báo Văn nghệ, số thứ bảy, ngày 12/12/1981) đã thổ lộ: *“Phản ánh cuộc chiến tranh đó vừa là trách nhiệm, vừa là niềm say mê của mỗi chúng tôi, cũng là nơi thử sức lâu dài của mỗi người”* [66]. Với những sự thôi thúc đó, giai đoạn sau năm 1975, các bản trường ca chủ yếu viết về đề tài chiến tranh và lịch sử. Chính vì vậy, rất nhiều trường ca viết về cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc Việt Nam đã thu hút sự chú ý và quan tâm của bạn đọc, các nhà nghiên cứu. Vào đầu những năm 80, đã diễn ra một cách sôi nổi nhiều cuộc hội thảo về trường ca.

Về vấn đề định nghĩa trường ca có rất nhiều ý kiến khác nhau. Có thể lược qua những bài viết tiêu biểu như : Nhiều tác giả nêu ra vấn đề tên gọi trường ca nhưng cuối cùng đều thừa nhận như một thực tế và xem *“mỗi tác phẩm là một cách định nghĩa của tác giả về chính thể loại đó”* (Hữu Thỉnh); Tác giả Từ Sơn lại cho rằng: *“Các tác phẩm dài hơi nên gọi là truyện thơ”*. Về khái niệm “Trường ca” Lại Nguyên Ân lại cho rằng: *“Trường ca là một hiện tượng giao thoa giữa tự sự và trữ tình”* (Bàn góp về trường ca). Tác giả Đỗ Văn Khang lại khẳng định *“trường ca trong văn học Việt Nam hiện đại chỉ có ý nghĩa mỹ học đầy đủ khi có tên gọi là trường ca sử thi hiện đại”* [30].

Các ý kiến trên đã phân nào làm sáng rõ hơn về định nghĩa trường ca nói chung và trường ca hiện đại nói riêng. Trong các ý kiến về định nghĩa trường ca, chúng tôi tâm đắc với ý kiến của Đỗ Văn Khang khi ông cho rằng: “*trường ca trong văn học Việt Nam hiện đại chỉ có ý nghĩa mỹ học đầy đủ khi có tên gọi là trường ca sử thi hiện đại*”. Đây là ý kiến xác đáng về trường ca hiện đại.

Về đặc trưng thể loại, có nhiều bài viết đã nghiên cứu một cách khá công phu. Các tác giả thường dựa vào sự so sánh giữa trường ca với thơ dài, trường ca với truyện thơ... để nói lên đặc trưng của thể loại như: Trần Ngọc Vương, Mã Giang Lân, Vũ Đức Phúc, Mai Bá Ân... Trong các bài viết này đáng chú ý nhất là ý kiến của tác giả Mai Bá Ân. Theo tác giả giữa trường ca và thơ dài cũng cần có sự khu biệt để nhận thức đầy đủ đặc trưng của từng thể loại. Xu hướng “*trường ca hóa*” các tác phẩm thơ dài sẽ hạ thấp vai trò của trường ca, xóa nhòa những yếu tố đặc trưng phân biệt nó với các thể loại khác.

Ngoài các bài viết được đăng tải trên báo chí, trong một số công trình nghiên cứu cũng xuất hiện một số bài viết về trường ca. Sớm nhất, có lẽ là bài viết của Lại Nguyên Ân, đầu tiên được đăng trên báo, sau được tập hợp trong cuốn *Văn học và phê bình*. Trong đó, bài viết “*Mấy suy nghĩ về trường ca*” được viết trước 30 tháng 4 năm 1975 là bài viết công phu; ngoài việc ghi nhận những thử nghiệm về trường ca, tác giả đã phân biệt rõ trường ca với các thể tài khác, nêu lên những đặc trưng cốt yếu của trường ca, các hình thức trường ca được viết trong thời gian đó. Có thể nói rằng, với cuốn “*Văn học và phê bình*”, Lại Nguyên Ân đã dành mối quan tâm lớn nhất cho thể loại trường ca. Những nhận xét đưa ra tuy vẫn dè dặt nhưng lại vô cùng quan trọng đối với phê bình và sáng tác văn học thời điểm ấy.

Sau này, khi PGS.TS Vũ Văn Sỹ đề cập đến trường ca, ông đặc biệt chú ý đến vai trò của thể loại trong hệ thống thơ Việt Nam hiện đại. Trong bài “*Trường ca trong hệ thống thể loại thơ Việt Nam hiện*” đại tác giả đã luận giải

một cách hợp lý về sự phát triển của thể loại này. Đặc biệt, năm 1999 Hoàng Ngọc Hiến đã xuất bản giáo trình *Năm bài giảng về thể loại* và một trong số những vấn đề được ông đưa ra là “*Mấy vấn đề đặc trưng thể loại và thi pháp của trường ca*”. Đây là lần đầu tiên thể loại trường ca mới ở Việt Nam được đưa vào giáo trình. Có thể nói Hoàng Ngọc Hiến là người dành nhiều tâm sức cho việc nghiên cứu trường ca. Từ các bản dịch, các bài giới thiệu về trường ca của Maicôpxki, các lý thuyết về thể loại của Nga, ông đã khái quát nên những đặc điểm cơ bản của trường ca hiện đại như: *nội dung lớn, cảm hứng lớn, mối tương quan giữa tự sự và trữ tình...* Về những nghiên cứu mang tính trường qui, chúng tôi thấy trường ca ít nhiều đã được quan tâm, tuy số lượng các công trình vẫn còn ít và chủ yếu là đề cập đến một vài khía cạnh, một vài tác giả viết trường ca. Từ luận văn thạc sĩ trở lên, có thể kể đến một số công trình như: *Chất sử thi trong trường ca hiện đại 1954 – 1985* của Lê Thị Hồng Liên (Luận văn thạc sĩ Đại học sư phạm Huế - 2001); *Thể trường ca trong văn học Việt Nam từ 1945 đến đầu thế kỷ XXI* của Đào Thị Bình (Luận án tiến sĩ, 2008); *Đặc điểm trường ca Thu Bồn, Nguyễn Khoa Điềm, Thanh Thảo* của Mai Bá Ân (Luận án tiến sĩ, 2008).

1.1.3. Các chặng đường phát triển của trường ca Việt Nam

Trường ca xuất hiện lẻ tẻ trong thời kì kháng chiến chống Pháp, khởi sắc từ những năm 60, phát triển mạnh những năm 70 và nở rộ sau những năm chiến tranh, bắt đầu lắng xuống khi bước vào thời kì đổi mới rồi xuất hiện trở lại vào những năm 90 của thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21.

Giai đoạn mở đầu của thể loại trường ca trong văn học Việt Nam có thể lấy mốc từ những năm 45 cho đến 1965. Ở chặng đường mở đầu này đội ngũ sáng tác không nhiều, số lượng các trường ca cũng tương đối ít ỏi, sự phân định giữa thể loại trường ca với thể loại thơ dài cũng chưa thật rạch ròi. Có thể kể đến các tác giả tiêu biểu như: Xuân Diệu với *Ngọn Quốc kì và hội nghị non sông*, Khương Hữu Dụng với *Từ đêm mười chín* (1948), Hà Thanh Đầu với

Việt Nam hùng sử ca (1949), Phùng Quán với *Tiếng hát trên địa ngục Côn Đảo* (1954), Văn Cao với *Những người đi trên cửa biển* (1956), Thu Bồn với *Bài ca chim chơ-rao* (1963). Về cơ bản, các trường ca trên đã phản ánh được một số sự kiện, nhân vật tiêu biểu trong thời kì kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Đó là những anh du kích, những chiến sĩ cách mạng... Tuy nhiên tầm khái quát và chất lượng nghệ thuật của các trường ca này chưa cao.

Giai đoạn từ 1965 đến 1985, trường ca bước vào thời kì phát triển mạnh mẽ và trở thành hiện tượng văn học đáng chú ý trong những năm kháng chiến chống Mỹ và sau giải phóng. Đề tài chủ yếu trong trường ca giai đoạn này là đề tài chiến tranh. Dưới các góc nhìn khác nhau, các tác giả trường ca đã đem đến cho thể loại này sự phong phú về nội dung, sức khái quát của thể loại và một hình thức, kết cấu tương đối hoàn chỉnh cho thể loại trường ca.

Mười năm đầu của giai đoạn thứ hai này (1965 – 1975) chính là thời kì khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đội ngũ sáng tác chính là những người lính trực tiếp cầm súng chiến đấu. Họ được tôi luyện và trưởng thành trong không khí sôi nổi của thời đại. Có thể kể đến một số tên tuổi tiêu biểu như : Lê Anh Xuân, Vương Anh, Phạm Nga, Thái Quang, Viễn Phương, Nguyễn Khoa Điềm... Họ đã kịp có mặt và tiếp nối truyền thống của lớp đàn anh trước. Sự bổ sung lực lượng này làm cho đội ngũ sáng tác trường ca giai đoạn này đông đảo hơn, số lượng các trường ca cũng nhiều hơn, phong phú hơn đáp ứng được nhiệm vụ phản ánh hiện thực rộng lớn của giai đoạn cách mạng mới đồng thời làm thay đổi diện mạo thơ ca nói chung và trường ca nói riêng. Đa số các trường ca giai đoạn này thể hiện rõ ý thức về bản chất, cấu trúc của thể loại trường ca. Có thể kể đến một số trường ca tiêu biểu như *Những anh hùng Đồng Tháp*, *Mặt đường khát vọng*, *Kể chuyện ăn cơm giữa sân*...

Sau năm 1975, đất nước hoàn toàn được giải phóng, các nhà thơ đã tích tụ đủ những điều kiện cần thiết để nhận thức rõ về giá trị bản thân, về sự lớn

lao vĩ đại của dân tộc, về niềm vui chiến thắng và cả những mất mát đau thương. Từ những nền tảng đó, những bản trường ca ra đời. Số lượng và chất lượng những bản trường ca viết sau chiến tranh đã có bước tiến rõ rệt. Khuynh hướng chung của các bản trường ca là muốn tổng kết, khái quát về chiến tranh thông qua sự trải nghiệm của bản thân mỗi nhà thơ. Ngay sau khi chiến tranh kết thúc, hàng loạt các trường ca có dung lượng lớn, phong phú về nội dung, sâu sắc về tư tưởng, nhuần nhuyễn về nghệ thuật thể hiện đã lần lượt “trình làng”. Có thể kể đến một số trường ca tiêu biểu như *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo (1976), *Đường tới thành phố* của Hữu Thỉnh (1977), *Sông núi trên vai* của Anh Ngọc (1977) và năm 1983 xuất bản tiếp *Điệp khúc vô danh*, Nguyễn Đức Mậu với *Trường ca sư đoàn* (1978), Nguyễn Trọng Tạo với *Con đường của những vì sao* (1978), Trần Mạnh Hảo với *Mặt trời trong lòng đất* (1979)...

Những năm đầu thập kỉ 80, nối tiếp những thành công trước đó, các nhà thơ tiếp tục viết thêm rất nhiều trường ca nữa, thậm chí có những người còn sáng tác cả một seri trường ca như Thanh Thảo với *Những ngọn sóng mặt trời* (1982 – bao gồm 3 tác phẩm), sau đó là *Khối vuông ru – bích* (1985) và sau này là *Trò chuyện với nhân vật của mình* (2002), Vĩnh Quang Lê từ 1981 đến 1986 xuất bản liền 4 trường ca: *Những lời ca chưa đủ*, *Một vé đi về ánh sáng*, *Thức dậy lúc 0 giờ*, *Những câu trả lời ngắn nhất*. Ngoài ra còn có thể kể đến Thu Bồn với *O Ran 76 ngọn* (1980), Anh Ngọc có *Sông Mê Công bốn mặt* (1981), Võ Văn Trục với *Hành khúc mùa xuân* (1980)...

Từ sau năm 1985 đến nay, đất nước bước vào thời kì đổi mới, đội ngũ các tác giả viết trường ca được bổ sung không nhiều, số lượng các tác phẩm cũng thưa thớt hơn trước, song vẫn có những trường ca tương đối đặc sắc. Có thể kể một vài gương mặt tiêu biểu như Vương Trọng, Thanh Thảo, Trần Anh Thái, Thi Hoàng, Hoàng Trần Cương... Nội dung phản ánh của trường ca đã được mở rộng trở nên phong phú và đa dạng hơn. Bên cạnh chủ đề chiến tranh và những

hậu quả của nó, các trường ca còn đồng thời chú ý đến các vấn đề thường nhật của cuộc sống. Khuynh hướng triết luận, mở rộng trường liên tưởng, tính ẩn dụ, giọng điệu cắt nghĩa, biện giải và xây dựng các biểu tượng mang tính biểu trưng cao... là những đặc điểm nổi bật của trường ca giai đoạn này.

Trường ca Việt Nam hiện đại đã có một con đường phát triển riêng cùng với các thể loại khác trong lòng nền văn học dân tộc. Từ hiện thực đau thương của đất nước trong chiến tranh, qua bước chuyển tiếp của thời kì sau giải phóng, bước một bước dài đến cuộc sống của con người hiện đại, trường ca đã mang trong mình sức mạnh của hiện thực, sự nâng đỡ của cảm xúc dạt dào, sôi nổi của những nhà thơ trẻ sống, chiêm nghiệm qua hiện thực chiến tranh cũng như những xô bồ của cuộc sống thị trường thời kì đổi mới. Vì thế trường ca vừa có sức khái quát, ôm chứa một hiện thực rộng lớn đồng thời vẫn thấm đẫm cảm xúc của người viết, qua từng thời kì mà có sự hoàn thiện dần và đạt đến sự chín muồi của một thể loại hoàn chỉnh.

1.1.4. Đặc trưng thể loại của trường ca Việt Nam hiện đại

1.1.4.1. Về nội dung

Đặc trưng thể loại về phương diện nội dung đầu tiên mà trường ca Việt Nam hiện đại đề cập đến là *chiến tranh và người lính*

Lịch sử chiến tranh liên miên đã để lại dấu ấn không thể phai mờ trong tâm thức cộng đồng người Việt. Văn học với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, là nơi tái diễn một cách chân thực nhất tâm thức ấy. Trường ca nói chung và trường ca hiện đại Việt Nam nói riêng, chiến tranh luôn là đề tài chính, là mấu chốt cho những trải nghiệm được tự sự. Trường ca hiện đại mô tả chủ yếu cuộc đấu tranh của dân tộc đối với kẻ thù ngoại xâm để đạt mục đích cao cả: thoát khỏi ách ngoại xâm, nhằm thiết lập một cộng đồng dân tộc mới, với nội dung giai cấp mới theo lí tưởng cách mạng với cảm hứng chủ đạo là chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng.

Có thể khẳng định, thơ ca chống Mỹ cứu nước nói chung và trường ca nói riêng đều khắc họa người lính (bộ binh, thiết giáp, đặc công,... và cả những người du kích, cán bộ địch vận, giao liên, thông tin liên lạc...) bằng những nét vẽ rất bình thường, vô cùng bình thường nữa là khác. Đây cũng là tứ thơ chung của cả thời đại.

Thiếu Mai đã nhận định về cây bút trẻ Thanh Thảo của thời chống Mỹ: *“trong tâm lòng người chiến sĩ, có một khoảng rộng nhất, sâu nhất dành cho quê hương - hậu phương lớn”* Trong *Những người đi tới biển*, người chiến sĩ **bộ binh** của Thanh Thảo già dặn trong cách nghĩ, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, hiểm nguy vì sự sống còn của đất nước. Các anh không có quyền lựa chọn nơi và thời điểm để được sinh ra nhưng lại được quyền chọn mảnh đất mà mình sẽ cống hiến tuổi trẻ và xương máu - nếu muốn được làm người đứng nghĩa khi Tổ quốc cần: *“Người ta không thể chọn để được sinh ra/ Nhưng chúng tôi đã chọn cánh rừng phút giây năm tháng ấy/... Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/ (Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc) Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc”*. Người chiến sĩ ấy, lúc bấy giờ có tuổi đời còn quá trẻ nhưng những câu thơ lại mang tính chính luận triết lý già dặn như chân lý của một dân tộc đang chìm đắm trong khói lửa chiến tranh. Lời thơ của anh cũng chính là lời tuyên thệ của cả một đội quân điệp điệp trùng trùng đang rùng rùng ra trận, của những con người vô cùng dũng cảm, không sợ bất cứ kẻ thù nào nhưng lại cực kỳ nhân hậu, thủy chung. Giữa bao nhiêu sự hy sinh mất mát đến cháy lòng cháy dạ thì họ vẫn lạc quan để sống và để hy vọng về một ngày mai chiến thắng.

Các nhà thơ trường ca thời chống Mỹ đã xây dựng hình ảnh người lính đúng như hiện thực vốn có: hết lòng yêu nước thương dân, biết hy sinh tình cảm riêng tư để kiên cường đánh giặc trong tư thế đàng hoàng, đỉnh đạc và rất lạc quan. Trường ca vốn không chỉ nói về người lính mà còn qua họ nói về cả một thế hệ tự ý thức sâu sắc về mình, về lịch sử và nhân dân. Đó là sự tự nhận thức đạt đến độ sâu trong thơ chống Mỹ

Nội dung quan trọng tiếp theo mà trường ca phản ánh là *đất nước và số phận con người*

Trong lịch sử văn học, cảm hứng về đất nước vẫn luôn là một trong những cảm hứng lớn nhất của mỗi giai đoạn. Và trường ca hiện đại cũng đã thể hiện rất rõ nội dung ấy. Đất nước trong đời thường và đất nước trong văn học được kết tinh từ tất cả những mảnh ghép cuộc sống. Các tác giả trường ca giai đoạn kháng chiến chống Mỹ từ sự thôi thúc của trái tim mình đều dồn mọi tâm lực cho sự miêu tả, ngợi ca và dựng nên hình tượng đất nước:

“Dân tộc tôi khi đứng dậy làm người

Mồ hôi vã một trời sao trên đất”

(Những người đi tới biển- Thanh Thảo)

Truyền thống dân tộc đã tạo nên những anh hùng, tạo nên sức mạnh tiềm tàng mà quật cường để dân tộc có thể chiến thắng giặc ngoại xâm. Đó là đất nước của những người con gái, con trai chưa bao giờ biết sống lùi bước:

Đất nước của những người con gái, con trai

Đẹp như hoa hồng cứng hơn sắt thép

Xa nhau không hề rơi nước mắt

Nước mắt để giành cho ngày gặp mặt

(*Chúng con chiến đấu cho người sống mãi Việt Nam ơi*- Nam Hà)

Trong cảm nhận của các tác giả trường ca, đất nước còn được tạo nên bởi những cuộc đời bình dị mà cao đẹp. Họ là những người còn sống và cả những người đã mất. Tất cả đều là những anh hùng của nhân dân. Đặc biệt, trong hầu hết các bản trường ca, hình ảnh người mẹ được các tác giả tập trung khắc họa một cách đậm nét. Mẹ chính là ngọn nguồn của tất cả, mẹ sinh ra những anh hùng và truyền thuyết từ xa xưa:

Chính mẹ đẻ ra anh hùng và truyền thuyết

Từ túp lều lợp lá lợp tranh

(*Những người đi tới biển*- Thanh Thảo)

Gắn với đất nước là số phận con người. Có thể nói trường ca hiện đại thường xoáy sâu vào số phận con người, đặt con người vào mối tương quan với hoàn cảnh, thời gian và không gian tồn tại. Trường ca trước 1975 chủ yếu đề cập đến những con người mang tính tập thể, sống bằng lí tưởng mà ít đời sống nội tâm. Song một điểm nhấn trong trường ca hiện đại sau 1975 là đã đề cập đến những số phận riêng mà những số phận ấy phải chịu ảnh hưởng sâu sắc của chiến tranh. Các số phận con người đời tư nhiều đau khổ, trái ngang đã được các trường ca sau 1975 đề cập đến như một minh chứng hùng hồn về tội ác của giặc Mỹ.

Biết bao người đã không tìm được hạnh phúc vì chiến tranh, để sự nuôi tiếc khổ đau cho cả cuộc đời:

Chết-hy sinh cho tổ quốc- Hùng ơi

Máu thấm cỏ, lời ca bay vào đất

Hy sinh lớn cũng là hạnh phúc

Một cây xuân thành biển khắc tên Hùng

(*Nắm mộ và cây trâm* - Nguyễn Đức Mậu)

Và nỗi lòng se sắt một người mẹ trong trường ca *Đất nước hình tia chớp* của Trần Mạnh Hảo:

Mỗi bận chiến trường tin báo tử

Mẹ lại hoài thai bằng nỗi đau dài

(*Đất nước hình tia chớp*- Trần Mạnh Hảo)

Con người đã chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, nhưng đồng thời trong chiến tranh con người cũng đã thể hiện sức mạnh kì diệu. Họ không chỉ

vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt đau thương của đất nước mà còn chiến thắng chính bản thân mình, chiến thắng số phận nhiều lúc không tránh khỏi hẩm hiu. Song, dù ophải chịu những mất mát lớn lao, con người vẫn chịu đựng vì sự vĩnh hằng của Tổ quốc.

1.1.4.2. Về hình thức

Trên bình diện thi pháp thể loại, trường ca là hệ quả tất yếu của quá trình thơ trữ tình mở rộng chức năng xã hội- thẩm mỹ của yếu tố tự sự trong kết cấu tác phẩm. Vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ, có cốt truyện vẫn là mô hình quen thuộc cho các nhà thơ khi họ tìm đến thể trường ca. Có thể kể tên các tác phẩm như *Bài ca chim chơ rao* - Thu Bồn, *Theo chân Bác* –Tổ Hữu, *Con đường của những vì sao* - Nguyễn Trọng Tạo, gần đây *Người anh cả của toàn quân*(*Trường ca về Tướng Giáp*) – Hoàng Bình Trọng...Các trường ca này đều có nhân vật ,có cái sườn tự sự, thậm chí cả kịch tính. Đó là Bác Hồ, Tướng Giáp, hai cán bộ Hùng và Rin, hai chiến sĩ Mùa và La , 10 cô gái Đồng Lộc..., rất nhiều mảng tự sự về hai cuộc kháng chiến làm nền cho hành trạng các nhân vật, đan xen bên cạnh những suy cảm trữ tình của tác giả . Tuy nhiên vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mĩ, vào những năm tháng tiếp theo, trường ca nở rộ và dường như không còn theo mạch tự sự là chính. Trường ca giai đoạn này có thể xem là một dạng tổng hợp bao gồm cả tự sự, trữ tình và chính luận. “*Các trường ca dạng này thường được chia thành nhiều chương, khúc mà mỗi chương có thể được đặt tên. Mạch liên kết của các chương là mạch triển khai của chủ đề mang tính chính luận trữ tình*” [46]. Các trường ca giai đoạn này phải kể đến *Đường tới thành phố* - Hữu Thịnh, *Những người đi tới biển* -Thanh Thảo, *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm, *Trầm tích* –Hoàng Trần Cương, *Trường Sơn*- Nguyễn Đức Mậu, *Đỏ bóng xuống mặt trời* và *Ngày đang mở sáng* – Trần Anh Thái....

Trong quá trình vận động của thể loại, vào những năm sau 1975, kết cấu trường ca theo cốt truyện, sự kiện và tuyến thời gian ngày càng lỏng lẻo; kết cấu

lấy tư tưởng – cảm xúc trữ tình làm chỗ dựa ngày càng được các nhà thơ vận dụng trong sáng tạo. Các trường ca này chủ yếu thể hiện những suy tưởng, những cảm xúc của chủ thể trữ tình. Mạch trữ tình là cái sườn chính xuyên chuỗi các khúc đoạn, yếu tố tự sự được giảm xuống thứ yếu, chỉ còn đọng lại trong một vài chi tiết có tính liên tưởng. Sự khác biệt này ta có thể tìm thấy qua lời thổ lộ của hai tác giả Nguyễn Trọng Tạo và Trần Anh Thái. Nguyễn Trọng Tạo cho rằng: *“Tôi đã kết cấu trường ca đan xen tự sự và trữ tình.[...]Những cô gái trong trường ca này là thanh niên xung phong tham gia chiến đấu ngay dưới mưa bom bão đạn quân thù, và chàng trai làng quê lính lái xe chở đạn vào chiến trường, qua hai nhân vật này tôi muốn làm hiện lên thân phận và tâm trạng của người công dân trong cuộc chiến tranh vệ quốc”* (Tựa - Con đường của những vì sao). Còn Trần Anh Thái: *“...tôi trung thành với khát vọng trên đường tìm kiếm cội rễ sâu chân thực trong chính bản thân mình...”* (phát biểu ở Hội thảo về Trường ca TAT).

Nói chung ở mỗi tác phẩm cụ thể, tùy theo sự nổi bật của sự kiện hay mạch nguồn cảm xúc mà mỗi tác giả lựa chọn một kiểu kết cấu hay phối hợp đan xen nhiều kiểu kết cấu khác nhau trong lòng một tác phẩm, từ đó đem lại hiệu quả nghệ thuật cao nhất. Càng về sau các tác giả càng chú ý sử dụng đan xen nhiều kiểu kết cấu, nhiều giọng điệu, nhiều phương thức thể hiện trong một chỉnh thể nhất quán đã tạo nên quy mô đồ sộ, hoành tráng cho trường ca, mặt khác đây cũng là đặc trưng của nó. Nhờ sự đa dạng của hình thức kết cấu đã đem lại cho trường ca sự phát triển vượt trội so với nhiều kiểu kết cấu của các tác phẩm thơ ca thông thường khác.

1.2. Hữu Thỉnh với thể loại trường ca

1.2.1. Hành trình sáng tạo thơ Hữu Thỉnh

Thơ Hữu Thỉnh những năm chống Mỹ và thời kì hậu chiến

Thơ Hữu Thỉnh bám sát hiện thực cuộc sống và phản ánh trung thành những sự kiện lớn lao của đất nước, phản ánh tinh thần chiến đấu dũng cảm,

hi sinh quên mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ông cũng như nhiều nhà thơ khác luôn ý thức sâu sắc về vị trí, vai trò của thể hệ mình :

Không có sách chúng tôi làm ra sách

Chúng tôi làm thơ ghi lấy cuộc đời mình

(Đường tới thành phố)

Bằng con mắt của trực tiếp chiến đấu ngoài mặt trận, Hữu Thỉnh miêu tả chiến tranh với cái nhìn từ trong chiến hào, những câu thơ bật lên từ đời sống hiện thực, từ cuộc chiến tranh vừa âm thầm, vừa quyết liệt, dữ dội và vô cùng nóng bỏng. Mảng thơ viết về chiến tranh gồm tập thơ *Tiếng hát trong rừng* (bài viết sớm nhất vào năm 1968, bài muộn nhất vào năm 1982), trường ca *Sức bền của đất* viết xong vào dịp tết Ất Mão (1975), trường ca *Đường tới thành phố* viết từ tháng 8/1977 hoàn thành tháng 4/1978. Cảm hứng chủ đạo là cảm hứng về đất nước, nhân dân, về cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước.

Thơ Hữu Thỉnh luôn biểu hiện được một cách tự nhiên về cuộc sống, luôn hoà quyện giữa hiện thực và lãng mạn qua hình ảnh người lính nơi chiến trường “*Người sốt rét hát cho người sốt rét*”. Những năm tháng đó khiến nhà thơ phải thốt lên “*Những năm Trường Sơn bạn bè trong trẻ quá*”. Đó là những gian khổ đã trở thành ký ức. Đó là những cảnh vật quê hương từ giọt gianh đến chiếc chõng tre, cái dây phơi... Đó là tình quê hương, làng xóm, tình quân dân, đó là hình ảnh người mẹ, người vợ, người chị... tất cả đều hiện lên rất đời thân quen và cũng vô cùng xúc động.

Mang đặc điểm của một hồn thơ hồn hậu, giàu suy tưởng thơ viết về chiến tranh của Hữu Thỉnh có kết hợp nhuần nhị giữa giọng chính luận với giọng trữ tình đậm thắm. Chính điều này đã mang đến cho người đọc những nét đặc sắc, vừa quen vừa lạ. Dường như Hữu Thỉnh đang nói hộ những điều sâu kín trong tâm. Đó chính là những yếu tố góp phần tạo nên sự thành công của Hữu Thỉnh.

Thơ Hữu Thỉnh thời kì đổi mới

Sang một chặng đường bước phát triển mới của đất nước, thơ Hữu Thỉnh lại mang đến cho bạn đọc một nguồn cảm hứng và phong cách sáng tạo mới. Gần mười lăm năm tìm đoạn đường phát triển tiếp theo cho thơ mình để cùng một lúc ông đã cho ra mắt hai tập thơ “*Trường ca Biển*” và “*Thư mùa đông*” và tiếp theo là tập thơ “*Thương lượng với thời gian*” đã đánh dấu và khẳng định thơ Hữu Thỉnh trong nền thơ đương đại Việt Nam.

Những sáng tác của Hữu Thỉnh trong thời kỳ này đã thể hiện cách nhìn nhận đánh giá cuộc đời với những suy ngẫm của một con người đang trăn trở trước cuộc sống đầy những thử thách khó khăn trong cái tôi trữ tình của Hữu Thỉnh

Thơ Hữu Thỉnh thời kỳ này phản chiếu cuộc sống thường nhật, trở về cuộc sống đời thường những nhìn nhận về tình đời, về lẽ sống, về thân phận cá nhân trong cõi nhân gian đôi lúc phải tìm về nương tựa vào những giá trị truyền thống. Với một loạt các bài: *Nghe tiếng cuốc kêu*, *Hạnh phúc*, *Tự thú*, *Người bộ hành lặng lẽ*, *Năm tháng trên vai*... đã thể hiện cái tôi của nhà thơ luôn trăn trở, nghĩ suy, tự vấn về nhân tình thế thái và về bản thân. Hữu Thỉnh luôn thường đặt ra nhiều câu hỏi, nhiều giả thiết để tự mình chất vấn, ngẫm ngời và nhiều khi bỏ ngỏ để bạn đọc cùng suy ngẫm.

Trong những sáng tác của thời kỳ trước đề tài tình yêu cũng được Hữu Thỉnh đề cập đến nhưng đó mới chỉ là những hình ảnh thoáng, xen kẽ chưa có những tứ thơ trọn vẹn về đề tài này. Thời kỳ này Hữu Thỉnh đã có những tứ thơ riêng, những bài thơ tình trọn vẹn cũng đem đến những rung động trong sâu thẳm tâm hồn nhà thơ: *Thơ viết ở biển*, ...

1.2.2. Quan niệm về thơ của Hữu Thỉnh

Nói “*quan niệm thơ Hữu Thỉnh*” là đề cập đến những yếu tố xã hội được chuyển hóa vào tư duy nghệ thuật để trở thành quan niệm văn chương

Nếu Bằng Việt quan niệm sáng tác thơ ca là quá trình đi từ ngoại cảnh

đến nội tâm, từ cuộc sống khách quan đến cuộc sống chủ quan, là sự va chạm với hiện thực sắc cạnh tác động đến tâm hồn và cuối cùng là sự tư duy trí tuệ. Thì Hữu Thỉnh lại có những quan niệm cụ thể hơn:

Chúng tôi làm thơ ghi lấy cuộc đời mình

Khi đọc thơ ông người ta nhận thấy ngay quan điểm của một nhà chiến sĩ làm thơ là để ghi lại cuộc đời chiến đấu của mình cũng là của chính dân tộc. Ông cho rằng “ *chiến tranh là một hiện tượng xã hội đột xuất. Ở đó lịch sử chảy xiết hơn. Phản ánh cuộc chiến tranh đó vừa là trách nhiệm vừa là niềm say mê của mỗi chúng tôi. Chiến tranh ra bài thi nhập môn cũng là nơi thử thách lâu dài của mỗi người. Sự gắn bó tự thân với cuộc chiến đấu, sống hết mình trong thử thách hi sinh là cử chỉ đầu tiên của một người cầm bút trung thực. Thơ ca của thế hệ chống Mĩ là tiếng nói sống động và tự tin của những người trong cuộc. Người ta bắt gặp khá nhiều sự nhân danh nhưng mọi sự nhân danh đều tìm được sự cảm thông của người đọc vì nó được đảm bảo bằng chỗ đứng của người viết. Thơ ở đây được đảm bảo bằng máu*”. Không có trang nhật kí nào có thể vừa ngắn gọn lại vừa đầy đủ chân thực hơn những dòng thơ của người chiến sĩ vừa trực tiếp cầm súng tham gia chiến đấu lại vừa cầm bút ghi lại những khoảnh khắc diễn ra trong cuộc đời mình ở thời điểm đặc biệt ấy:

Gạo chỉ mang đủ mười ngày còn dành mang súng

Còn mang thuốc

Còn mang nhau

Mang bao nhiêu tai biến dọc đường

(Đường tới thành phố)

Câu thơ thật chân thực chứng minh rất rõ quan niệm thơ ca của Hữu Thỉnh. Nhà thơ “*ghi lấy cuộc đời mình*”, ghi lại những hình ảnh, những màu sắc, những thanh âm đa dạng của cuộc đời Cũng chính vì thế người đọc dễ dàng nhận thấy thơ ông là tấm gương phản ánh chân xác cuộc đời thực. ở đó Hữu Thỉnh đóng vai trò như một họa sĩ ghi chép lại bức tranh cuộc sống,

nhưng không phải bằng màu sắc mà bằng ngôn từ .

Thơ phải là ngọn lửa sưởi ấm tâm hồn mình

Cuộc kháng chiến chống Mỹ vô cùng ác liệt mà cũng vô cùng oanh liệt. Chân giá trị của dân tộc và của mỗi người được đem ra thử thách, khe khát và chân xác. Là người trực tiếp cầm súng, Hữu Thịnh có điều kiện thấm thía điều đó hơn ai hết. Anh đồng thời nhận ra cội nguồn sức mạnh tinh thần của người lính mà đôi khi bản thân họ cũng không thể ngờ tới. Một trong những nguồn nuôi dưỡng tâm hồn và làm nên sức mạnh của quân đội cách mạng thời ấy là thi ca. Hữu Thịnh sớm tỏ tường:

Chúng tôi sưởi trên những câu thơ ấy

Cứ thế qua đi nhiều mùa mưa

(Đường tới thành phố)

Trong chiến tranh, hoàn cảnh đôi khi bắt họ phải lựa chọn giữa đạn và sách, họ đã chọn đạn. Nhưng như thế không có nghĩa là người lính đoạn tuyệt với sách vở, thi ca “*Không có sách chúng tôi làm ra sách*”. Không thể mang theo sách họ tự làm ra sách của mình bằng cách:

Chúng tôi vừa đi vừa nhẩm đọc đường

Thơ cứ đến và mưa chiều mau ngớt

(Đường tới thành phố)

Thơ ca đã giúp họ quên đi khó khăn nhọc nhằn, vất vả của cuộc chiến. Người lính ý thức rất rõ sức mạnh của thơ ca đối với cuộc chiến đấu của mình và đồng đội. Bom đạn, chết chóc hẳn nhiên là ghê gớm. Gian khổ, thiếu thốn ghê gớm không kém. Văn, thơ khỏe khoắn đã nâng đỡ người lính, và họ trông chờ, đón đợi thơ, văn hàng ngày:

Thơ hãy đến góp một vài que củi

Cho em nhận ra anh, đồng đội nhận ra mình

(Đường tới thành phố)

Sức mạnh của thơ ca giống như sức nóng của lửa đem lại hơi ấm cho mỗi người lính đi qua chặng đường hành quân đầy mưa gió “*Chúng tôi sưởi ấm trên những câu thơ ấy. Cứ thế đi qua nhiều mùa mưa*”. Ngọn lửa thơ ca người lính dùng để sưởi ấm tâm hồn mình chính là ngọn lửa được duy trì từ nhiều thế hệ. Chính sự chuẩn bị của những thế hệ nhà thơ đi trước đã tạo nên một tài sản chung mà thơ trẻ may mắn được thừa hưởng. Sự thành công của mỗi nhà thơ, trước hết phải từ sự cố gắng nỗ lực chủ quan của chính nhà thơ đó. Nhưng mặt khác, là thế hệ đi sau các nhà thơ luôn có sự kế thừa từ những thế hệ đi trước. Điều đó không tạo nên sự “*lặp lại*” mà tạo nên sự phong phú, đa dạng cho thơ ca và bản lĩnh của mỗi nhà thơ.

Thơ là kinh nghiệm sống được chắt lọc

Hữu Thỉnh ít khi lớn tiếng tuyên ngôn về thơ. Với ông đơn giản là một nhà thơ thì hãy cứ viết đi! Quan niệm thơ thấm thía nhất sẽ được rút ra từ chính những thành công và cả những thất bại. Vì thế Hữu Thỉnh cho rằng : *điều kiện làm nên những vần thơ hay chính là kinh nghiệm*, điều quyết định là ở khả năng biến những kinh nghiệm đời sống thành thơ. Ông đã từng chia sẻ: “*Tôi thấy rằng, con người ta không từng trải với cuộc đời khó mà viết hay. Thơ sẽ rất nhạt nếu đời người cầm bút không trải qua những thăng trầm, thách thức, cam go. Theo tôi, kinh nghiệm cá nhân của người cầm bút là đặc biệt quan trọng. Phải có những kinh nghiệm từ chính số phận mình, sống đến đáy các sự kiện của đời mình mới mong có cái gì riêng, viết cái gì riêng. Nhà thơ không thể tựa vào ai khác ngoài chính mình, cũng như không thể tựa vào kinh nghiệm đám đông mà viết*” [66].

Bên cạnh đó Hữu Thỉnh còn dồn tâm huyết để cho ra mắt bạn đọc cuốn tiểu luận phê bình văn học – *Lý do của hy vọng*. Đây có thể coi là đứa con tinh thần của nhà thơ, nó là những đánh giá, thẩm bình về văn chương. Hơn thế nó còn chứa đựng những ý kiến quý báu về nghề thơ...Chúng tôi rất tâm đắc với một số quan điểm của ông trong cuốn tiểu luận này, như các bài: *Góp*

thêm vài ý nghĩ về thơ, đây là những quan điểm của nhà thơ về thơ. Nhà thơ đã lí giải, cắt nghĩa thơ là gì.. rồi đi đến kết luận: mỗi bài thơ là một định nghĩa về thơ. Hay bài viết *Thơ là nơi trú ngụ của tâm hồn* thể hiện niềm vui rất riêng tư của nhà thơ khi những đứa con tinh thần của mình được bạn đọc tin yêu và quý mến.

1.2.3 Thành tựu trường ca của Hữu Thỉnh

Trường ca chính là một trong những thể loại mũi nhọn của Hữu Thỉnh. Nhà thơ Hữu Thỉnh sở hữu ba bộ Trường ca: *Sức bền của đất* - 1975, *Đường tới thành phố* - 1979, *Trường ca biển* – 1994. Dường như với thể loại dài hơi này mới đủ sức chuyển tải tiếng thơ nhiều thế sự, triết luận nhưng không sa vào triết lý của Hữu Thỉnh. Với tài năng, kinh nghiệm và sự từng trải của mình ông đã viết nên những bản trường ca xuất sắc. Mặc dù để có được những thành công đó không phải là dễ dàng. Chính nhà thơ đã tâm sự về kinh nghiệm viết trường ca của mình “*Trường ca là thể loại dài hơi. Cái khó nhất là làm sao trong mấy ngàn câu thơ anh phải viết thế nào để bạn đọc không chán. Tất nhiên đòi hỏi câu thơ nào cũng hay thì khó lắm. Vậy nên người viết trường ca phải thông minh, phải biết cấu trúc tác phẩm làm sao cho tốt. Nghệ thuật viết trường ca cũng giống như nghệ thuật trồng bóng mát trên đường. Khi người ta đi được một đoạn xem chừng đã thấm mệt thì anh phải trồng nơi đó một bóng râm để cho người ta nghỉ ngơi, thư giãn. Có nghĩa là nhà thơ phải bố trí những câu thơ hay trong tác phẩm của mình một cách nào đó để người đọc luôn thấy hứng thú, hấp dẫn*” [66].

Trường ca đầu tay của Hữu Thỉnh là *Sức bền của đất*. Tác giả đã tâm sự “*Trường ca này tôi viết sau phút đón giao thừa Tết Ất Mão 1975, tại một tiểu đoàn xe tăng, Lữ đoàn xe tăng 273 anh hùng. Lúc đó, tiểu đoàn đang trong tư thế tấn công giải phóng thị xã Công Tum trong chiến dịch Tây Nguyên 1975. Tôi viết một mạch hết đêm giao thừa, cả ngày mồng một và đến quá nửa đêm hôm ấy thì xong. Tôi chép nó trong sổ tay và mãi đến khi kết thúc chiến tranh*

(30/4/1975) mới giờ ra xem lại và gửi cuộc thi thơ 1975- 1976 của Tuần báo văn nghệ Hội Nhà văn Việt Nam. May mắn thay, **Sức bền của đất** và **Chuyến đò đêm giáp ranh** đã vinh dự được trao giải A của cuộc thi này” [66]. Qua lời giải thích trên, ta thấy **Sức bền của đất** được viết rất nhanh. Với 5 chương (không có tựa đề ở mỗi chương), tất cả có 530 câu thơ, chương 2 dài nhất (251 câu) mà chỉ viết một ngày, một đêm, thêm nửa đêm nữa là xong (Tất nhiên sau này, trước khi in sách ông có sửa chữa và viết thêm), nhưng như thế cũng có thể nói rằng, thơ đã chung cất sẵn trong ông như đập nước đang trữ nước và chỉ chờ khơi một cái là tuôn trào. Trường ca *Sức bền của đất* được động lại trong tâm trí người đọc bởi những tâm sự, suy nghĩ, những trải nghiệm sâu sắc của chính tác giả. Hữu Thịnh đã viết về cuộc sống, cuộc chiến đấu, viết về quê hương, viết về mẹ... bằng một chất liệu rất riêng, rất giản dị, gần gũi trong cuộc sống thường nhật.

Trường ca *Đường tới thành phố* ra đời, thực sự khẳng định được vị trí và tài năng của chính tác giả trong sự nghiệp sáng tác. Sau 1975, Tổng cục Chính trị chủ trương mời các nhà văn chống Mỹ tham gia lớp bồi dưỡng viết văn ở Đà Lạt để tập trung sáng tác những tác phẩm đã thai nghén trong chiến tranh. Và trường ca *Đường tới thành phố* ra đời năm 1979- một tác phẩm mà ông đã dành rất nhiều thời gian và tâm huyết như chính ông chia sẻ “*Khi viết “Đường tới thành phố” tôi đọc trường ca của các tác giả như Nguyễn Đình Thi, Thu Bồn, Thanh Thảo để suy ngẫm về cách viết, cách bố cục. Tôi mở lại các nhật ký chiến tranh của mình để có thêm tư liệu, khơi gợi những cảm hứng chân thực về cuộc chiến. Tôi mất cả một tập thơ lẻ gồm 22 bài đã viết trong chiến tranh để “chèn” vào trường ca. Có những bài thơ tôi chỉ “nhặt” được một câu phù hợp với mạch cảm hứng của trường ca. Ví dụ câu: “Sông ơi sông nếu ta phải ra đi/ Bạc thấp xuống cho em ra gánh nước”...trong “Đường tới thành phố” là lấy từ một bài thơ lẻ khác đưa vào.*” “Nếu ở một số trường ca truyền thống thường có cốt truyện thì *Đường tới thành phố* sẽ không có cốt

truyện. Ở đây cái tôi trữ tình tác giả trên nền sự kiện chính là chiến dịch Thành phố Hồ Chí Minh sẽ là trọng tâm của trường ca[67]. Trường ca *Đường tới thành phố* đã khái quát được toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của cả dân tộc. Những cảm nhận, suy nghĩ, trải nghiệm cá nhân được nâng cao trong nhận thức cộng đồng đã tạo nên đặc sắc của sáng tác Hữu Thỉnh. Cái tôi trữ tình trong trường ca chính là chủ thể trữ tình mang sắc thái cộng đồng, thể hiện tính lý tưởng cao đẹp của cộng đồng. Chính trường ca *Đường tới thành phố* đã đưa Hữu Thỉnh lĩnh giải thưởng Hội Nhà văn VN lần thứ nhất năm 1980. Nhà văn Nguyễn Quang Lập khi viết về bạn văn Hữu Thỉnh dành cho ông nhiều lời khen ngợi, trong đó khẳng định tập trường ca này: “*Đọc thơ anh trước đó, bài nào cũng thích, đặc biệt bài “Chuyến đò đêm giáp ranh”, đọc lần thứ hai là thuộc liền. Năm 1978 – 1980, có hai trường ca mình thích mê man, cho đến bây giờ vẫn thích, đó là trường ca Những người đi tới biển của Thanh Thảo và Đường tới thành phố của Hữu Thỉnh*”.

Sau trường ca “*Đường tới thành phố*” được dư luận bạn đọc và đồng nghiệp đánh giá cao, Hữu Thỉnh tiếp tục âm thầm đi vào cuộc chuẩn bị cho một trường ca mới. Đó là *Trường ca biển* khởi sự từ 1981. Không biết có phải từ suy nghĩ khi Văn Cao có *Những người trên cửa biển*, Thanh Thảo có *Những người đi tới biển*, Hữu Thỉnh tự đặt cho mình phần tự hoàn thiện cho vệt trường ca Việt Nam hướng về biển là viết thẳng một trường ca về biển. Và *Trường ca biển* đã hoàn thành sau 13 năm vất kiệt mình trong sáng tạo của Hữu Thỉnh (1981-1994). Tiếng thơ quen thuộc đã thành thương hiệu của Hữu Thỉnh vẫn là thi sĩ của lính. Nhiều đoạn đối thoại ảo giữa Biển và người lính đầy triết lý hần sâu niềm tin, lý tưởng của anh bộ đội Cụ Hồ. Trong một lần được trao đổi về thi pháp, cấu trúc và cảm hứng khi viết hai trường ca này, ông cho biết khi viết xong *Đường tới thành phố*, chính là lúc chủ đề của *Trường ca biển* được ấp ủ. Những khúc trường ca này có thể hiểu đầy chính là những khúc vĩ thanh của *Đường tới thành phố*, bởi nó vẫn tiếp cái mạch ngầm và tiếp tục đi trong cuộc

hành trình lớn của người lính. Đây là hành trình giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và giữ vững nền độc lập dân tộc. Giữ nước trong thời bình người lính vẫn còn đổ máu. Lễ hy sinh ấy có từ ngàn xưa. Những vấn đề của người lính biên đảo hôm nay, *Trường ca biển* đề cập, là tìm kiếm phác họa cho được một chân dung lính đảo hoàn toàn mới. Vào những năm cuối thập kỷ bảy mươi tuy đất nước hoà bình, Nam Bắc sum họp một nhà, nhưng chúng ta vẫn phải đối mặt với tiếng súng ở hai đầu biên giới phía Bắc và biên giới Tây Nam. Từng tấc đất, từng cột mốc biên cương, hải đảo đang lâm nguy và người lính đảo canh giữ biển trời Tổ quốc, trong một tinh thần quyết chiến cam go hơn, phức tạp hơn. Đánh đuổi giặc ngoại xâm, kẻ thù ở đầu mũi súng. Nhưng giữ nước trong thời bình, kẻ thù đôi khi ẩn nấp ở dưới cái bóng của mỗi người, ở ngay chính trong lòng mỗi người, thật khó ngờ tới. Ở *Trường ca biển* còn là những day dứt, suy tư, dự cảm về cuộc sống, về thân phận con người trên tinh thần nhân văn cao cả. *Trường ca Biển* – một trong hai tác phẩm đề cử Giải thưởng Hồ Chí Minh của Hữu Thỉnh là một đứa con thai nghén, ấp ủ rất lâu của nhà thơ. *Trường ca biển* đã đoạt giải xuất sắc Bộ Quốc phòng. Trường ca Hữu Thỉnh có sức chứa lớn trong một sắc thái hoành tráng, khái quát mảng sống lớn, tâm trạng, suy tưởng lớn về nhân dân, về đất nước thông qua sự đào sâu khám phá từ chính bản thân nhà thơ.

Chương 2

TRƯỜNG CA HỮU THỈNH NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG

2.1. Những vấn đề của lịch sử, dân tộc và thời đại

2.1.1. Cuộc hành trình vĩ đại giành tự do, độc lập của dân tộc

Cũng như sử thi, cơ sở của trường ca là hiện thực vĩ đại của lịch sử và thời đại. Trong lịch sử Việt Nam, chính âm ba của những chiến thắng chống ngoại xâm hào hùng trong truyền thống quá khứ của dân tộc, cùng hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và cuộc chiến chống bè lũ diệt chủng ở Campuchia đã trở thành một mạch nguồn cảm xúc vô tận, và trường ca hiện đại Việt Nam đã thật sự “*bùng nổ*” khi đề cập đến những cuộc kháng chiến vĩ đại này.

Chiến tranh đồng nghĩa với khó khăn gian khổ, đồng nghĩa với máu lửa, hi sinh, mồ hôi, nước mắt. Đã từng là người lính cầm súng nên Hữu Thỉnh đã từng trải qua mọi khó khăn gian khổ, mọi khốc liệt dữ dội của chiến tranh. Trong các sáng tác trường ca của ông, ta như thấy hiện thực chiến tranh dội về. Đó là cuộc sống của người lính với bao khốn khó:

Phơi chiếc khăn sương sớm mai rửa mặt

Ngủ nhất gừng giữa hai đợt tấn công

Tay thêm chai mỗi bận moi hầm

Ném cho nhau những khẩu phần khô khốc

(Sức bền của đất)

Với bao thiếu thốn gian khổ và bao bất trắc tai biến:

Gạo chỉ mang đủ mười ngày còn dành mang súng

Còn mang thuốc

Còn mang nhau

Mang bao nhiêu tai biến dọc đường

(Đường tới thành phố)

Những năm tháng mưa bom bão đạn, những nhu yếu phẩm vận chuyển thật khó khăn “*Tiểu đoàn thồ chẳng có gì thồ cả*”(Đường tới thành phố).

Người lính phải thiếu thốn đủ mọi thứ. Và cái đói là một hiện thực ghê gớm:

*Dù cho ăn chay ăn độn
Bứt lấy lá rau như bứt lấy lá buồm
Qua sóng gió hiểm nghèo trăm trận đói*

Cái đói không phải một sớm một chiều mà là hàng “trăm trận đói” tàn phá và đe dọa con người :

*Cứ đói ròn con gái hóa con trai
Cảm ơn ngọn rau dựng người ốm dậy
Cảm ơn cơn suối cảm ơn bờ khe
Con tép chết bom từ bến ngược trôi về
Nếu không đói không thể nào vớt được*

(Đường tới thành phố)

Trong trận chiến tiến vào thành phố biết bao gian khó, người lính không kịp ăn uống phải vội vàng làm nhiệm vụ:

*Mồ hôi sôi ướt
Đánh và đi
Hai tư thế đứng ngồi
Gạo còn đầy nhưng không sao nấu kịp
Ăn cầm chừng nửa gói lương khô
Uống cầm chừng bình nước má cho
Qua thành phố vội vàng lau mặt lấm*

(Đường tới thành phố)

Cơm không kịp ăn, nước không kịp uống là vậy. Người lính còn phải đối mặt với quân thù trước mặt, ngay cả ở sau lưng:

*Có những thằng còn nấp trong bóng tối
Thằng sống sót rình bắn anh sau gáy
Thằng viện binh gào đại bác tầm xa
Báng súng gãy*

Lười lê quăm

Trong trận giáp lá cà

Giặc chạy rồi

Anh dựa vào gốc cây ô môi mà thở

(Sức bền của đất)

Khốc liệt quá, dữ dội quá. Sự sống và cái chết dường như chỉ còn nằm trong gang tấc.

Nếu như nhà thơ Chính Hữu trong *Đồng chí* khi tái hiện hiện thực khốc liệt trong kháng chiến chống Pháp qua căn bệnh sốt rét “*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh/ Sốt run người vầng trán đẫm mồ hôi*”, Thu Bồn miêu tả những khó khăn gian khổ của người chiến sĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ với bao thiếu thốn: “*Trận mùa khô đánh Mỹ/ Quân ta thiếu cơm, thiếu súng, thiếu cả người*”(Bazan khát- Thu Bồn), Nguyễn Trọng Tạo với thiếu thốn và sự hoành hành của bệnh tật nơi rừng thiêng nước độc: “*Bao chiến sĩ tựa vào cây khi lên cơn sốt/cánh rừng rung lên nhận cơn sốt về rừng*”(Con đường của những vì sao) thì nhà thơ Hữu Thỉnh cũng không ngần ngại khi viết về những khó khăn gian khổ mà người lính phải chịu. Ấy là cái khát và cả những trận sốt rừng ghê gớm:

Những cơn khát bậm môi vào bẹ chuối

Hiện lên

Những dấu gậy cơn sốt rừng run bắn

Hiện lên

Những giọt mồ hôi ròng như nến chảy

(Đường tới thành phố)

Cái đói, bệnh tật rồi cái rét hoành hành:

Mưa tối mặt áo quần dán chặt

Trận rét rừng xoắn tím cả làn môi

(Đường tới thành phố)

Có thể nói người lính đã phải trải qua tất cả những thiếu thốn về vật chất với cái đói, cái rét, bệnh tật. Không một khó khăn gian khổ nào mà họ chưa từng nếm trải ngay cả những hiện thực tước da, đổ máu với những tình huống phải lựa chọn sống còn:

Sỏi buốt quá

Bò thì đau mà không bò thì chết

Có những cuộc hành quân “*mưa trơn quá chân tuột ra khỏi dép*”. Và cả những vết thương theo suốt cuộc đời người lính “*hai vết thương vì rừng, ba vết thương vì pháo*”

Đó không chỉ còn là nỗi đau thể xác mà còn là nỗi lo lắng đau đớn về tinh thần khi chứng kiến cảnh đất nước bị giày xéo:

Anh đang bò về phía góc sim

Ngực đập dội chuyển sang đất đá

Quần áo tước ra

Một nửa người anh dẫm dấp máu

Anh đang đau cho đất đá anh yêu

(Đường tới thành phố)

Những khó khăn thiếu thốn vật chất và nỗi đau thể xác dường như không thấm vào đâu, dường như không làm người lính bận tâm mà nỗi đau tinh thần mới thật đau đớn “*Anh đang đau cho đất đá anh yêu*” bởi từng tấc đất thiêng liêng, yêu dấu của quê hương đang bị quân thù giày xéo.

Hiện thực chiến tranh gian khổ với những thiếu thốn về vật chất, những nhu yếu phẩm, những cuộc hành quân, cả những trận sốt rừng hoành hành và hơn thế nữa là cả những tổn thất về tinh thần, những hi sinh mất mát mà cả dân tộc đã phải chịu đựng đã được Hữu Thịnh phản ánh một cách đa chiều và đầy đủ, sắc nét. Nó phần nào đã tái hiện lại được cuộc chiến tranh thần thánh của dân tộc.

Hiện thực chiến tranh khốc liệt gian khổ, đầy chông gai thử thách, đầy máu lửa và những hi sinh như vậy nhưng không làm cho dân tộc ta khuất phục. Dường như chiến tranh, bom đạn là cái nền để vẻ đẹp kiêu hùng bất khuất của con người Việt Nam tỏa sáng. Lí tưởng cách mạng, tinh thần quyết tâm đánh giặc và khát vọng hòa bình hạnh phúc đã đưa dân tộc ta đến thắng lợi, đánh bại mọi dã tâm xâm lược của kẻ thù. Trong *Thời chúng ta yêu nhau*, Trần Mạnh Hảo đã viết:

*Ở giữa anh và em là cái gì cao hơn sự chết
Hơn cả sự sống hai ta là sự sống giống nòi
(Thời chúng ta yêu nhau- Trần Mạnh Hảo)*

Trong những trường ca của mình, Hữu Thỉnh đã đi sâu lí giải những điều rất đỗi thiêng liêng hình thành trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam để làm nên chiến thắng. Ấy là lí tưởng cách mạng, là tinh thần “*quyết tử cho tổ quốc quyết sinh*”, là khát vọng hòa bình hạnh phúc, là tình yêu quê hương dân tộc, giống nòi, quyết tâm đánh đuổi giặc ngoại xâm để bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc

Kẻ thù độc ác, dã man với âm mưu vô cùng hiểm độc. Thế nhưng quân địch càng độc ác và dã man bao nhiêu thì lại càng thôi thúc hơn nữa lòng căm thù và quyết tâm đánh giặc của dân ta. Những khó khăn, thiếu thốn là cái nôi nuôi dưỡng ý chí của dân tộc:

*Kẻ thù làm ta thương nhớ nhiều hơn, sôi sục gấp trăm lần
Con gái con trai nhớ nhau qua bãi bom tọa độ
Màu mạ xanh thành màu che chở
Hang đá không đèn nuôi trí tạo thời cơ
(Sức bền của đất)*

Những người con Việt Nam ưu tú đã từ già gia đình, gửi gắm lại quê nhà bao nỗi nhớ niềm thương để lên đường đánh giặc. Mọi gian khổ khó khăn

họ đều ném trái và không một phút giây nào quên mối thù canh cánh, quên quyết tâm giết giặc:

*Một cọng rau gọi nhớ về xuôi
Củ chuối chát ghi mối thù canh cánh
Đêm bên suối sao trời rơi óng ánh
Nhắc ta hoài biển đang vỗ dưới kia
Con đường tấy lên như một lời thề
Đất gọi ta, làng gọi ta, nóng bỏng
Vịn vào cây ven đường nhẩn bóng
Ngõ như đông đội chờ ta lên*

(Sức bền của đất)

Những câu thơ được viết lên bởi tình cảm chân thành, sâu nặng, tha thiết với “đất” với “làng”. Tiếng “đất gọi ta, làng gọi ta, nóng bỏng” sục sôi thúc giục ta quyết tâm hành động. Hình ảnh “con đường tấy lên như một lời thề” đầy sức gọi cảm. Nó thể hiện niềm nung nấu diệt giặc một cách mãnh liệt của dân tộc Việt Nam.

Trên hành trình *Đường tới thành phố*, những người lính quyết tâm vượt qua mọi mưa bom bão đạn để thực hiện sứ mệnh người con của đất mẹ, của Tổ quốc thân yêu:

*Đêm nay chúng nó kéo nhau đi gài mìn ven lộ
Chúng nó đổ quân lòng giáp vùng ven
Chúng làm sao ngăn được các sư đoàn
Về với đất đã nuôi mình vạm vỡ*

(Đường tới thành phố)

Cả dân tộc đã chiến đấu kiên trung, bất khuất với một khí thế hào hùng, thần tốc với quyết tâm dành lại từng tấc đất thiêng liêng từ tay kẻ thù:

*Đất nước đổ ra đường
Tiền lực lớn những binh đoàn chiến lược*

Binh đoàn hướng Đông, binh đoàn hướng Nam, hướng Bắc

Lướt qua đồn dân vệ bảo an

Lướt qua các chi khu, căn cứ

.....

Đường rập ràng

Điệp khúc những bàn chân

(Đường tới thành phố)

Tinh thần quyết tâm đánh giặc ấy không chỉ sục sôi ở những lính trực tiếp xông pha trong trận chiến với kẻ thù mà ở trong huyết quản của mọi người con yêu nước Việt Nam: từ người ốm đến trẻ nhỏ đến mọi người dân bình thường khác. Đó là cả một dân tộc đồng lòng quyết chiến với kẻ thù với tất cả những gì mình có, với một tinh thần quả cảm, không ngại hi sinh:

Giặc đến

Người ốm chống gậy chống giường chống phản đứng lên

Trẻ con vơ tro, vơ cát đứng lên

Người đang ăn thì cầm lấy đĩa

Người đi gặt thì thủ lấy chuôi liềm

Không quay mặt chẳng bao giờ tiếc máu

(Đường tới thành phố)

Những con người ấy giản dị, bình thường nhưng tấm lòng kiên cường và quyết tâm đánh giặc lại thật phi thường. Bằng mọi giá họ phải giữ cho được “*từ vòng khoai, ngọn mướp*”. Đó chính là cội nguồn của tình yêu nước căm thù giặc và lòng tự tôn dân tộc sâu sắc:

Cứ bền lòng như phản đóng đinh

Giữ cho được nước mình

Từ vòng khoai ngọn mướp

Cả những gì chưa biết dưới lòng sông của đất

Chưa đo xong ngoài biển

Cũng rạch ròi trong vạch vẽ ông cha

(Đường tới thành phố)

Và tất nhiên với lí tưởng cách mạng soi đường, với tinh thần yêu nước căm thù giặc sục sôi, với tinh thần quả cảm, khát vọng hạnh phúc mãnh liệt và niềm lạc quan cách mạng, dân tộc ta đã dành được chiến thắng. Điều đó có thể trả lời cho câu hỏi lớn là vì sao đứng trước kẻ thù lớn với những vũ khí tối tân và dã tâm xâm lược, cuộc kháng chiến trường kỳ rất cam go và quyết liệt, dân tộc ta Việt Nam lại đi đến ngày chiến thắng. Đó là cuộc chiến giữa tình yêu thương chống lại sự độc ác, giữa khát vọng tự do hạnh phúc với dã tâm hủy diệt của kẻ thù, giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Dẫu biết rằng để có được chiến thắng ấy chúng ta đã phải trả giá rất nhiều bằng những tổn thất, những hi sinh bằng máu và nước mắt của những người ở lại.

2.1.2. Con người – góc khuất của chiến tranh

Trường ca Việt Nam còn phản ánh những kinh nghiệm lịch sử, những được mất mà dân tộc đã trải qua. Có nền tảng ra đời từ những năm chiến tranh, song trường ca Việt Nam thật sự nở rộ vào những năm sau khi chiến tranh kết thúc. Những “*nhà thơ mặc áo lính*” chính là những người trong cuộc, song họ cũng thật sự bàng hoàng về những năm tháng lịch sử vĩ đại mà mình đã đi qua, những mất còn mà họ từng cảm nhận. Chính họ chứ không ai khác là những người mắc nợ văn chương với những năm tháng hào hùng ấy, mắc nợ với người đã thay họ vĩnh viễn nằm xuống và không còn trở lại sau cuộc chiến. Khái quát lịch sử bằng những hình tượng thơ cụ thể, cảm xúc trào dâng chính là một thành công của trường ca so với thơ trữ tình. Và vấn đề con người và những thiệt thòi, mất mát, những bất hạnh, bi kịch đã được Hữu Thỉnh phản ánh sắc nét và chân thực trong trường ca.

Chiến tranh đã làm cho bao thanh niên phải từ bỏ mơ ước về tương lai về sự nghiệp học hành, về tình yêu, lãng phí tuổi trẻ, sức trẻ để trở thành người lính xông pha trận mạc. Có khi họ phải nhớ đời tuổi trẻ:

*Sông nhờ đò là con sông rộng nhất
Là con sông tuổi trẻ vẫn thềm qua
...Còn bao sách chúng ta chưa đọc đến
Nhờ hẹn liên miên với các giảng đường
Nhờ hẹn với mưa phùn Ai Bắc
Mai một cành thắt ruột kẻ tha hương*

(Sức bền của đất)

Họ cũng giống người chiến sĩ trong trường ca Thanh Thảo, các anh gửi lại tuổi trẻ học đường, gửi lại kỳ hè, gửi lại những cuốn sách đang đọc dở:

*“Con gửi lại sau lưng
Những ước mơ nhà văn, bác học
Để nhận lấy cánh rìng
Để nhận lấy dây Trường Sơn dựng dốc”.*

(Những người đi tới biển- Thanh Thảo)

Người lính không thể thực hiện được khát vọng tuổi trẻ bởi anh còn nhiệm vụ to lớn và thiêng liêng mà Tổ quốc đã giao cho. Quê hương là nơi chất chứa bao tình cảm thiêng liêng và ấm áp của mỗi con người. Và người lính cũng vậy, phải từ giã quê hương yêu dấu lên đường, họ biết bao nhung nhớ. Nỗi nhớ ấy luôn thường trực xâm chiếm cõi lòng họ. Những kí ức như ùa về, cho họ sống lại những giây phút *nhờ hẹn đò*. Hình ảnh *Mai một cành thắt ruột kẻ tha hương* chất chứa bao nhung nhớ vui đầy. Có cái gì đó ghen đáng, căm lặng đến *thắt ruột* khi người lính nhìn thấy hình ảnh cây mai vàng mà nhớ quê da diết. Thanh Thảo đã nói:

*Nhưng thử thách lớn nhất chưa phải là đói khát
Gương mặt người thân trong nỗi nhớ còn cào*

(Metro – Thanh Thảo)

Người chiến sĩ ra đi để lại sau lưng mình mẹ già, em thơ, cả làng quê yêu dấu và tình yêu trong ngày cưới dang dở:

*Ta hoãn cưới một năm rồi hai năm
Đi đánh giặc chân trời in màu thiếp*

(Sức bền của đất)

Họ không chỉ phải “nhờ hẹn” với những giảng đường, “nhờ hẹn” với khát vọng tuổi trẻ mà còn phải lỗi hẹn với thứ tình cảm thiêng liêng tất yếu của con người là tình yêu lứa đôi, hạnh phúc gia đình. Hình ảnh “chân trời in màu thiếp” thật ấn tượng, gợi lên trong lòng người đọc khát vọng của tuổi trẻ và cả những thiệt thòi, tiếc nuối của người lính. Hoàn cảnh ấy của người chiến sĩ gợi ta nhớ đến người chiến sĩ trong trường ca Nguyễn Trọng Tạo

*Nào riêng hai người yêu nhau hoãn cưới
Bao cô dâu đêm tân hôn tắt bật
Khoác ba lô tiến chú rể lên đường
Để tới đêm tân hôn có thật
Có cái gì hơn cả máu xương...!*

(Con đường của những vì sao – Nguyễn trọng Tạo)

Họ phải xông pha nơi trận mạc và cái chết luôn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Cái chết không vẹn toàn thân xác:

*Bị chặt đầu
Chân còn dấp chân không
Máu anh bồng xuống núi ngàn
Đời anh treo một dấu than giữa trời*

(Đường tới thành phố)

Và thậm chí là cái chết đồng loạt, sự hi sinh của rất nhiều người khiến ta không khỏi bàng hoàng, đau đớn:

*Xạ thủ trung liên
Nốt ruồi đen chìm xuống*

Lưỡng quyền cao khói sáng cao lên

Sau loạt bom vùi

Anh gặp toàn lính mới

(Đường tới thành phố)

Sau trận đánh chỉ còn sót lại xạ thủ trung liên, anh *gặp toàn lính mới*. Câu thơ dội vào lòng người một cảm giác sừng sốt và gai lạnh. Sau một trận bom của địch, tất cả những người lính đều hy sinh chỉ còn lại một người. Và trận ra quân tiếp theo toàn là lính mới. Đó là sự mất mát không gì bù đắp được. Cuộc chiến dù gian khổ, hy sinh nhưng lớp lớp các thế hệ vẫn tình nguyện tòng quân ra trận tiêu diệt kẻ thù. Tình đồng đội đồng chí càng thấm thiết bao nhiêu thì giây phút này càng tang thương, đau đớn bấy nhiêu.

Rồi những cuộc càn đẫm máu của quân địch, người dân bị sát hại dã man:

Thêm một người bị cầm cọc bêu đầu

Thêm một người bị lôi đi mất tích

Thêm một người bị chụp ảnh lặn tay

Thêm một làng bị quăng bom hủy diệt.

(Đường tới thành phố)

Hữu Thỉnh dường như không né tránh những hi sinh đau đớn của người lính mà ghi lại nó một cách hết sức chân thật. Trong chiến tranh, người lính đau đớn chứng kiến cái chết của đồng đội, nhưng rồi cũng chỉ biết bó đất chôn vùi bạn mình rồi tiếp tục cuốn theo những ngã đường đánh giặc; họ chưa cảm nhận hết cái đớn đau, mất mát, cái giằng xé kẻ nằm lại, người ra đi. Bây giờ, hòa bình rồi, nghĩ về những cái đã qua họ đau đớn cả lòng trước cái chết đầy ám ảnh của đồng đội. Nỗi đau dai dẳng, âm ỉ, giờ nghĩ lại càng dội lên trong lòng họ như những đợt sóng gào.

Không chỉ riêng Hữu Thỉnh, các nhà thơ không chỉ ca ngợi sự hi sinh, chiến công và khí phách của người lính mà còn thể hiện chân thực những mất mát, đau thương tột cùng của họ:

Nằm kề nhau

Những nắm mộ giống nhau

Mười nghìn bát hương

Mười nghìn ngôi sao cháy

Mười nghìn tiếng chuông ngân trong im lặng

Mười nghìn trái tim neo ở đầu nguồn

(Những hồi chuông màu đỏ - Nguyễn Hữu Quý)

Viết về cuộc chiến, các tác giả không lên giọng hay tô hồng mà nhân danh “*những người trong cuộc*” tái hiện chiến tranh như nó vốn có. Từ đó suy nghĩ về lẽ sống, sự hi sinh của các thế hệ trong chiến tranh cảm phục trước những chiến công và xót xa trước những bi kịch.

Không chỉ đề cập đến những mất mát hy sinh của dân tộc ta, các trường ca của Hữu Thỉnh bắt đầu tập trung đến con người cá nhân. Chiến tranh đã qua, cùng với vấn đề dân tộc, cộng đồng, con người cá nhân trở thành đối tượng được các nhà thơ quan tâm nhiều hơn. Hạnh phúc cá nhân của con người được đặt ra đầy sức ám ảnh; con người còn lại được gì sau chiến tranh? Hình ảnh những người dân tội nghiệp, đói rách đi tìm miếng ăn thực sự làm người đọc ám ảnh:

Người đi mò trai chết bởi thường luồng

Chết vì rắn mới nhận ra rắn độc

..Cha mẹ đi tìm miếng ăn

Treo con trên cây kiến bâu đầy mặt

Tìm thấy miếng ăn

Quay về

Con đã chết

Miếng ăn rơi như máu rụng trong rừng..

Tiếng hú bật ra vụt tắt ngang chùng

(Sức bền của đất)

Câu thơ dội vào lòng người đọc một sự đắng chát bởi cuộc đời khó nhọc của người dân. Nhân dân đang chìm trong đêm đen nô lệ, đang oằn mình bởi kẻ sinh nhai.

Viết về góc khuất của con người trong chiến tranh ở trường ca Hữu Thỉnh, không thể không nhắc tới những người phụ nữ với những tổn thất, những hi sinh mất mát, những thiệt thòi ghê gớm không gì bù đắp nổi. Hữu Thỉnh dường như hóa thân vào người mẹ, người chị để cảm thông, chia sẻ, để thấu hiểu những điều thầm kín, những tâm tư, tình cảm và cả những bi kịch mà họ phải gánh chịu do chiến tranh

Hình tượng mẹ trong trường ca Hữu Thỉnh hiện lên là người mẹ Việt Nam anh hùng với những phẩm chất sáng ngời: kiên cường bất khuất, thủy chung son sắt, dào dạt yêu thương. Nhưng ẩn dưới bên ngoài rắn rỏi kiên định là cả thế giới nội tâm thẳm sâu đắm tình cảm. Mẹ âm thầm hy sinh để có ngày đoàn tụ. Mẹ phải đau lòng thất ruột tiễn những đứa con mẹ mang nặng đẻ đau đi vào nơi chiến trường đầy rẫy những nguy nan, chết chóc. Bao nhiêu cuộc tiễn đưa những đứa con thân yêu ra mặt trận, lòng mẹ nào chẳng quặn thắt, đớn đau:

Ba đứa con có mặt ở trong này

Mấy cuộc chiến tranh mẹ gánh cùng một lúc

Mẹ thường ít ngủ, mẹ thường thức khuya

Đêm nào cũng dài

(Đường tới thành phố)

“*Mấy cuộc chiến tranh mẹ gánh cùng một lúc*” hóa ra khi tiễn một người con vào chiến trường là mẹ lại phải đối mặt giống như một cuộc chiến tranh – một cuộc chiến tranh chỉ riêng những bà mẹ mới thấu hiểu. Trong cuộc chiến tranh trường kì của dân tộc, chính những người mẹ phải gánh chịu nhiều hy sinh, đau đớn nhất. Đất nước gửi những người con ra chiến trường, mẹ là người hết tiền chồng, lại tiễn con, tiễn cháu ra trận. Hình ảnh

những người mẹ “*gánh cùng một lúc*” mấy cuộc chiến tranh làm trào dâng trong lòng người đọc lòng thương cảm. Vị đắng của cuộc đời như chỉ có mẹ mới là người gánh chịu hết. Vì tình yêu nhân dân, tình yêu tổ quốc, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc mẹ âm thầm gạt lệ tiễn con đi, cố gắng nén đi nỗi đau câm nín:

Cũng giống người mẹ ấy, người mẹ trong trường ca Trần Anh Thái, còn hiện lên với biết bao đau đớn cuộc đời – đau nỗi đau trước thiên tai, địch họa, cũng từng ngấm trải cảm xúc tốt cùng của mất mát chia li:

Em tôi chết ở mé đời Lạng Sơn năm 79

Mẹ mấy năm liền nước mắt gối đêm

(Trần Anh Thái)

Chiến tranh tàn khốc không chỉ gây nên bao cảnh li tan, làm đổ biết bao xương máu và gây nên bao nhiêu nỗi đau hiện hình vật chất mà còn để lại những mất mát, đớn đau về tinh thần và tuổi xuân của người phụ nữ mà không gì có thể hàn gắn nổi. Hình ảnh những người phụ nữ chờ đợi chồng đằng đẳng suốt những năm tháng tuổi trẻ, chôn vùi tuổi thanh xuân trong sự chờ đợi mòn mỏi đã được Hữu Thỉnh cảm thông và khắc họa thật đậm nét trong trường ca

Chị chờ đợi quay mặt vào đêm

Hai mươi năm mong trời chóng tối

Hai mươi năm com phần để nguội

Thôi tết đừng về nữa chị tôi buồn

Thôi ai đừng mừng tuổi chị tôi

(Đường tới thành phố)

Thời gian đợi chờ không phải là vài tháng, vài năm mà đằng đẳng suốt hai mươi năm tuổi trẻ. Hai mươi năm không phải là dài với một đời người nhưng cũng là quá lớn cho nỗi mong chờ khắc khoải của người vợ chờ chồng, cũng đủ làm cho tuổi trẻ tàn phai. Dòng thời gian chảy trôi đã ném tuổi thanh xuân của người phụ nữ vào chiến trường theo từng bước

chân của người đàn ông.

Và đây là những câu thơ giản dị bày tỏ sự cảm thông sâu sắc của bà con đối với khát vọng làm mẹ, với nỗi khắc khoải của người vợ chờ chồng từ khi là cô gái trẻ đẹp nay đã “già nua”:

*Chị tôi không còn trẻ nữa
Xóm làng thương ý tứ vẫn kêu cô
Xóm làng thương không khoe con trước mặt
Hai mươi năm chị tôi đi đò đây
Cứ sợ đắm vì mình còn nhan sắc
(Đường tới thành phố)*

Anh không về, chị trở thành người thừa trong gia đình. Giữa những tiếng cười đùa của mọi người chị cảm thấy mình thật lẻ loi:

*Chị thiếu anh nên chị bị thừa ra
Trong giỗ tết họ hàng nội ngoại
Bao nhiêu tiếng cười vẫn cô cút một mình
(Đường tới thành phố)*

Hình ảnh chị “côi cút một mình” thật đáng thương, tội nghiệp. Đường như đó là hoàn cảnh chung, nỗi cô đơn, tủi hờn của biết bao người phụ nữ trong chiến tranh:

- *Chị tôi tuổi dậy thì mưa nắng
Ngày đi về se thắt mắt mẹ tôi
- Nước mắt lặng lẽ rơi phía sau bóng tôi
Tiếng thở dài chôn nỗi buồn vào căn nhà thiếu vắng đàn ông
(Trần Anh Thái)*

Đời sống hậu phương trong chiến tranh vốn là nơi cung cấp vật chất, là điểm tựa tinh thần cho người lính, nhưng hiện thực ê chề, thật buồn tủi, đơn đau... Có những người vợ mất chồng, cả cuộc đời họ phải sống trong cô đơn quạnh quẽ, và nỗi sợ hãi bủa vây:

*Những đêm trở trời trái gió
Tay nọ áp tay kia
Súng thon thót ngoài đồn dân vệ
Một mình một mâm cơm
Ngồi bên nào cũng lệch
Chị chôn tuổi xuân trong má lúm đồng tiền
(Đường tới thành phố)*

Sự mất mát tình cảm mà người vợ xa chồng phải gánh chịu quá lớn. Không những phải chịu nhớ thương xa cách, phải sống cô độc, lẻ loi, phải chôn vùi tuổi xuân trong sự nhớ nhung chờ đợi mà họ còn phải chôn vùi đi cả cái bản năng sâu thẳm trong tâm hồn mỗi người phụ nữ:

*Chúng em chẳng sợ địch lòng
Đêm nằm sợ tiếng ru con trên đài*

Người phụ nữ không sợ hiểm nguy đối diện với địch mà sợ “*tiếng ru con trên đài*” bởi nó làm trái tim của người phụ nữ mềm yếu đi. Nó đánh thức dậy cái khao khát bản năng hết sức nhân bản, những khao khát bản năng rất mực đời thường. Câu thơ dội vào lòng người đọc sự xót xa thương cảm vô bờ trước những thiệt thòi quá lớn của người phụ nữ. Đường như hoàn cảnh trớ trêu chị không bao giờ chấm dứt, nó như bị kịch cuộc đời không chỉ bám riết trên người chị mà còn làm “*thắt lòng nội ngoại*”

*Mãn tang anh chị vẫn chưa già
...Trời còn bao nhiêu thu
Tóc chị thắm làm thắt lòng nội ngoại*

(Trường ca biển)

Ngày anh không về đó là một nỗi đau không thể nào nguôi ngoai trong chị, mặc dù chị đã từng tin *chữ hợp cuối trang Kiều*, nhưng chiến tranh là vậy, người vợ đã từng vượt qua mưa bom bão đạn, vượt qua bao thử thách trong cuộc sống để chờ anh về và giờ đây chị lại phải chịu thêm một lần thử

thách: *mãn tang anh chị vẫn chưa già*. Có lẽ đó là nỗi đau âm ỉ, sâu kín nhất trong cõi lòng họ. Nó đóng đinh trong lòng họ suốt cuộc đời. Nỗi đau của những người phụ nữ được diễn tả một cách thấm thía xúc động – bởi cuộc chiến tranh mà họ đang đối mặt là cuộc chiến tinh thần: đầy khốc liệt, dai dẳng, ngậm ngùi và ám ảnh.

Chiến tranh đã đi qua nhưng nỗi đau thì đứng lại. Và chính con người, những nạn nhân đau khổ của chiến tranh sẽ phải gánh chịu những tất cả những hậu quả nặng nề, đau đớn. Góc khuất của chiến tranh đã được phơi bày thông qua những hi sinh đổ máu, những thiệt thòi mất mát, những bi kịch, những cảnh đời trớ trêu và những vết thương lòng không thể hàn gắn của con người.

Với sự chân thành trong cảm xúc Hữu Thỉnh đã nhìn lại cuộc chiến đã qua với niềm kiêu hãnh, niềm kiêu hãnh của cả một thế hệ đã quên mình, đã cống hiến hết mình để có ngày hòa bình nhưng ông cũng không tô hồng hiện thực bằng những vầng hào quang rực rỡ. Trong trường ca của ông, những mảng tối, những góc khuất của chiến tranh đã được ông nhìn nhận và phản ánh sắc nét, chân thật.

2.2. Hình tượng nhân vật trung tâm

2.2.1. Hình tượng người lính

Trong trường ca thời chống Mỹ, chiến tranh và bom đạn là cái nền để con người thời chống Mỹ với nhiều phẩm chất cao đẹp hiển hiện. Thế giới mà ở đó, con người vượt lên sự tàn phá hủy diệt để tồn tại, phát triển với vẻ đẹp sáng ngời. Đặc biệt là hình ảnh người chiến sĩ đã thu hút rất nhiều bút lực của các nhà thơ người lính. Họ thật gần gũi, chân tình; yêu thương nhân dân, Tổ quốc và vô cùng dũng cảm. *“Hình tượng người chiến sĩ và hình tượng nhân dân là hai hình tượng trung tâm, vừa mang tính cụ thể, vừa mang tính khái quát, quy tụ cao độ cảm hứng sử thi”* [47, tr 97].

Thơ và nhất là trường ca của thế hệ chống Mỹ cứu nước chính là tiếng nói sống động tự tin của những người trong cuộc. Nhà thơ chiến sĩ là người

khắc họa chân dung đồng đội mình rõ nét nhất, thực nhất, tình cảm nhất. Nhận xét về cách xây dựng nhân vật trong *Đường tới thành phố*, Mai Hương đã viết “*Người chiến sĩ là hình ảnh trung tâm và xuyên suốt trong trường ca. Sự từng trải của người viết đã giúp anh dựng chân dung người chiến sĩ chân thực và sống. Những trang viết của anh do đó có sức chinh phục...*” Thật vậy, trong *Đường tới thành phố*, Hữu Thịnh đã xây dựng thành công hình ảnh các anh chiến sĩ băng dọc Trường Sơn, vượt qua Bình Định, Nha Trang, đến Xuân Lộc cửa ngõ để đến thành phố chiến thắng:

Dù cho phải đốt dãy Trường Sơn

Dù cho phải ăn chay ăn độn

.....

Xuân Lộc

Tôi gọi những cánh rừng cao su

Rừng cao su bật gốc

Đó là những người lính giàu tình yêu thương đồng đội, xẻ chia từng cơn ảm lạnh và sẵn sàng hi sinh vì nhau:

Tôi biết chắc mình không qua khỏi

Xin hãy rút hết nhóm máu O trong người tôi đang chảy

Mà tiêm cho bạn khỏi cưa chân

(Đường tới thành phố)

Họ sẵn sàng hi sinh cho đất nước sinh tồn. Trong phút lâm nguy, hình ảnh Tổ Quốc vẫn chiếm trọn vẹn tâm trí người lính với câu hỏi Tổ quốc sẽ ra sao nếu rơi vào tay kẻ thù:

Trời ơi nếu kẻ thù chiếm được

Chỉ một góc sim thôi dù chỉ góc sim cần

Tổ quốc sẽ ra sao? Tổ quốc?

(Đường tới thành phố)

Và người lính đã quyết định ôm súng bò lên với “*trái tim tình nguyện*”

*Nhưng trước mặt là Tổ quốc
Dù chỉ gốc sim thôi dù chỉ gốc sim cần
Anh ôm súng bò lên với trái tim tình nguyện
(Đường tới thành phố)*

Người lính giành giật từng gốc sim cần chính là giành giật lại từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu. Người lính tự ý thức sứ mệnh lịch sử của mình là phải chiến đấu đến cùng, hi sinh đến cùng để bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Dường như tất cả người lính trong thời kì đất nước lâm nguy đều ý thức được sứ mệnh lịch sử thiêng liêng đó. Ta gặp lời tâm tình của người lính trong trường ca Thanh Thảo:

*Chúng tôi đi không tiếc cuộc đời mình
Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc
Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì cần chi Tổ quốc
(Những người đi tới biển – Thanh Thảo)*

Hay sự lựa chọn của người lính trong trường ca của Nguyễn Đức Mậu:

*Chúng tôi đi con đường không thể khác
Qua chiến tranh giành lấy hòa bình
Được cầm súng vì linh thiêng đất nước
Xin ước mong tuổi trẻ có hai lần
(Trường ca Sư Đoàn – Nguyễn Đức Mậu)*

Sứ mệnh lịch sử của người lính trong chiến tranh lại được duy trì và phát huy trong hoàn cảnh mới – hoàn cảnh thời bình. Khi đất nước hòa bình, người lính lại đặt gia đình sang một bên nhận lấy sứ mệnh thiêng liêng cao cả mà không kém phần nặng nề gian nguy là giữ đảo Trường Sa bởi họ suy nghĩ rằng: “*Biển có đảo biển đỡ lặn lại mình. Đảo có lính cát non thành Tổ quốc*” Từng tấc đất, từng cột mốc biên cương, hải đảo đang lâm nguy và người lính đảo canh giữ biển trời Tổ quốc, trong một tinh thần quyết chiến cam go hơn, phức tạp hơn. Đánh đuổi giặc ngoại xâm, kẻ thù ở đầu mũi súng. Nhưng giữ

nước trong thời bình, kẻ thù đôi khi ẩn nấp ở dưới cái bóng của mỗi người, ở ngay chính trong lòng mỗi người, thật khó ngờ tới. Riêng với người lính biển đảo, giông gió trong khoảnh khắc như lật bàn tay, biển đã trở thành hung thần, thù địch với người lính, giăng bao nguy cơ muốn nuốt chửng họ trong từng sa sầy nhỏ. Và giữ nước trong thời bình người lính vẫn còn phải đổ máu:

Chúng tôi đặt các anh bên cạnh

Cột mốc chủ quyền

Gió và gió

Xóa đi phần mộ các anh nằm

Chúng tôi lại cùng nhau bới cát

Chôn các anh thêm một lần

Cái chết của người lính đảo không đến từ phía bom đạn của kẻ thù nhưng để tồn tại được họ cũng phải học từ máu của những người đi trước. Người lính trong trường ca Hữu Thỉnh dù trong chiến tranh hay hòa bình đều có một ý thức rất cao về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với quê hương, với đất nước, với dân tộc.

Viết về người lính Hữu Thỉnh không chú ý nhiều đến những chiến công, chiến thắng mà nói nhiều đến những tâm trạng những suy tư ở bề sâu của người chiến sĩ được thể hiện bằng lối nói mộc mạc, dung dị như cuộc đời người lính vậy:

Các anh không nói nhiều về chiến thắng những ngày qua

Chỉ mong mưa cho đồng bào gieo lúa.

Rồi những mơ ước giản dị mà xa xôi trong tâm trạng suy tư của người lính cũng hiện lên thật chân thực

Em ơi em,

Sau bao nhiêu tao loạn kiếp người

Anh lại đi gieo mạ ba giăng

Em lại cấy trồng quân cò lả

Lại làm bánh kíp vào phiên chợ

Lại hoa đào hé một nụ dân gian

(Sức bền của đất)

Vẫn là khắc họa hình ảnh người lính thời chống Mỹ, nhưng Hữu Thỉnh lại có cách thể hiện khác với Thanh Thảo. Cách viết của Thanh Thảo trẻ trung, sôi nổi, giàu chất suy tưởng, chính luận... Còn Hữu Thỉnh, trong giọng điệu mang âm hưởng ca dao dân ca mượt mà, trầm tĩnh, dạt dào chất trữ tình sâu lắng. Những rung động về người lính, người chiến sĩ trong thơ Hữu Thỉnh là sự kết hợp hài hòa giữa chủ thể và khách thể, giữa cái tôi và cái ta. Người lính đó là ông và đồng đội của ông. Nhà thơ đã hoá thân vào nhân vật trữ tình để nói lên một cách chân thành và cảm động về tình cảm và cuộc đời người lính.

Hữu Thỉnh đã giành nhiều tâm huyết để tạc khắc thành công hình tượng người lính. Hình tượng người lính trong thơ ông có chiều sâu về nội tâm, phong phú về tâm hồn, dũng cảm trong chiến đấu, là con người của thời đại mới. Thơ Hữu Thỉnh thực sự là *“bài ca về cuộc đời người lính”* [50, tr 22].

2.2.2. Hình tượng người phụ nữ

Trường ca viết về thời chống Mỹ miêu tả nhiều hình ảnh đẹp, chân thật, sinh động về những người anh hùng của đất nước. Nhưng có lẽ chưa bao giờ hình tượng người phụ nữ lại được các nhà thơ dành cho nhiều trang viết đến như vậy. Cảm xúc mãnh liệt dạt dào về người phụ nữ Việt Nam kiên cường, nhân hậu, thủy chung... đã được khắc đậm trong trường ca. Nhìn vào đội ngũ nhân vật của nền văn học cách mạng: *“ta lại thấy ưu thế không thuộc về các nhân vật có cương vị xã hội cao (các nhân vật của lịch sử) như trong sử thi cổ điển mà lại thuộc về các nhân vật bình thường: người mẹ, người vợ, người con gái, người du kích, giao liên, cán bộ vận tải...”* [3, tr 23]

Hầu như các trường ca sử thi hiện đại đều viết về Mẹ với lòng kính trọng và biết ơn. Trường ca Hữu Thỉnh cũng không ngoại lệ. Hình tượng mẹ xuất hiện đầu tiên và trở đi trở lại nhiều lần trong văn thơ Hữu Thỉnh *“Người phụ nữ*

in đậm dấu ấn trong thơ Hữu Thỉnh là người mẹ...Hữu Thỉnh là người nhắc nhiều về mẹ, viết nhiều về mẹ được xếp vào loại hay nhất” [50]. Cảm nhận và miêu tả người mẹ trong những năm tháng chiến tranh chống Mỹ, trước hết Hữu Thỉnh khắc họa đậm nét hình ảnh người mẹ lam lũ, tần tảo hi sinh, chấp nhận mọi nỗi cực nhọc về phía mình:

*Mẹ đi gánh than mẹ thường gánh vãi
Nhem nhuốc cả ngày xanh
(Đường tới thành phố).*

Mẹ gánh trên vai bao vất vả, gian nan:

*Mẹ đi gánh rạ giữa đồng
Rạ chẳng nặng mà nặng nhiều vì gió
(Đường tới thành phố).*

Nhà thơ dường như hóa thân vào người mẹ, thấu hiểu hết nỗi đắng cay, hi sinh vất vả trong cuộc đời mẹ. Cả cuộc đời mẹ là những lo lắng hi sinh cho chồng con:

*Làm lưng đến già còn bao nhiêu tát bật
Sáng úp mặt ngoài đồng
Chiều còng lưng cuốc đất
Qua tét lại bắt đầu cơm sắn cơm khoai*

Chiến tranh đã gây nên bao cảnh ly tan, Mẹ đã xúc động cầm tay tiễn những đứa con thương yêu mình mang nặng đẻ đau mà không biết đến bao giờ gặp lại và có thể sẽ không bao giờ trở lại. Nhưng ý thức trách nhiệm đối với Tổ quốc và lòng căm thù giặc vô cùng sâu sắc nên Mẹ đành nén lòng tiễn con ra trận dẫu biết rằng mẹ sẽ ở lại một mình với nỗi nhớ con da diết, đầy ắp khiến mẹ không còn biết chứa chấp vào đâu:

*Mẹ đang xếp lại cho anh bọn bẻ giá sách
Nhưng nhớ thương thì biết xếp vào đâu
(Đường tới thành phố).*

Đất nước Việt Nam ta, bất cứ ở đâu cũng không thiếu những bà mẹ sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc những đứa con - cả trai lẫn gái, cả đứa con cuối cùng, cả cháu chắt - khi Tổ quốc cần. Hình tượng người mẹ đã được Hữu Thỉnh đưa lên tầm cao anh hùng trong lễ bình thường.

Người lính đã đi khắp mọi nơi trên đất nước, sống những năm tháng chiến tranh vất vả đau thương nhưng điều khiến họ thấy thấm thía và tâm niệm nhất là được trở về với mẹ. Mẹ là *miền nhớ*, là điểm tựa, là sức mạnh tinh thần giúp người lính vượt qua mọi trở ngại gian nan:

*Mẹ là người chúng con thương nhớ nhất
Đất nước ngày có giặc
Mẹ vẫn đỏ miếng trầu
Ấm một vùng tin cậy phía sau
(Sức bền của đất)*

Hình ảnh người mẹ tiễn con ra trận với miếng trầu luôn thắm đỏ trên môi đã làm ấm lòng người lính, là *vùng tin cậy phía sau* mỗi khi họ nhớ về. Vào chiến trận với bao gian khổ, buồn vui, nhưng có lẽ nỗi nhớ mẹ luôn dâng ngập cõi lòng người lính. Một ánh đom đóm bay, một màu hoa gạo đỏ vào hè cũng làm ý nghĩ anh trở về với người mẹ nơi quê nhà với biết bao yêu thương nhưng nhớ:

*Đom đóm bay ra hoa gạo đỏ
Mẹ ở nhà có cát áo bông
Mẹ có ra bờ sông
Qua bến đò tiễn con dạo trước
Đường xuống bến có mùi sáu bậc
Mẹ nhớ thương đã bạc mái đầu*

(Sức bền của đất)

Hình ảnh mẹ trở thành vật báu, là bến nghỉ chân thanh bình mỗi khi người lính nhớ về. Khi khoác ba lô lên đường mỗi người lính quên sao được

những lời mẹ dặn. Chính người mẹ ấy đang làm nhiệm vụ sát nách cùng các con, chia sẻ gian nguy cùng các con, báo tin giặc hành quân cho đàn con biết:

Trận đánh sẽ bắt đầu từ sau cánh cửa

Có dấu vôi quệt mẹ lúc ăn trầu...

Giặc hành quân: nhìn khăn mẹ trên đầu

Ngay cả một cây quạt mo cau trên tay mẹ, một cây ớt, một dây phơi cũng là tín hiệu:

Quạt khép mở trên tay của mẹ

Thành tín hiệu qua đường

Cây ớt che miệng hàm

Chiếc dây phơi kéo cờ khởi nghĩa

Những người lính chiến đấu nơi chiến trường ác liệt họ hành động theo mệnh lệnh của người chỉ huy. Nhưng trong sâu thẳm trái tim mình, họ chiến đấu và hi sinh vì mẹ, vì Tổ quốc thân yêu. Mẹ là quê hương, là tổ quốc ôm ấp và che chở cho những đứa con yêu đi đánh giặc. Trải qua bao năm tháng kháng chiến với khát vọng thống nhất hai miền, mẹ là nguồn thôi thúc con làm nên chiến thắng.

Hình tượng người mẹ Việt Nam anh hùng đã được Hữu Thỉnh cảm nhận và miêu tả sắc nét. Đó là bà mẹ lam lũ, nhọc nhằn, vất vả, thậm chí đau khổ, hy sinh lặng thầm vô bờ bến, cao cả, kiên cường trong đấu tranh và yêu con tha thiết, dạt dào. Mẹ sinh con trai để phục vụ cho Tổ quốc, mẹ sinh con gái cũng để phục vụ cho Tổ quốc. Đó là những bà mẹ Việt Nam, những người phụ nữ Việt Nam mềm mại, ẻo lả như cây lau nhưng lại là những cây lau bằng thép vô cùng dũng cảm, anh hùng, không sợ bất cứ kẻ thù nào, nhân hậu, sống thủy chung và tâm hồn lai láng yêu thương

Nói tiếp hình ảnh và tâm hồn cao quý của các mẹ là hình ảnh của những người con gái, người vợ, người chị... sẵn sàng hy sinh tuổi xuân vì đất nước thân yêu. Đó là những cô gái, theo quan niệm nghệ thuật về con người bình

thường, Giang Nam đã xây dựng nên bằng chi tiết rất giản đơn trong *Ánh chớp đêm giao thừa*: “*Cảm ơn em người con gái bình thường. Người thực sự làm nên chiến thắng*”. Hình ảnh người chị đã được Hữu Thỉnh miêu tả với một tâm lòng trân trọng và một niềm cảm thông sâu sắc “*Có lẽ Hữu Thỉnh là nhà thơ chiến sĩ hiếm hoi đã viết về “chị tôi” một người phụ nữ tiêu biểu cho những năm tháng kháng chiến...vừa xúc động vừa ám ảnh vừa hết sức lung linh trong cảm hứng mến mộ, ngợi ca*” [50]. Trường ca Hữu Thỉnh đã xây dựng hình tượng người chị giàu đức hi sinh, giàu lòng dũng cảm. Hoạt động trong lòng địch, đối diện với bao nguy hiểm để đánh lừa bọn địch. Tác giả miêu tả cảnh ngộ trớ trêu của chị:

*Chị góa bụa trong hồ sơ tự khai
Chị cười cợt với thằng chỉ điểm
Người nó thất y chiếc còng số tám
Cứ hau háu rình chớp chị mang đi
Chị cố làm cho thật lẳng lơ
Thất vạt áo trước bao lời dị nghị*

Chị nhẫn nhịn trước bao lời dị nghị, những định kiến của bà con xóm làng khi giả làm người lẳng lơ để bí mật nuôi cán bộ dưới hầm, mà người cán bộ đó là chồng chị:

*Chị nuôi anh dưới đất
Năm năm trời anh nhìn chị trong đêm
Chị gặp anh mà không hay ốm mập
Gặp anh mà không hay anh đen trắng ra sao
Chị nghe giọng anh mỗi ngày lặng xuống*

Suốt năm năm trời nuôi chồng dưới hầm tối chị và anh gặp nhau mà không hề thấy mặt nhau, chỉ gặp nhau qua giọng nói. Năm nào cũng vậy, chị làm cơm cúng chồng nhưng khăn xong lại mang xôi trái xuống hầm. Đó là sự

hi sinh lớn lao cao cả vô bờ bến của chị. Chị chấp nhận điều đó bởi tình yêu chị dành cho nhân dân, cho Tổ quốc.

Người chị trong trường ca Hữu Thỉnh còn có một cách tính toán mà không ai không cảm thấy xót xa:

*Những đứa con sinh ra trong chiến tranh
Sống tản mát dưới hầm bí ẩn
Chị để con mỗi đứa ở riêng hầm
Bom có trúng cũng không thành tay trắng*

Cách tính toán thể hiện sự thông minh của chị nhưng đọc lên không giấu nổi sự đau xót trong lòng người mẹ trẻ trong thời điểm chiến tranh. Hữu Thỉnh như nhập thân vào nhân vật để tập trung thể hiện sự khắc khoải nội tâm để từ đó làm nổi bật lên lòng chung thủy của những người vợ, người chị. Sự chờ đợi mỏi mòn, khắc khoải của chị còn hiện ra qua hình ảnh chiếc nhẫn lỏng ra nơi ngón tay đeo nhẫn và sự tưởng tượng bước chân người chồng trở về:

*Nhẫn vẫn lỏng ngón tay khô héo
Chị ơi
Bằng khắc khoải hai mươi năm đời chị
Chị hình dung những bước của anh về.*

(Trường ca biển)

Sự hình dung bước chân anh về chính là nguồn động lực tiếp thêm sức mạnh để chị chống chọi lại sự cô đơn và đợi chờ suốt hai mươi năm để mong ngày đoàn tụ. Có một điều đặc biệt là dù cho số phận nghiệt ngã, cuộc đời người phụ nữ trong trường ca Hữu Thỉnh có gian nan đến đâu thì họ vẫn luôn lạc quan và tin tưởng vào ngày mai. Dù sự tin tưởng ấy đôi lúc chỉ là ảo vọng:

*Chị vẫn tin chữ hợp cuối trang Kiều
Hoa mai nở hai lần hoa có hậu
Chị vẫn tin có mùa thu xanh đến cho cuộc kêu tháng sáu
Vẫn tin có ngày hái quả cho anh*

(Đường tới thành phố)

Có thể nói hình ảnh những người vợ, người chị trong chiến tranh đi vào trang thơ của Hữu Thỉnh thật đẹp và vô cùng gần gũi đời thường với sự kiên cường, bất khuất của người anh hùng nhưng cũng có những tâm tư, khát khao thầm kín của hàng triệu người phụ nữ bình thường. Ta khâm phục họ bởi sự chịu đựng, sự bền bỉ sắt đá và sự hi sinh vô bờ bến. Chỉ có những người chị, người vợ, yêu chồng, thương con và sống hết mình vì độc lập tự do cho tổ quốc mới làm được điều đó. Những trang thơ viết về người vợ, người mẹ trong trường ca Hữu Thỉnh giàu sức chinh phục người đọc vì diễn tả đúng tâm trạng của biết bao người vợ khác trên đất nước này. Từ hình tượng người vợ, người mẹ, người con gái... ở trường ca của ông ta có thể bắt gặp đâu đó trong trường ca khác để tạo thành một chân dung tập thể về họ vừa có tính cách riêng nhưng lại vừa mang phẩm chất chung; tiếp nối từ truyền thống anh hùng của dân tộc ta, của Bà Trưng, Bà Triệu...

Trường ca Hữu Thỉnh đã phơi bày mạch cảm xúc dâng trào của nhà thơ khi thể hiện, ngợi ca về một giai đoạn lịch sử thần thánh, về đất nước con người Việt Nam anh hùng, đặc biệt là ngợi ca về người phụ nữ. Ông đã dành những vần thơ đẹp để tái hiện lại trong trường ca hình ảnh những con người mềm mại, thanh tao như những cây lau, nhưng lại là những cây lau bằng thép; sẵn sàng hy sinh tình yêu, quyền lợi riêng tư... để cùng dân thân vào cuộc chiến, giành lấy độc lập tự do cho Tổ quốc thân yêu.

2.2.3. Hình tượng nhân dân

Điều đặc biệt nổi bật của trường ca hiện đại Việt Nam chính là sự xuất hiện những nhân vật số đông vốn bị chìm khuất trong dòng sử thi thế giới. Nhân vật quần chúng số đông, nhân dân vô danh đã làm nên một kiểu hình tượng văn học khá độc đáo trong hầu hết các trường ca hiện đại Việt Nam với quan niệm rất lịch sử và cũng rất thời đại rằng: chính họ, cái số đông quần chúng ấy, chứ không phải ai khác hơn, đã bằng mồ hôi, xương máu của cuộc đời mình làm nên lịch sử, sáng tạo nên lịch sử, trở thành nhân vật trung tâm của

thời đại bão táp cách mạng vô sản và của mọi cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Họ, từ bao đời đã là những “*nhân vật vô danh*” thúc đẩy bước tiến của lịch sử, làm nên diện mạo của một thời đại mới. Cho dù mỗi bản trường ca của các tác giả có những điểm nhìn về nhân dân khác nhau song tựu chung lại, nhân dân chính là những con người đang ngày đêm căng sức mình để dựng xây và bảo vệ đất nước thân yêu, là những người sẵn sàng hy sinh máu của mình cho từng tấc đất quê hương. Chúng ta từng gặp hình ảnh nhân dân trong trường ca Thanh Thảo:

*Mãi mãi sống còn hỡi nhân dân tôi
Người mãnh liệt hơn cả ngàn truyền thuyết
(Những người đi tới biển- Thanh Thảo)*

Hay hình ảnh nhân dân là những con người cụ thể vừa gần gũi vừa bình dị trong trường ca Nguyễn Trọng Tạo:

*Nhân Dân sống Nhân dân làm lụng
Áo vá vai lòng thom thảo lành nguyên
(Con đường của những vì sao – Nguyễn Trọng Tạo)*

Trong mạch cảm hứng chung hướng về nhân dân vừa gần gũi vừa thiêng liêng khi dân tộc bị đế quốc xâm lược, trường ca của Hữu Thịnh đã xây dựng hình tượng nhân dân trong hoàn cảnh nguy nan để thấy sức mạnh phi thường và ý chí của cả dân tộc. Nhân dân hiện lên với số phận thảm lắng, những con người biết chịu đựng và biết hi sinh:

*Suối cứ thế âm thầm nuôi biển lớn
Cứ âm thầm chảy xiết với thời gian
(Đường tới thành phố)*

Hình ảnh “*suối*” chính là tượng trưng cho sự âm thầm, nhẫn nại, cần mẫn của nhân dân góp phần tạo dựng Tổ quốc. Nhân dân Việt Nam với bản chất “*bao dung tin vào nhân nghĩa*” nhưng lại trải qua những năm tháng đau

thương trong bom đạn. Chính những năm tháng đau thương đó, hình ảnh nhân dân lại hiện lên bao dung vĩ đại. Nhân dân được hình dung như “*tám lá chắn diệu kì*” để che chở, đùm bọc, nuôi dưỡng cách mạng và nhận về mình bao gian khó hi sinh:

*Ôi nhân dân tám lá chắn diệu kì
Người nhận mọi vết xăm cho căn hầm nguyên vẹn
(Đường tới thành phố)*

Cảm hứng ngợi ca nhân dân, ngợi ca đất nước đã khiến Hữu Thỉnh xây dựng hình tượng nhân dân sáng ngời và vĩ đại giữa mọi xấu xa tàn bạo:

*Đêm lại về cho mặt đất tái sinh
Đêm xóa đi những vết giày đinh
Những lỗ thủng dài hun hút
Những mẩu thuốc những lời thô tục
Chỉ còn lại nhân dân vằng vặc dưới sao trời
(Đường tới thành phố)*

Hình ảnh nhân dân sáng ngời vĩ đại gợi ta nhớ hình ảnh nhân dân trong trường ca Thanh Thảo:

*Và cứ thế nhân dân thường ít nói
Như mẹ tôi lặng lẽ suốt đời
Và cứ thế nhân dân cao vời vợi
Hơn cả những ngôi sao cô độc giữa trời
(Những người đi tới biển- Thanh Thảo)*

Nhân dân - những con người giản dị, bình thường nhưng lại mưu trí, dũng cảm từ kinh nghiệm chuyện làm ăn biến thành vũ khí đánh giặc. Rồi trước âm mưu đồng hóa của kẻ thù, nhân dân không cam chịu, không đồng thuận theo âm mưu đó, họ vẫn giữ nguyên bản chất của mình với lòng tự tôn dân tộc sâu sắc:

Nhân dân

*Vẫn nguyên vẹn nhân dân
Răng hạt lựu vẫn không cam đồng hóa
Đắng chát cũng tìm cánh kiến, cây sim
Muru trí lấy từ câu chuyện làm ăn
Thành vũ khí theo người đi sứ
Sách bị đốt vẫn còn nguyên tiếng mẹ
Đã bao lần đóng cọc giữ bờ ao
(Đường tới thành phố)*

Những câu thơ chân thành đầy xúc động trên được viết ra với một ý thức sâu sắc về vị trí cao quý của nhân dân trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, với một tình cảm giản dị, thấm thiết. Nhân dân – người thâm trầm, tinh anh sâu sắc nhưng khi quân xâm lược xâm chiếm quê hương, người giành giật, chiến đấu với kẻ thù đến cùng không chịu buông tay:

*Người thâm trầm như đêm
Người tinh nhạy như đêm
Người kéo co giành giật lại đôi kèo
Tay bện thêm dây
Chân chôn thêm cọc
Ghìm lại đất
Đôi kèo hình chữ nhân
Xoạc ra thành chữ nhất
Bay trợn trừng ta bấm nút ngón chân
Bay giương súng ta chùng kèo cho ngã
Mồ mả ông cha không dạy ta buông tay
Con cháu không mong ta than thở
Ta đục ta bào đâu phải đón bơ vơ
(Đường tới thành phố)*

Nhân dân còn hiện lên với tinh thần đấu tranh đoàn kết anh hùng. Vũ khí

của họ chỉ là những vật dụng sinh hoạt hàng ngày nhưng sức mạnh của nhân dân lại không nằm ở vũ khí mà nằm ở ý chí, ở lòng căm thù giặc và ở sự đồng lòng quyết tâm đánh đuổi kẻ thù xâm lược:

Giặc đến

Người ốm chống gậy chống giường chống phản đứng lên

Trẻ con vợ tro, vợ cát đứng lên

Người đang ăn thì cầm lấy đũa

Người đi gặt thì thủ lấy chuôi liềm

Không quay mặt chẳng bao giờ tiếc máu

(Đường tới thành phố)

“*Hạnh phúc nhân dân*” đó chính là mơ ước tốt cùng của mỗi con người. Mỗi người dân Việt Nam từ người già đến em thơ, từ người khỏe mạnh đến người ốm đều sẵn sàng đánh đổi cả tính mạng của mình để có được hạnh phúc cho dân tộc chứ nhất định không chịu làm nô lệ.

Sống trong hoàn cảnh đất nước bị kẻ thù xâm lược, là mỗi người dân Việt Nam ai cũng nung nấu trong trái tim mình ý chí và phẩm chất cao đẹp. Đó là lòng căm thù giặc lúc nào cũng trào dâng, cũng thức nhọn, đó là tấm lòng yêu nước, yêu thương đồng chí đồng bào, sẵn sàng sẻ chia những gian khổ, những khó khăn cho cộng đồng. Ý chí ấy kết lại thành sức mạnh cộng đồng cuốn phăng đi những bóng đen quân thù. Nhân dân là sức mạnh, là động lực, là bến bờ nhớ thương mà người lính ra trận luôn hướng về:

Ngày mai chúng ta đánh trận cuối cùng

Một nửa nhân dân ngày mai ta nhận mặt

Nhân dân trở về từ bên kia mặt trăng

Lại vằng vặc những bến bờ thương nhớ

(Đường tới thành phố)

Nhân dân trong trường ca Hữu Thịnh còn hiện lên với những cuộc đời, những con người có tên cụ thể:

Nhân dân chia mình ra các đảo

Làm vệ tinh

Yên dạ những con tàu

Nhân dân có tên là Bình, là Nghĩa, là Tổ, là Thu

Là xạ thủ trung liên

Là báo vụ viên

Là Phấn khí tài, là Quỳnh quản lí

(Đường tới thành phố)

Họ là những người tiêu biểu của nhân dân đã hi sinh quên mình để có được chiến thắng ngày hôm nay:

Lại hiện về bước chân em Đuốc sống

Chạy như bay để kịp sáng hết mình

Những linh hồn từ ngọn lửa tự thiêu

Âm ỉ từng hàng gạch lát

Những dòng người tìm về dân tộc

(Đường tới thành phố)

Nhà thơ đã nghĩ về đất nước không chỉ trong hiện tại mà theo dòng lịch sử tìm đến ngọn nguồn xa xưa của dân tộc anh hùng. Điều này xuất phát từ truyền thống *uống nước nhớ nguồn* của dân tộc. Đất nước, nhân dân Việt Nam không bao giờ quên những con người ưu tú như anh Nguyễn Văn Trỗi, em Lê Văn Tám...chính họ đã làm nên một Việt Nam anh dũng kiên cường.

Qua hình tượng nhân dân trong trường ca Hữu Thỉnh, ta thấy hiện hiện một dân tộc Việt Nam bất khuất kiên cường, anh dũng, đoàn kết đấu tranh đến cùng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Chương 3

TRƯỜNG CA HỮU THỈNH NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN HÌNH THỨC

3.1. Cấu trúc tổng hợp

3.1.1. Kết cấu hòa kết giữa tự sự và trữ tình

Kết cấu là vấn đề then chốt của lí luận về thể loại nói chung và trường ca nói riêng. Kết cấu bộc lộ tư tưởng thẩm mĩ của tác phẩm. Đồng thời tư tưởng thẩm mĩ lại chính là yếu tố quy định sự lựa chọn kết cấu tác phẩm.

Về mặt kết cấu các phẩm trường ca trong văn học hiện đại luôn có sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố tự sự và trữ tình. Trường ca hiện đại là một dạng thức tổng hợp bao gồm cả tự sự, trữ tình và cả chính luận “*Các trường ca dạng này thường được chia thành nhiều chương khúc, mà mỗi chương có thể đặt tên. Mạch liên kết của các chương là triển khai chủ đề mang tính chính luận, trữ tình*” [44].

Trường ca của Hữu Thỉnh mang tính tự sự, nhưng không phải dạng có cốt truyện hoàn chỉnh mà chỉ ở dạng *sườn, khung* nhằm liên kết các chương, đoạn, những liên tưởng tạo nên sức cuốn hút, xây dựng cốt truyện trên cơ sở của hệ thống chủ đề. Kết cấu này được khai thác trong nghệ thuật cách đặt tên gọi cho các chương, đoạn.

Trường ca đầu tay của Hữu Thỉnh là *Sức bền của đất*, cái tôi trữ tình của nhà thơ đã hóa thân vào cái tôi thể hệ và trở thành người dẫn dắt mạch sự kiện, kết cấu của tác phẩm. Dù tác giả không đặt đề từng chương, chỉ để chữ số La mã I, II, III, IV, V, người đọc cũng có thể biết. Ví dụ chương một có thể là “*Lên đường*”, bởi cuộc đưa tiễn của người mẹ xa con, con xa mẹ mới da diết làm sao :

*Con chẳng dám nhìn mẹ lâu
Mái chèo khua sóng đánh
Ngán nước lưng đê sẫm lời mẹ dặn
Mùi trâu cày ẩm hoài trên vai*

Đến sang chương hai, *Sức bền của đất* là sự huy động Tổng lực của hậu phương với tiền tuyến, người đi xa với người ở lại, sự khốc liệt đạn bom ở chiến trường với lời xoa dịu xâm êm ở quê nhà. Tình mẹ con, tình bạn bè, tình yêu được tác giả dựng lên một thế trận đại cục của cuộc chiến tranh nhân dân (được trích nhiều thơ ở trên), thì đến chương ba là chương *Đối kháng và sự nham hiểm của kẻ thù* :

*Kẻ thù không ưng ta gọi anh em
Không chú bác, họ hàng gì ráo
Muốn phá vỡ quê hương bên dai trong máu
Chúng nhổ làng đi đồn vô ấp dân sinh
.....
Phục kích bất ngờ bắn giặc xác xâu
Đánh bọc phá theo đội hình cuốn chiếu
Đột kích xe tăng đập rắn trúng đầu*

Đến chương kết - *tổng kết trận đánh*. Thắng và bại, được và mất, tác giả không khai triển gì thêm, chỉ gói gọn trong 39 câu là vừa đủ ý và tứ cho một bản anh hùng ca của cuộc chiến tranh vệ quốc, lập lại non sông gấm vóc của đất nước Việt Nam thống nhất mà tác giả - nhà thơ Hữu Thỉnh là người lính trong cuộc

Đường tới thành phố có tất cả năm chương, tổng cộng hơn 1500 câu. Chương I “*Ngọn lửa chiến trường*” mô tả không khí chung của chiến trường. Chương II mang tên “*Tư lệnh*”. Chương III có tiêu đề “*Điệp khúc những cây cầu*”. Chương IV “*Tờ lịch cuối cùng*” viết về thời điểm bản lề giữa chiến tranh và hòa bình, chương này giàu sức biểu hiện bởi đi sâu vào nội tâm người chiến sĩ. Chương V có tên “*Tự do*” chủ yếu phản ánh tâm trạng thực của con người, nhất là người chiến sĩ trong không khí chiến thắng. Chương này có vẻ rời rạc hơn các chương trên. Nhưng cả năm chương đều tập trung xây dựng hình tượng trung tâm là người chiến sĩ bằng một chất thơ trầm tĩnh, sâu lắng, dạt dào chất

trữ tình, có sức rung động cao. Ở trường ca *Đường tới thành phố*, ta thấy đó là cuộc hành quân không mệt mỏi của thế hệ những người lính trên hành trình tiến về thành phố. Viết về sự kiện chính là chiến dịch Hồ Chí Minh nhưng tác giả đã khái quát được quy mô, tầm vóc của cả cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước :

Đất nước đổ ra đường

Tiềm lực lớn như binh đoàn chiến lược

Binh đoàn hướng Đông, binh đoàn hướng Nam, hướng Bắc

Lướt qua đồn dân vệ bảo an

Lướt qua các chi khu, căn cứ

Trường ca *Đường tới thành phố* thuộc trường ca trữ tình nhưng khi đi vào triển khai nội dung, tác giả đã khéo léo vận dụng yếu tố tự sự Trong một số trường ca trữ tình hiện đại Việt Nam, khi xem xét yếu tố truyện, người ta đã mô hình hóa yếu tố truyện ở hai chiều là chiều dọc và chiều ngang. Ở trường ca *Đường tới thành phố*, tác giả kết cấu theo 5 chương. Mô hình hóa yếu tố chuyện của trường ca được thể hiện ở cả hai chiều như sau:

- Theo chiều dọc:

Ngọn lửa chiến trường [câu chuyện của những người mới đến (chúng tôi, xạ thủ trung liên, tâm trạng trước khi tiến vào thành phố)] *Tư lệnh ; Điệp khúc những cây cầu- hay câu chuyện những người lính* [chuyện về một anh lính cộng sản, giai đoạn thần tốc] *Tờ lịch cuối cùng - ngày cuối cùng trước khi tiến vào Sài Gòn* [đoàn quân, chuyện về người chị chờ chồng, chuyện về mẹ, chuyện về người yêu] *Tự do*. [Một lần lỡ hẹn, câu chuyện trong hầm, chuyện chúng tôi

- Theo chiều ngang:

Câu chuyện của đất nước [*Câu chuyện chiến đấu của chúng tôi* (những người lính, xạ thủ trung liên, tư lệnh, anh lính cộng sản trốn dưới hầm, tôi) *Câu*

chuyện của những người phụ nữ (người chị chờ chồng, người chị có chồng trốn dưới hầm bí mật, người mẹ, người yêu)]

Đến với *Trường ca Biển*, ta thấy yếu tố tự sự mờ nhạt hơn hẳn, nó khác hẳn so với *"Đường tới thành phố"*. Sự phân mảnh trong cốt truyện của đôi khi không còn là sự phân mảnh của sự kiện mà là những mảnh ghép của hiện thực - từng bộ phận của một bức tranh, một hình tượng lớn

Tác phẩm được kết cấu thành 6 chương : *"Đối thoại biển"*, *"Cát"*, *"Tự thuật của người lính"*, *"Đất này"*, *"Hóa thạch những dòng sông"*, *"Bão biển"*. Chương đầu tiên trong *"Trường ca biển"* là *"Đối thoại biển"*. Thực ra đây là cuộc đối thoại im lặng giữa dân tộc Việt Nam sau chiến thắng với vùng biển thân yêu của đất nước. Im lặng đã thốt thành lời. Hình tượng người lính là hình ảnh tượng trưng của dân tộc. Còn hình tượng biển chính là phần máu thịt thiêng liêng của đất nước. Viết về người lính nông thôn luôn là một thế mạnh của Hữu Thỉnh. Anh am hiểu nông thôn vừa căn kẽ, vừa tinh tế. Anh thổi hồn ca dao tục ngữ vào câu thơ nhẹ như làn hương vườn quê. Chương ba *"Tự thuật về người lính"* đã được Hữu Thỉnh viết cảm động như thế. Rất nhiều những câu thơ hay làm cho cuộc đời người trai làng vừa hồn nhiên vừa xa xót. *"Tháng giêng buồn tiếng thạch sùng kêu"* hay *"Chiếc nón mê tha thui giữa đồng/ Đồng vắng kiệt nằm than trong gió bắc"* Chương sáu *"Bão biển"* là chương cuối cùng của trường ca. Lúc này, tác giả đã biết chuyện của những người lính đảo chiến đấu ở Gạc Ma, ở Cô Lin, ở Len Đao... Vậy đây. Cả dân tộc vẫn phải đối mặt với những cơn bão biển hồng muồn xóa ý chí của chúng ta: *"Bão vò cây gào rít điên cuồng/ Tóc của bão là lá cây rách tướp/ Tay của bão là sóng thần rợn ngợp/ Cả đất trời say sóng ở Trường Sa/"* Cuộc đối mặt để gìn giữ từng tấc đất xa của Tổ quốc đã buộc con người phải một sống, hai chết, phải quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh: *"Biển chưa thu xong những mảnh vỡ của mình/ Anh le lói bơi đi bằng sức mạnh bí mật của hy vọng/ Rất nhiều lần anh chạm chân vào đáy quan tài/ Lại cố sức ngoi lên/"*

Đến với Trong tác phẩm này, cốt truyện, sự kiện dường như đã bị mờ đi

rất nhiều. Nói cách khác nó chịu sự dẫn dắt chi phối của mạch cảm xúc dạt dào của tác giả.

Trường ca Hữu Thỉnh Bên cạnh yếu tố tự sự còn có yếu tố trữ tình. Hai yếu tố tự sự và trữ tình phối kết hợp hài hòa thống nhất trong việc thể hiện một cách sâu sắc nội dung tư tưởng của tác phẩm.

Yếu tố trữ tình trong trường ca được thể hiện trước hết ở sự xuất hiện của cái tôi tác giả nhưng khác với thơ trữ tình nói chung, đó là cái tôi nhằm nhận thức sứ mệnh của mình trong dòng lịch sử. Chữ *Tôi* trong trường ca chủ yếu là nhà thơ nhằm nhận thức mình, đồng hóa mình vào số phận của lịch sử. Không thể nói chữ *Tôi* này không có cá tính, song cái cá tính ấy được biểu hiện, được nói ra bởi một nguyên nhân khách quan gắn liền với biến cố, với vận mệnh của dân tộc. Đó là sự khẳng định cá nhân ở một giới hạn khác. Và bởi vì tác phẩm trường ca không nhằm mục đích bộc lộ tâm trạng, tự biểu hiện chủ thể, tìm sự đồng cảm ở người khác; nó không phải là trạng thái buồn vui, cay đắng, hân hoan... mà đó là "*trạng thái sử thi của dân tộc*", là các sự kiện mang tầm vóc thời đại, những chiêm nghiệm gắn với vận mệnh quê hương, đất nước... Cái tôi vừa là tác giả, vừa không phải là tác giả dẫn dắt mạch tư tưởng cảm xúc của toàn bộ tác phẩm.

Trong ba bản trường ca của Hữu Thỉnh đều thấy sự hiện diện của chủ thể trữ tình xưng *tôi*, có khi trực tiếp hoặc gián tiếp xuất hiện. Cái tôi đó là cái tôi chung mang tình cảm, tâm tư, khát vọng của cả một thế hệ trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại và Hữu Thỉnh chỉ lấy cốt truyện như một cái cơ để phát triển mạch cảm xúc, mở rộng sự liên tưởng và cảm xúc thẩm mĩ của mình. Chính cốt truyện bên trong, đường dây vận động tư tưởng cảm xúc đã tạo nên sự thống nhất của tác phẩm.

Trong trường ca *Sức bền của đất*, mỗi chương là một tiêu đề, một nội dung nhưng ở các chương, chương nào cũng chứa đựng những suy nghĩ, tình cảm, tâm trạng của người lính. Khi là sự chân thành sẻ chia những khó khăn

gian khổ, khi là lòng căm thù và quyết tâm nung nấu giết giặc. Khi lại là những "Hồi tưởng", và những kỷ niệm của người lính về quê hương bản quán, về mẹ, về bạn bè trường lớp, về em thật sâu nặng ân tình:

*Còn bao sách chúng ta chưa đọc đến
Nhờ hẹn liên miên với các giảng đường
Nhờ hẹn với mưa phùn Ái Bắc
Mai một cảnh thắt ruột kẻ tha hương*

Trường ca *Đường tới thành phố* được phát triển lối cấu trúc theo mạch tư tưởng, cảm xúc. Đây là giai đoạn mà trường ca Việt Nam đạt tới đỉnh cao vinh quang trong ‘sứ mạng thể loại’ của mình. Như chính tác giả tâm sự “*Đường tới thành phố*” sẽ là không có cốt truyện. Ở đây, cái tôi trữ tình của tác giả trên nền sự kiện chính là chiến dịch Hồ Chí Minh sẽ là trọng tâm của trường ca. Chiến dịch Hồ Chí Minh hay nói khác đi hiện thực chiến tranh trong tác phẩm chỉ là cái cớ để nhà thơ dựng lên một chân dung tâm trạng của người lính trong chiến tranh :

*Chúng tôi người chủ những căn hầm
Đốt ngọn lửa để tìm vào tri kỉ
Hầm là nơi che máu che sương
Là cửa sổ mở về hướng mẹ*

Đó là đời sống tinh thần, tâm hồn, tình cảm, trái tim của người lính trong những bối cảnh khốc liệt nhất, từ đó lóe sáng tình yêu của họ về đất nước, quê hương, về con người. Với nhân vật trữ tình trọng tâm là người lính, *Đường tới thành phố* thực ra là cảm hứng phức hợp, nhiều tầng, là sự cộng hưởng của cái chung và cái riêng, sự đan xen giữa khát vọng và lý tưởng mà tuổi trẻ thời đại nào cũng suy ngẫm.

Đến với *Trường ca Biển*, yếu tố truyện dường như đã được giảm một cách tối đa, tính trữ tình, triết lí ngày càng tăng. Đây là sự vận động của thể loại trường ca nói chung và là sự vận động trong chính quá trình sáng tác trường ca

nói riêng của Hữu Thỉnh Mặc dù được chia thành các chương, khúc và được đặt tiêu đề nhưng đó chỉ là những lát cắt, những mảnh ghép của hiện thực rồi những biểu tượng ẩn dụ, có sự đan xen chồng chéo giữa quá khứ - hiện tại – tương lai. Tất cả cảm xúc, suy tư, triết lí đều được bộc lộ qua diễn biến, tâm trạng của cái tôi, người kể chuyện trong sự hòa nhập linh động có khi là người trong cuộc trực tiếp tham gia, có khi là người được chứng kiến.

Đặc biệt trong *Trường ca biển*, Hữu Thỉnh có chủ ý thể nghiệm lối cấu trúc “chồng mờ” – thuật ngữ của tác giả - Chồng mờ, giao thoa và đan xen cảm xúc, hình tượng nghệ thuật, tư tưởng nhân văn; chồng mờ hình ảnh và nổi khuất những vang vọng tâm thức văn hoá làng trong từng chương đoạn, câu thơ, ý thơ... những chiều không gian thời gian tiếp cận đảo và số phận, chân dung người lính, tạo nên trường liên tưởng kiểu hội hoạ lập thể, ngôn ngữ thơ mang tính khát quát cao. Ra đến đảo, trông thấy đảo, tìm đối thoại với đảo thì người lính bị vây bủa giữa mênh mông nước, giữa cháy bỏng cát và trùng trùng lớp lớp rặng ngầm san hô. Nước, sóng cát... là đối tượng, là nhân vật trữ tình để người lính tìm khắc hoạ vóc đặc mới của mình. Đảo, cát, đất, san hô... được thổi linh hồn đồng điệu thành những nét phác hoạ hình hài biển đảo. Và Hữu Thỉnh gói kín cảm xúc của mình vào đấy, rồi đem soi rọi với lòng chiến sĩ. Chương Tự thuật của người lính là một chương văn hoá làng trung du rất độc đáo. Là chương người lính tự kể về gốc gác nguồn cội của mình bằng giọng độc thoại thấm đẫm chất trữ tình.

Trong *Trường ca Biển*, tác giả đã nhập thân, phân thân để có những cuộc đối thoại mà từ đó những chiêm nghiệm, triết lí về cuộc sống, con người được hiện lên một cách tự nhiên. Độc thoại, đối thoại với biển với chính mình và với người lính – chiến sĩ giữ đảo khơi. Vóc dáng số phận người lính chồng mờ vào hình hài biển đảo, Tổ quốc. Ký ức Trường Sơn chồng mờ lên không gian hiện đại bi hùng và hoành tráng của biển dữ. Cái đa đoan đa tình của các địa tầng văn hoá trung du đất Tổ chồng mờ khuất thấm vào đất, cát, san hô... tạo dựng

nên những không gian cảm xúc đa chiều của ngôn ngữ thơ đầy ắp ấn tượng, ý ngoài câu chữ xáo động khôn nguôi trong lòng người đọc.

Qua khảo sát ba trường ca của Hữu Thỉnh, chúng tôi thấy kết cấu mỗi bản trường ca không đơn nhất mà hết sức đa dạng, phong phú. Nó có sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố tự sự và trữ tình, nó tồn tại đan xen lẫn nhau và quy định lẫn nhau để thể hiện một cách thành công và sâu sắc nội dung tư tưởng của tác phẩm. Đây cũng chính là một trong những đặc trưng riêng làm nên thành công và diện mạo của thể loại trường ca mà các thể loại khác không có được.

3.1.2. Sự hòa kết giữa các thể thơ

Trường ca sử thi hiện đại là một thể loại văn học nằm trong hệ thống thơ ca hiện đại Việt Nam. Các bài ca dài này thường có dung lượng khá đồ sộ, với cảm hứng mãnh liệt, nội dung hoành tráng, âm điệu hào hùng, thường phản ánh những biến cố lịch sử trọng đại, lớn lao. Vì thế, đối với một *bản trường ca hiện đại có dung lượng lớn*, số lượng câu thơ rất nhiều, thường tác giả *ít khi dùng một thể thơ duy nhất*. Thanh Thảo cũng đã từng nói: *“Tôi nghĩ, nếu chỉ riêng cá nhân nhà thơ thôi, thì chẳng bao giờ anh ta viết anh hùng ca hay trường ca làm gì, mà chỉ viết thơ trữ tình, chỉ hát tình ca”* Như vậy, do nhu cầu của thời đại cần có những trường ca phản ánh lịch sử hào hùng và sức sống của dân tộc mà các nhà thơ đã sáng tạo, góp phần làm phong phú thêm cho kho tàng văn học hiện đại Việt Nam.

Chúng tôi đã đi và khảo sát sự hòa kết về thể thơ trong trường ca của Hữu Thỉnh và nhận thấy mỗi trường ca của ông đều có sự kết hợp hài hòa trong việc sử dụng đa dạng các thể thơ: Thơ văn xuôi, thơ tự do, thơ năm chữ, thơ tám chữ và thơ lục bát.

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy thơ văn xuôi là một thể loại được Hữu Thỉnh chỉ sử dụng trong các trường ca. *“Thơ văn xuôi là loại thơ trữ tình có cấu trúc câu giống văn xuôi, câu nọ tiếp câu kia không xuống dòng, gần*

như không vắn, nhịp điệu không mang đầy đủ tính chất cố định, mạch câu chảy tràn không chịu ràng buộc theo niêm luật nào, là sự dẫn ra của các hình thức thơ tự do, rất dạt dào tình ý và cảm xúc” [47, tr 150]. Hữu Thỉnh thường tìm đến với thể thơ văn xuôi để thể hiện những vấn đề lớn lao hay diễn tả cảm xúc dồn nén tràn đầy đến mức không thể dừng lại. Những nội dung hiện thực phong phú hoặc tâm trạng nhân vật bộn bề, chất chứa, xô đẩy khiến câu thơ phải bung ra hết cỡ và trở thành những câu thơ văn xuôi. Đúng như Lê Lưu Oanh đã khẳng định: “Có nhà thơ đến với thơ văn xuôi như sự tuôn trào dòng cảm xúc mạnh, một cảm xúc mà bất cứ sự ngắt quãng đều đều, cân đối của niêm luật sẽ phá hủy sự ào ạt, mạnh mẽ của nó” [47, tr 150].

Trong trường ca Đường tới thành phố, tác giả đã sử dụng 1 khúc thơ văn xuôi mang tên Văn xuôi một người lính. Đây là trường đoạn tác giả để cho nhân vật trữ tình trực tiếp xưng “chúng tôi” để tự nói về mình. Những dòng tâm sự dường như đã chất chứa trong lòng người lính từ lâu, đến lúc này mới có cơ hội để bộc lộ vì vậy nó cứ tự nhiên tuôn chảy theo từng dòng thơ. Từ những bộn bề trong cuộc đời người lính: “*Chúng tôi đầy rừng, tắm giặt, hái rau, đào hầm, mơ mộng, sống đời thường suốt cuộc chiến tranh, yêu đời lính yêu luôn gian khổ*”, hay những trăn trở của người lính cầm bút trong chiến tranh: “*Dù hăm hở đến đâu bước chân anh cũng không sao đến được các trung đoàn. Trung đoàn hành quân, trung đoàn tăng gia, trung đoàn vây lấn, trung đoàn luôn sâu vu hồi đánh úp, xé kẻ thù trong thế cài răng lược khắp Tây Nguyên...*”, đến cả quan niệm cầm bút của họ “*Nhưng đừng viết về chúng tôi như cóc chén đứng trên bàn; xin hãy viết như dòng sông chảy xiết...*” Và đây là một khúc thơ văn xuôi tiêu biểu mang tính triết lý chính luận: “*...đừng viết về chúng tôi như cóc chén đứng trên bàn; xin hãy viết như dòng sông chảy xiết. Và chúng tôi với chiếc bi đông bẹp dẹt kia là một, cả những hòn đá kê nôi cũng có bao điều ấm lạnh liên quan*”. dường như tự nội dung đó đã tìm đến với hình thức thể hiện. Và cũng chỉ có thể thơ văn xuôi mới có

thể ôm chứa hết những suy tư, trăn trở của nhân vật trữ tình người lính trong trường đoạn này.

Trong *Trường ca biển*, Hữu Thỉnh đã sử dụng thể thơ văn xuôi để miêu tả cuộc gặp gỡ, trò chuyện giữa nhân vật Biển với người lính. Đó là cuộc gặp gỡ “lạ lẫm” giữa những người lính và biển cả: “*Cuộc gặp gỡ của triệu năm với đũa con trận mạc. Không chỉ người lính lạ lẫm, chính biển lạ lẫm đầu tiên. Biển thốt lên “Người thắng trận sao mà hốc hác quá”. Những người lính cầm le te cành sù hoe vàng, cầm luôn cả một niềm che chở mới. Người lính nói: “Tôi đi qua nhiều bóng mát để về đây”. Bóng mát đã lùi xa. Mực tím đã trải lại cho tuổi học trò. Tiếng gàu sòng đã trả lại cho cơn hạn hán”*. Thực ra đây là cuộc đối thoại im lặng giữa dân tộc Việt Nam sau chiến thắng với vùng biển thân yêu của Tổ quốc. Im lặng đã thốt thành lời. Hình tượng người lính là hình tượng tượng trưng của dân tộc còn hình tượng biển chính là phần máu thịt thiêng liêng của đất nước. Chính cuộc đối thoại này đã giúp dân tộc bình tĩnh sau cơn say chiến thắng để nhận thấy những khó khăn chông chát của thời hậu chiến.

Bên cạnh thơ văn xuôi thì thơ tự do cũng được Hữu Thỉnh sử dụng có hiệu quả trong trường ca. Thể thơ này có sự co giãn linh hoạt, câu thơ có thể mở rộng, kéo dài hàng chục chữ, nhiều dòng in, có thể xếp thành “*bậc thang*”, để tô đậm nhịp điệu ở câu thơ, có thể xen kẽ câu dài ngắn. Chính nhờ những đặc điểm này mà thơ tự do chiếm được ưu thế trong sáng tác thơ hiện đại, đặc biệt là trong thơ ca kháng chiến. Ở trường ca, người đọc bắt gặp một thể giới hiện thực đời sống chiến tranh muôn màu muôn vẻ, bề bộn, sôi động, ào ạt..dường như nó rất phù hợp với thể thơ tự do; nó phù hợp với yêu cầu nội dung, dung nạp được nhiều liên tưởng, suy nghĩ thích hợp với sự vận động của tư duy nghệ thuật, vần điệu cũ, khuôn thước cũ không thể ôm chứa được một thể giới rộng lớn như vậy. Hữu Thỉnh đã phát huy được ưu thế của thể thơ này và sự xuất hiện của nó tương đối nhiều trong thơ ông nói chung và trường ca

nói riêng.

Trong trường ca đầu tay *Sức bền của đất*, Hữu Thịnh đã phát huy tối đa ưu thế của thể tự do để diễn tả những cảm xúc dồn nén đau xót:

*Cha mẹ đi tìm miếng ăn
Treo con trên cây kiến bầu đầy mặt
Tìm thấy miếng ăn
Quay về
Con đã chết
Miếng ăn rơi như máu rụng trong rừng*

Chính thơ tự do đã giúp cho câu thơ luôn biến hóa, tránh được cảm giác nặng nề, đơn điệu. Ở thể thơ này Hữu Thịnh tỏ ra phóng khoáng trong cách diễn đạt. Dường như thơ tự do đòi hỏi nhà thơ phải nói bằng giọng thật, gần với nội dung hiện thực.

Đặc biệt trong trường ca *Đường tới thành phố*, thể thơ tự do chiếm tới 15 khúc. Có khi là những bốn bề hiện thực với những khó khăn gian khổ:

*Gạo chỉ mang đủ mười ngày còn dành mang sủng
Còn mang thuốc
Còn mang nhau
Mang bao nhiêu tai biến dọc đường.*

.....
*Những cơn khát bậm môi vào bẹ chuối
Hiện lên
Những dấu gậy cơn sốt rừng run bắn
Hiện lên
Những giọt mồ hôi ròng như nến chảy*

Trong *Trường ca Biển*, thể thơ tự do cũng được Hữu Thịnh vận dụng rất linh hoạt. Sự co giãn linh hoạt của thể thơ tự do rất phù hợp để diễn tả những khoảng lặng chất chứa cảm xúc, tâm trạng:

Cơm khô và khét
Vắng anh
Aó quần dây mực
Vắng anh
Lá đa rơi ngoài ngõ
.....
Tiếng sáo diều làm biển bớt mênh mông
Vàng trắng đứng
Tự nghe mình
Lặng lẽ...

Hình thức bên ngoài của thơ tự do quả là không có giới hạn, nhưng dồn nén trong nó những bất ngờ và ẩn chứa nhiều tầng nghĩa xúc động. Đó là hình ảnh người lính bị “mịt mù bão cát”, bị “bão bứt anh khỏi đảo”, đọc những đoạn thơ ấy trong ta dấy lên một sự sợ hãi, trông vắng đến rợn người:

Anh chẳng nghe thấy gì ngoài toàn thân lạnh toát
Bão bứt hết lối về
Cửa nhà xác mênh mông
Mẹ ơi!
Mẹ không biết con đang một mình giữa biển
Biển có tất cả để xóa con bất cứ lúc nào
Còn con thì tay trắng

Cùng với Nguyễn Khoa Điềm, Chế Lan Viên, Phạm Tiến Duật... Hữu Thỉnh đã mang đến cho thơ tự do một hơi thở mới. Không triết lí, hùng biện như Chế Lan Viên, không tếu táo như Phạm Tiến Duật, giọng điệu thơ tự do Hữu Thỉnh là sự chất chứa của xúc cảm bằng sự chiêm nghiệm sâu xa, sắc sảo, tinh tế mà vẫn bình dị.

Trong các trường ca của Hữu Thỉnh, tác giả còn sử dụng thể thơ năm chữ xen kẽ với thể thơ tự do để tạo điểm nhấn.

Ở trường ca đầu tay *Sức bền của đất*, thể thơ năm chữ được sử dụng

không nhiều, nó thường kết hợp với các thể thơ khác nhưng nó diễn tả rất thành công, chân thành và xúc động tình cảm của người lính xa nhà với mẹ - niềm thương nhớ vô bờ:

*Đất nước ngày có giặc
Mẹ vẫn đở miếng trâu
Ám một vùng tin cậy phía sau*

Trong *Đường tới thành phố* nó thường xuất hiện đơn lẻ hoặc tạo thành cặp câu. Những câu thơ năm chữ được tác giả sử dụng với nhiều dụng ý khác nhau. Khi thì để kể: “*Sau những lần hổ vồ/ Sau những lần voi đuổi; Cái lặng im hoàn toàn/ Anh nằm nghe anh thở; Chiếc cán gáo đứng im/ Lại buông lời trơ trên; Quàng bao gạo xa nhà/ Anh thành bọc phá viên; Một mình một mâm cơm/ Ngồi bên nào cũng lách...*”. Khi thì để trữ tình, bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật trữ tình: “*Chiến tranh và mơ mộng/ Đường mòn và thư em; Còn ao ước nào hơn/ Tự do và đoàn tụ/ Thương mẹ và yêu em/ Còn hạnh phúc nào hơn; Xin cảm ơn nhạc sĩ/ Nói giùm cho chúng tôi...*”

Trong *Trường ca biển*, thể thơ năm chữ được sử dụng tương đối nhiều. Có những đoạn thơ năm chữ xuất hiện kéo dài. Đó là trong trường đoạn *Lời sóng một* và *Lời sóng ba*. Vốn sở trường với thể thơ năm chữ, Hữu Thỉnh đã sử dụng đậm đặc và phát huy tối đa sức mạnh của thể thơ này để chuyển tải những tâm tình của người lính:

*Những người lính ra đảo
Có dòng sông đồng hành
Năm dài và đất rộng
Vui buồn sau chiến tranh*

(*Lời sóng một – Trường ca Biển*)

*Cổ nhân còn đâu đây
Như vừa ăn dở bữa*

Giáo mác quắc đê m thân

Nhớ nhà ngòi khâu vá

(Lòi sổng ba – *Trường ca Biển*)

Cùng với thể thơ năm chữ, thơ tám chữ cũng là một thành công của Hữu Thỉnh. Thể mạnh của thể thơ này là chất hoành tráng, linh hoạt, có lúc trầm lắng, lúc lại sôi nổi. Thơ tám chữ xuất hiện trong trường ca để diễn tả những tình cảm, cảm xúc của tác giả một cách hết sức uyển chuyển. Vì vậy trong trường ca của Hữu Thỉnh xuất hiện nhiều đoạn thơ tám chữ.

Trong *Sức bền của đất*, thơ tám chữ được kết hợp với thể năm chữ để diễn tả những cảm xúc, tâm tình của người lính xa nhà:

Ta chưa một lần thả đất ơi

Ta chưa một lần nói được lên lời

Lòng của ta với mẹ

Xanh xao nước trời mùa khô rất trẻ

Hầm hập quanh người đất đỏ mồ hôi

Trong trường ca *Đường tới thành phố*, còn có những đoạn trữ tình khi người lính nhớ về em trong buồng lái xe tăng:

Mở cửa lên là vòm trời cao rộng

Em ở đâu trong thương nhớ của anh

Em ở đâu đất trời không bờ bến

Cố ta khô sao nắng quá vô tình

Trong *Trường ca Biển*, thể thơ tám chữ được sử dụng để thể hiện suy nghĩ, tình cảm của những người lính đảo. Đối với người lính đảo, tình yêu đất nước được biểu hiện qua tình yêu với đảo:

Biển có đảo biển đỡ lập lại mình

Đảo có lính cát non thành Tổ quốc

Cùng với thơ tự do, thơ văn xuôi, thơ tám chữ và năm chữ thì thơ lục bát cũng là một thể thơ được Hữu Thỉnh phổ biến và thu được thành công lớn trong

các trường ca. Bằng sự ngọt ngào sâu lắng, mượt mà của giai điệu, làn điệu, *thể lục bát góp phần khắc đậm tình cảm của chủ thể trữ tình.*

Trong trường ca *Đường tới thành phố* có những đoạn tác giả sử dụng thể lục bát để trữ tình như đoạn *Trường Sơn, Trong vườn; Đất ru*, để tự sự như đoạn *Câu chuyện trong hầm*. Có những câu thơ lục bát tác giả sử dụng để miêu tả bức tranh đất nước trong những năm tháng đau thương với những con người thật kì vĩ, lớn lao và anh dũng:

Con đường qua tháng qua năm

Núi đau lở đá rừng bầm tận cây

Vai gùi bước xấp trong mây

Ta đi làm những mặt trời của nhau

(Trường Sơn, Trong vườn – *Đường tới thành phố*)

Ở *Trường ca Biển* không có những đoạn lục bát kéo dài như trong *Đường tới thành phố* mà chỉ có những cặp câu lục bát kết hợp với các thể thơ chủ yếu là để tự sự: “*Chúng tôi cùng nhau bới cát/Dọn một chỗ nằm cho đồng chí hi sinh; Cát ở đây là lối đi/ Cát là chỗ ăn cơm chiêu ngậm nước; Có chiều cỏ trắng trên đê/ Vào ra có chị đi về lẻ loi; Hôm nay tái giá chị tôi/ Liền anh cùng với bao người đứng trông*”

Thể lục bát xuất hiện không nhiều trong trường ca Hữu Thỉnh nhưng nhờ giai điệu mượt mà, ngọt ngào của đặc trưng thể loại nó đã đem đến cho trường ca Hữu Thỉnh chất trữ tình sâu lắng. Như vậy, từ một thể loại hiện đại, trường ca Hữu Thỉnh vẫn tạo được những “*nhịp điệu*” mang dáng dấp truyền thống. Những vần thơ lục bát đã phát huy tác dụng cao độ khi nhà thơ sử dụng nhuần nhuyễn trong việc khắc sâu cảm xúc, diễn tả những tình cảm tha thiết của con người.

Như vậy qua việc khảo sát ba trường ca của Hữu Thỉnh : *Sức bền của đất, Đường tới thành phố* và *Trường ca Biển*, ta thấy trong mỗi trường ca tác giả đều sử dụng kết hợp phong phú, đa dạng các thể thơ theo đặc trưng thể loại.

Đó là thể thơ tự do, thơ văn xuôi, thơ tám chữ, thơ năm chữ và thơ lục bát. Kết hợp nhiều thể thơ, tạo nên độ mở và tính linh hoạt của thể loại. *Sử dụng kết hợp nhiều thể thơ* trong trường ca là một thuận lợi để dễ bày tỏ cảm xúc, mô tả sự kiện, *tránh đơn điệu*. Thực tế đã chứng minh, khi đọc *Đường tới thành phố*, *Trường ca Biển*..., người thưởng thức sẽ cảm nhận bằng nhiều cách, nhiều hướng nghệ thuật có hình thức phong phú hơn ở trường ca *Nguyễn Văn Trỗi* của Lê Anh Xuân (sự nhất quán một thể lục bát khiến trường ca *không tránh khỏi sự đơn điệu*). Việc chọn lối kết hợp nhiều thể thơ để thể hiện nội dung cần biểu đạt là đặc trưng cơ bản của thể loại trường ca. Sự hòa kết về thể thơ như vậy đã tạo cho trường ca mang rất nhiều sắc thái tình cảm, thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc, lời thơ giàu nhạc tính, đa thanh, đa giọng điệu. ...). Điều này đã tạo nên sắc thái riêng, giúp cho trường ca thỏa sức diễn tả nhiều cung bậc tình cảm, nhiều lối đối thoại, độc thoại, nhiều tính cách nhân vật, nhiều sự kiện bề bộn mà đặc biệt không gây cảm giác nhàm chán và đơn điệu.

3.2. Phức hợp về ngôn ngữ, giọng điệu

3.2.1. Phức hợp về ngôn ngữ

Ngôn ngữ là yếu tố hàng đầu của tác phẩm văn học. Mỗi nhà văn có sự “*tinh luyện*” ngôn ngữ để chọn lọc cho tác phẩm của mình hệ thống ngôn ngữ phù hợp với đặc trưng thể loại cũng như nội dung chuyển tải trong tác phẩm. Với ba bản trường ca *Sức bền của đất*, *Đường tới thành phố* và *Trường ca Biển*, nhà thơ Hữu Tinh đã có sự chọn lọc hệ thống ngôn từ để mỗi bản trường ca chuyển tải đầy đủ chủ đề tư tưởng và được nhìn nhận ở nhiều góc độ khác nhau. Từ lớp ngôn từ thông dụng, đời thường, nhà thơ đã vận dụng và kết hợp nhuần nhuyễn lớp ngôn ngữ phù hợp với đối tượng được miêu tả và thể hiện rõ sắc thái ngôn ngữ trường ca

Ngôn ngữ đời sống là lớp từ ngữ gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày của người bình dân. Đặc điểm nổi bật của lớp từ ngữ này là rất giàu hình ảnh, gợi cảm, gợi tả. Trong các trường ca của mình, Hữu Tinh đã không ngừng

khai thác kho từ vựng của ngôn ngữ đời sống, ông chọn ở đó những từ “có tính chất gợi mở, không giới hạn”, đã tận dụng hết biên độ biểu đạt của ngôn ngữ, tạo chiều sâu lay động cho thơ:

*Vẫn chiếc cối xay cười ra hạt trắng tinh
Vẫn cây chuối cuối vườn hay ngẫm nghĩ
Con dao băm bèo, cái xa cuốn chỉ
(Sức bền của đất)*

Có thể nói, nhờ có ngôn ngữ sống động của đời sống thường nhật mà mọi sắc thái của đời sống đã được tái hiện một cách chân thực bằng thơ. Nhờ sự góp mặt của ngôn ngữ đời sống làm cho hình ảnh những người lính càng trở nên chân thực, giản dị, phác họa đúng chân dung nhân vật:

*Xạ thủ Trung liên
Lương quyền cao đen một nốt ruồi
Đang chở che, đang âu yếm mọi người
Tiếp thêm củi bằng bàn tay thô giáp
Những ngón bằng như cây bài tam cúc
Từng bâng hoàng trên mái tóc người yêu
(Đường tới thành phố)*

Sự đan xen vốn ngôn ngữ đời thường đã làm cho hình ảnh thơ trong trường ca trở nên gần gũi bình dị, ngôn ngữ của mỗi bản trường ca xóa nhòa đi sự trang nhã, ước lệ và trù tượng. Từ đó hiện thực được miêu tả như nó vốn có và hình ảnh con người, quê hương trở nên thân thuộc, tươi đẹp:

*Tôi sinh ra quả trám đã bùi
Rễ si buông cước lá sồi rung rung
Tôi chưa với tới trái bông
Kiễng chân chóng mặt cầu vòng lên năm
Cầu vòng xanh đỏ tím vàng
Chim cu toan đuổi chuối cườm trời cho*

(Trường ca Biển)

Đưa lớp từ ngữ đời thường vào thơ, Hữu Thỉnh đã làm cho những bản trường ca của mình thấm đẫm hơi thở cuộc sống. Những bản trường ca của ông không xa lạ với bạn đọc mà gần gũi, dễ đi vào lòng người. Chất thơ không phải ở đâu xa, nó được ông chắt lọc từ chính lời ăn tiếng nói hàng ngày.

Qua khảo sát ba tập trường ca của Hữu Thỉnh, bên cạnh ngôn ngữ đời thường thì ngôn ngữ mang sắc thái dân gian cũng được nhà thơ vận dụng dày đặc và đạt giá trị biểu đạt cao. Vốn văn học dân gian, những câu ca dao đã ăn sâu, thấm đẫm vào hồn thơ Hữu Thỉnh. Đến với trường ca đầu tay của ông, ta thấy “*chất dân gian thấm đẫm trong Sức bền của đất*”. Ta bắt gặp cả những bài đồng dao xuất hiện :

*Thả đĩa ba ba
Chớ bắt đàn bà
Phải tội đàn ông
Cơm trắng như bông
Gạo tiền như suối
Bỏ mắt bỏ muối
Bỏ chuối hạt tiêu
Bỏ niêu cắt gà
Bỏ cho bà nào
Bỏ cho bà này*

(Sức bền của đất)

Hẳn ai trong mỗi chúng ta lại không thuộc bài đồng dao thời thơ ấu. Bài đồng dao gợi cho chúng ta nhớ về những kí ức xa xưa. Những kỉ niệm lại ùa về trong kí ức nhà thơ. Nó làm cho trường ca gần với cuộc sống hơn, thật hơn. Dẫu biết rằng đó chỉ là khoảng lặng trong tâm tưởng của những người lính khi nhớ về quê hương làng xóm. Song chính điều đó lại giúp chúng ta

hiều thêm, nhờ nó mà chúng ta có quê hương, gốc gác...

Trong trường ca *Đường tới thành phố*, Hữu Thỉnh cũng vận dụng tài tình ngôn ngữ thơ mang sắc thái dân gian. Song, điều đáng nói là, Hữu Thỉnh đã sử dụng những thi liệu dân gian quen thuộc để chuyển tải tư duy thơ hiện đại mới mẻ của mình. Hình ảnh “*chuyến đò đầy*” trong ca dao :

*“Mình về anh dặn câu này
Sông sâu chớ lội đò đầy chớ qua”*

Đã được Hữu Thỉnh vận dụng sáng tạo và tài tình để tạo dựng một “*chuyến đò*” số phận của một người phụ nữ nhan sắc từng đắng đắng suốt hai mươi năm “*chôn tuổi xuân trong má lúm đồng tiền*”, khắc khoải chờ chồng:

*Hai mươi năm chị tôi đi đò đầy
Cứ sợ đắm vì mình còn nhan sắc*

(Đường tới thành phố)

Con “*đò đầy*” trong ca dao khi đi vào trong thơ ông đã trở thành một biểu tượng đầy ám ảnh về sự mất mát hy sinh thầm lặng mà vô cùng lớn lao của người phụ nữ trong chiến tranh. Đây cũng là cách tạo tứ thơ, ý thơ, biểu tượng thơ – tiêu biểu cho sự vận dụng, chuyển hóa tài hoa và tinh tế văn học dân gian, được vận dụng phổ biến trên nhiều cấp độ trong cả hành trình sáng tạo và tạo nên vẻ hấp dẫn, độc đáo trong phong cách thơ Hữu Thỉnh.

Chất liệu văn hóa văn học dân gian đã được Hữu Thỉnh mài sáng, chất lọc và trở thành phương tiện chuyển chở tình cảm. Hương vị của làng quê dân dã, của tuổi thơ ngọt ngào với những miền cổ tích của tuổi ấu thơ như một thần lực cứ du dương trong trái tim người lính khi nhớ về:

*Châu chấu cào cào xanh tím rủ tôi đi
Những đôi cỏ may những bờ trống ếch
Cây bưởi cao dao, cây cau cổ tích
Tôi âm thầm nuôi bông bóng trong chai*

(Trường ca Biển)

Cùng với ngôn ngữ đời sống, ngôn ngữ thơ mang sắc thái dân gian, trường ca Hữu Thỉnh ta còn thấy sự sáng tạo mới mẻ trong sử dụng ngôn từ. Đó là sự lạ hóa ngôn ngữ thơ. Trong trường ca Hữu Thỉnh, ta bắt gặp những cách nói lạ: *Bàn chân lính đánh vằn trên đất đai Tổ quốc* (Trường ca Biên). Từ ngữ trong thơ Hữu Thỉnh luôn mang một dáng dấp hiện đại trong cách kết hợp và lựa chọn, giàu giá trị tạo hình và gợi cảm. Trong một số câu thơ, đoạn thơ ta thường xuyên bắt gặp những “*nhãn tự*” như: “*Nước ngán lưng đê sầm lời mẹ dặn*” (*Sức bền của đất*); “*Chị chôn tuổi xuân trong má lúm đồng tiền*”, “*Trận rét rừng xoắn tím cả làn môi*” (*Đường tới thành phố*)... .

Qua khảo sát ta thấy, trường ca của Hữu Thỉnh có sự phức hợp về mặt ngôn ngữ. Đây cũng là một đặc trưng riêng của trường ca bên cạnh những đặc trưng ngôn ngữ thể loại, bên cạnh cái chất sử thi oai hùng của trường ca, mỗi người đều đã tạo cho mình một dấu ấn ngôn ngữ thơ rất riêng kết hợp thành một chỉnh thể thống nhất mà đa dạng trong một trường ca, khi cổ kính, trang nghiêm; khi hiện đại đến trần trụi...

3.2.2. Phức hợp về giọng điệu

Giọng điệu là một trong những yếu tố hàng đầu của phong cách cá nhân nhà văn, là phương tiện biểu hiện quan trọng của tác phẩm văn học. Sự phức tạp, đa dạng của cảm xúc đã làm nên sự đa giọng điệu. Sự đa giọng điệu ở đây là sự tổ chức các tiếng nói để cùng thể hiện một chủ đề chung. Một đặc trưng cơ bản của trường ca chống Mĩ nói chung và trường ca Hữu Thỉnh nói riêng đó là sự phức hợp về giọng điệu, đó là sự đa dạng phong phú nhiều giọng điệu khác nhau khi tự hào ngợi ca, lúc tâm sự yêu thương đắm thắm, lúc lại triết lí trữ tình sâu lắng. Tất cả kết hợp thành một chỉnh thể thống nhất và đa dạng trong một trường ca.

Cũng như các tác phẩm trường ca cùng thời, các bản trường ca của Hữu Thỉnh cũng mang giọng điệu khẳng định, ngợi ca. Tính chất anh hùng ca thấm đẫm trong trường ca của ông. Có thể khẳng định các trường ca của Hữu

Thỉnh đều có cảm xúc chủ đạo là ngợi ca và mang âm hưởng sử thi. Đó là những khúc ca, ca ngợi dân tộc anh hùng, trong đó có những con người anh hùng, quê hương, hậu phương anh hùng.

Đọc trường ca *Sức bền của đất*, người đọc lại được sống lại với những trang sử vẻ vang của dân tộc, nó như một động lực thôi thúc người lính hành quân ra trận:

*Ngô Quyền nhìn người dân binh cuối cùng trước giáo guom giặc tới
Người lệnh cho thủy triều đầu quân
Sai rừng gổ lim trùng trùng làm cọc.
Trần Quốc Tuấn đại bản doanh trên nước
Kế đầu tiên là kế nhân hòa
Lệnh đầu tiên: người hiền không bỏ sót
Đại yểm của Quang Trung chỉ cơm nắm muối vừng
Ấn trên mình ngựa...*

Đó là những trang sử anh hùng, là truyền thống được viết bằng máu của chính cha ông ta. Nó như một niềm thôi thúc thế hệ sau không quên truyền thống đó. Đó còn là giây phút hành quân âm thầm mà ngùn ngụt sức mạnh ở bên trong:

*Ta chao chân trên những mảnh bờ
Lặng lẽ nhận sức bền của đất
Đạp cứ điểm lần theo từng dấu dếp
Ta nhận ra màu bùn của những cánh đồng chiêm*

Trong trường ca *Đường tới thành phố*, giọng điệu ngợi ca khẳng định lại được thể hiện phong phú, đa dạng hơn ở nhiều cung bậc, cảm xúc. Ta được hòa mình vào chặng đường hành quân hồi hã trong “Khúc ba: Thần tốc”:

*Đất nước đổ ra đường
Tiềm lực lớn như binh đoàn chiến lược*

Binh đoàn hướng Đông, binh đoàn hướng Nam, hướng Bắc
Lướt qua đồn dân vệ bảo an
Lướt qua các chi khu, căn cứ

.....
Đêm thần tốc
Đo thủy triều chiến dịch
Đường rập ràng
Điệp khúc những bàn chân

Đặc biệt đó còn là sự ngợi ca trân trọng những cá nhân anh hùng cụ thể, đó là hình ảnh người tư lệnh, người chiến sĩ lái xe tăng, đôi vợ chồng hoạt động ở vùng địch hậu, là anh bộc phá viên giỏi toán. Hình tượng nhân dân – bức thành đồng vững chắc làm nên chiến thắng đã trở thành cảm hứng ngợi ca trong *Đường tới thành phố*. Đó là hình ảnh nhân dân được hình dung như “*tám lá chắn diệu kì*” để che chở, đùm bọc, nuôi dưỡng cách mạng và nhận về mình bao gian khó hi sinh:

Ôi nhân dân tám lá chắn diệu kì

Người nhận mọi vết xăm cho căn hầm nguyên vẹn

Trong *Trường ca biển*, Hữu Thỉnh lại ngợi ca hình ảnh đất nước với những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc. Chính những giá trị ấy là cội nguồn sức mạnh tinh thần to lớn để con người Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách :

Tiếng Việt gọi hồn Việt
Giữa đất Việt ngoài khơi
Tiếng Việt là ngọn cờ
Hội quân trong đêm tối
Tiếng Việt để nhận nhau
Giữa bao nhiêu rắc rối

Tiếng Việt như ngọn cờ ngoài khơi, trên những con tàu đang bảo vệ chủ

quyền của đất nước, nó thiêng liêng và hùng vĩ biết bao. Hữu Thỉnh viết về đất nước bằng những nét văn hóa dân gian, bằng những “*Trầm tích*” với niềm tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc:

*Ta bới sóng đi tìm các dòng sông
Gặp Trương Chi cầm sào đứng hát
My Nương vẫn đang ngồi khóc
Nước mắt thành ngọc trai...
Ta bới sóng đi tìm các dòng sông
Gặp nàng Tiên Dung đội cát*

Ở *Trường ca Biển*, giọng điệu khẳng định ngợi ca không đậm đặc như trong *Sức bền của đất* và *Đường tới thành phố*. Nó dường như trầm hơn, lắng đọng hơn và nhường cho giọng điệu trữ tình triết lí. Bởi lúc này chiến tranh đã lùi xa vào dĩ vãng, không khí hào hùng, oanh liệt một thời của cả một dân tộc với những chiến công oanh liệt, vẻ vang đã nhường lại cho những vấn đề hậu chiến. Đó là những khó khăn chồng chất và phải làm sao vừa giữ gìn được vùng biển và khai thác hết các “mỏ bạc” của biển giúp cho đất nước thoát khỏi đói nghèo.

Sự vĩ đại của dân tộc không chỉ thể hiện trên phương diện hào hùng của những trang sử vẻ vang với những chiến công oanh liệt, mà còn vĩ đại trong những nỗi đau, giọt nước mắt của đắng cay và mất mát. Không đơn giản xuôi chiều khi phản ánh lịch sử dân tộc, trường ca Hữu Thỉnh đã góp thêm cái nhìn sâu sắc, toàn diện khi nói về sự vĩ đại của nhân dân, không chỉ anh hùng trong chiến thắng mà cao hơn là sự vĩ đại trong những hi sinh, mất mát. Đi qua cuộc chiến tranh, hiện thực lịch sử đã được các tác giả trường ca khắc họa một cách chân thực, sâu sắc. Chính điều đó đã tạo cho trường ca của Hữu Thỉnh nói riêng và các nhà thơ khác nói chung một giọng điệu chung đó là giọng điệu trầm lắng, xót thương.

Trong *Sức bền của đất* bên cạnh cái gan góc hào hùng của dân tộc trong cuộc chiến thì sự hi sinh, mất mát cũng được Hữu Thỉnh nhắc đến với một giọng điệu trầm lắng xót thương:

*Mộ bạn nhờ rừng thiêng giữ họ
Bè bạn xanh rờn những ngày nhập ngũ
Thành vô danh trên khắp địa bàn
Thành tướng lĩnh cầm quân trận cuối*

Trong trường ca *Đường tới thành phố*, Hữu Thỉnh cũng không né tránh sự mất mát, hi sinh:

*Xạ thủ trung liên
Nốt ruồi đen chìm xuống
Lũng quyền cao khói sáng cao lên
Sau loạt bom vùi
Anh gập toàn lính mới*

Đặc biệt trong trường ca *Đường tới thành phố*, Hữu Thỉnh giành giọng điệu trầm lắng xót thương nhiều hơn cho người mẹ, người chị - những người đã phải chịu những mất mát, tổn thất ghê gớm trong cuộc chiến tranh của dân tộc. Đó là những người chị, người vợ “*từng góa bụa trong hồ sơ tự khai*”, lén nuôi chồng đằng đằng dưới hầm sâu mà không hề thấy được mặt chồng, hoặc đằng đằng đợi chờ hai mươi năm dài rỗng rã

*Chị chờ đợi quay mặt vào đêm
Hai mươi năm com phân để nguội
Hai mươi năm mong trời chóng tối*

Sự mất mát người vợ xa chồng phải gánh chịu quá lớn. Thật xót xa:

*Những đêm trở trời trái gió
Tay nọ áp tay kia
Súng thon thót ngoài đồn dân vệ
Một mình một mâm com*

Ngồi bên nào cũng lệch

Chị chôn tuổi xuân trong má lúm đồng tiền

Đến với *Trường ca Biển*, một trường ca được Hữu Thỉnh sáng tác sau chiến tranh khá lâu nhưng dường như giọng trầm lắng, xót thương vẫn chiếm một vị trí quan trọng. Chiến tranh của bom rơi đạn nổ đã lùi xa nhưng cuộc chiến trong thời bình cũng không kém phần khốc liệt. Và người lính giữ nước trong thời bình vẫn phải đối mặt với những nguy nan thậm chí còn ghê gớm hơn rất nhiều bởi lẽ đánh đuổi giặc ngoại xâm, kẻ thù ở đầu mũi súng nhưng trong thời bình, kẻ thù đôi khi ẩn nấp ở dưới cái bóng của mỗi người, ở ngay chính trong lòng mỗi người, thật khó ngờ tới. Riêng với người lính biển đảo, giông gió trong khoảnh khắc như lật bàn tay, biển đã trở thành hung thần, thù địch với người lính, giăng bao nguy cơ muốn nuốt chửng họ trong từng sa sầy nhỏ:

Bỗng

Một tiếng thét

Một vũng máu

Một khoảng trống

Tôi gào lên

Im ắng rợn người

Và giữ nước trong thời bình người lính vẫn phải đổ máu:

Chúng tôi đặt các anh bên cạnh

Cột mốc chủ quyền

Gió và gió

Xóa đi phần mộ các anh nằm

Chúng tôi lại cùng nhau bới cát

Chôn các anh thêm một lần

Người lính luôn đối mặt với hiểm nguy và có thể hi sinh bất cứ lúc nào để lại sau lưng “*cửa nhà xác mệnh mờ*”, người mẹ già cô đơn với nỗi nhớ thương mòn mỏi và tình cảnh trở trêu cho người vợ trẻ:

*Mãn tang anh chị vẫn chưa già
...Trời còn bao nhiêu thu
Tóc chị thắm làm thắt lòng nội ngoại*

Bên cạnh giọng điệu ngợi ca khảng định, giọng trầm lắng xót thương, trong trường ca hiện đại không thể thiếu giọng trữ tình triết lý. Giọng điệu trữ tình, triết lý trong trường ca hình thành xuất phát từ hai lý do. Thứ nhất, xuất phát từ đặc trưng thể loại, trường ca là các tác phẩm trữ tình giàu chất trí tuệ, có khả năng tổng hợp cao và phạm vi phản ánh hiện thực cuộc sống rộng lớn ở cả bề rộng và chiều sâu. Thứ hai, xuất phát từ nhu cầu nhận thức bản thân và thời đại của nhà thơ. Trong các trường ca, các tác giả luôn nhằm thể hiện những suy tưởng sâu sắc về những vấn đề liên quan đến số phận lịch sử cộng đồng và số phận cá nhân đặt trong tương quan rộng lớn số phận của dân tộc ở những thời điểm phản ánh rõ nét nhất những biến cố lịch sử mang đậm dấu ấn thời đại.

Là trường ca viết về chiến tranh, trường ca của Hữu Thịnh không vì thế mà khô cứng, gân guốc về ngôn từ cũng như giọng điệu. Sự đa sắc màu trong giọng điệu đã tạo nhịp điệu vừa hào hùng sử thi vừa trữ tình trong mỗi bản trường ca. Đó là giọng điệu trữ tình, ngọt ngào tự nhiên:

*Đom đóm bay ra hoa gạo đỏ
Mẹ ở nhà đã cắt áo bông
Mẹ có ra bờ sông
Qua bến đò tiễn con dạo trước
Đường xuống bến có mười sáu bậc
Mẹ nhớ thương đã bạc mái đầu
(Sức bền của đất)*

Đó còn là những tâm sự ân tình, thủ thi về chuyện tình yêu của đôi lứa trong chiến tranh:

*Nắng mưa làm ảnh mờ đi
Hình như anh chụp trước khi xuống tàu
Hình như ở xóm vườn trầu
Có người chị, mối tình đầu của anh*

*Mình đang làm sử chiến tranh
Có cần nghe một mối tình dở dang*

(Đường tới thành phố)

Trong *Trường ca Biển*, đó lại là kỉ niệm tuổi thơ ngọt ngào gắn với những sắc màu dân gian trong lời tự thuật của người lính:

*Châu chấu cào cào xanh tím rủ tôi đi
Những đôi cỏ may những bờ trống ếch
Cây bưởi cao cây cau cổ tích
Tôi âm thầm nuôi bóng trong chai*

Bên cạnh giọng điệu trữ tình làm cho mỗi bản trường ca của Hữu Thỉnh thêm thấm đượm cảm xúc, dung dị và ngọt ngào là giọng điệu triết lý qua mỗi sự chiêm nghiệm từ hiện thực cuộc sống, chiến tranh.

Ở ba bản trường ca, Hữu Thỉnh đã có những trải nghiệm, triết lí, tư duy về lẽ sống, về cuộc đời. Câu thơ của Hữu Thỉnh không chỉ là những lời trữ tình, mềm mại mà nó còn hàm chứa trong đó bao triết lí về nhân sinh, lẽ đời. Đó cũng có thể là những triết lí hết sức bình dị:

*Rao sông lấy sóng mà yêu
Đường xa gặp núi lấy đèo mà tin
(Sức bền của đất)*

Câu thơ như một lời nhủ thầm mà vô cùng thấm thía. Thì ra để đi đến chiến thắng trước hết mỗi người lính phải làm chủ được hoàn cảnh và làm chủ được chính mình. Đó chính là “*chìa khóa*” giúp người lính tìm được con đường sống và tự do, hạnh phúc

Đến với trường ca *Đường tới thành phố*, người lính đã ngộ ra một chân lí rõ ràng và hiển nhiên “Tự do và đoàn tụ”, “Còn hạnh phúc nào hơn”

*Tự do và đoàn tụ
Vào rừng lấy mật và dẫn gổ
Thương mẹ và yêu em*

Còn hạnh phúc nào hơn

Tổ quốc

Đặc biệt đến *Trường ca Biển*, ta thấy chất chứa những ngẫm nghĩ, những triết lí đáng giá, đáng quý về vùng biển thân yêu của Tổ quốc:

Sống với nước hãy bắt đầu từ nước

Đó là nghi lễ đầu tiên và nghi lễ

Trong cuộc đối thoại giữa biển và người lính, rất nhiều những điều tưởng như rất đời thường lại trở thành chân lí chất chứa những suy tư chiêm nghiệm vô cùng quý báu:

Mẹ dặn tôi:- Ra sông lấy sóng mà yêu

Đường xa gặp núi lấy đèo mà tin

Tôi đã tin và chưa hề bị ngã

Biển nói:

-Không ngã chưa chắc đã khỏi chìm

“ *Không ngã chưa chắc đã phải chìm* ” – câu thơ tưởng chỉ buột thốt lên nhưng lại mang chứa hàm nghĩa sâu sắc đầy ngụ ý cho mọi hoàn cảnh sống không chỉ riêng người lính. Mỗi một lời nói lại là một trải nghiệm được đúc kết:

- Anh có biết bơi không:

Người lính nói:

- Không phải ai cũng biết bơi.

- Thế mà sao vẫn rất nhiều cái hươ tay hãnh tiến

Biển nói:

- Họ đang bơi trên số phận của mình

Hữu Thịnh đã cảnh giác cho chúng ta thấy một điều rằng: Anh có thể đến đích một cách dễ dàng nhưng cũng dễ dàng bị đánh gục khi anh lựa chọn lối sống hãnh tiến, thiếu lệch các giá trị Chân, Thiện, Mĩ. Có thể nói đây là những câu thơ độc thoại rất ngắn nhưng hàm súc về thông tin đời sống và đúc kết thực

tiền mang tính triết học, mở ra những hướng tư duy cho người đọc tiếp nhận được những chiều không gian biển đảo mà người lính là nhân vật trung tâm vừa là những chiều không gian suy tư tiếp cận hiện thực cuộc sống. Cuộc sống sau chiến tranh không bình lặng như ta tưởng, “*gió, bão*” và cả những toan tính, bon chen vụ lợi vẫn đang ngự trị trong cuộc sống. Cuộc sống không chỉ có riêng màu hồng, phải chăng Hữu Thỉnh đã giúp chúng ta hiểu thấm thía hơn điều đó. Lý giải cuộc đời và số phận con người cũng như bản chất thực của cuộc sống là điều cốt yếu đậm sâu trong dòng suy tư của nhà thơ.

Đọc *Trường ca biển* ta thấy một cái tôi trữ tình với bao suy tư, trăn trở về lẽ đời, về cuộc sống bao bộn bề, đa tạp này. Nó như một niềm hối thúc ta hãy sống thật với lòng mình, xóa bỏ cái ác, cái xấu để cho cái đẹp, thiện nảy lộc, đâm chồi. Phải chăng đó là điều nhà thơ day dứt nhất?

Như vậy qua khảo sát các trường ca của Hữu Thỉnh ta thấy trong mỗi trường ca đều có sự vận dụng kết hợp nhiều giọng điệu: lúc khẳng định, ngợi ca; lúc trầm lắng, xót thương; khi lại trữ tình, triết lí. Chính sự kết hợp của nhiều giọng điệu, nhiều cảm xúc khác nhau đã tạo nên tính phức hợp của giọng điệu trong trường ca Hữu Thỉnh. Cũng giống như sự phức hợp của thể thơ, sự phức hợp trong giọng điệu là một đặc trưng tiêu biểu góp phần tạo nên thành công cho thể loại trường ca. Phức hợp trong giọng điệu cũng thủ pháp nghệ thuật quan trọng làm nên sắc thái, phong cách riêng của từng tác giả. Nó giúp nhà thơ diễn tả đa dạng các cung bậc, cảm xúc, tâm trạng trước những vấn đề của hiện . Tính chất đa giọng điệu của trường ca đóng vai trò quan trọng, tạo nên sắc thái biểu cảm cao, tránh lối sáo mòn về hình thức thể hiện. Đây là một đặc điểm nổi bật góp phần tạo nên thành công cho trường ca sử thi hiện đại.

PHẦN KẾT LUẬN

1. Hữu Thỉnh thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ. Sự nghiệp sáng tác của ông đã đạt được thành tựu đáng kể trong đó có thể loại trường ca. Với ba bản trường ca dày dặn : *Sức bền của đất*, *Đường tới thành phố* và *Trường ca Biển*, Hữu Thỉnh đã góp một tiếng nói chung vào trong dàn đồng ca của thế hệ đồng thời đã chạm khắc cho mình một gương mặt riêng, độc đáo trong số những cây bút đạt được thành tựu ở thể loại trường ca.

Là một nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam, thơ Hữu Thỉnh nói chung và trường ca nói riêng trở thành đối tượng của khá nhiều đề tài, luận văn. Tuy nhiên tiếp cận trường ca Hữu Thỉnh *dưới góc nhìn thể loại* là một phương diện khá mới. Luận văn nghiên cứu *Trường ca Hữu Thỉnh nhìn từ góc độ thể loại*, chúng tôi hi vọng sẽ cung cấp thêm một cách nhìn sâu sắc hơn về trường ca Hữu Thỉnh

2. Đặc trưng thể loại trong trường ca Hữu Thỉnh được thể hiện trên cả phương diện nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật

Về mặt nội dung, Hữu Thỉnh đã thể hiện sâu sắc những vấn đề của dân tộc, cộng đồng và thời đại. Đó là hành trình cách mạng gian khổ và đi đến thắng lợi của toàn dân tộc trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Đặc biệt Hữu Thỉnh đã có cái nhìn đa chiều về hiện thực chiến tranh. Bên cạnh cái gan góc, hào hùng, âm hưởng sử thi hoành tráng của cuộc chiến vĩ đại, những mặt khuất lấp, những góc tối, sự đau đớn, mất mát, hậu quả đau lòng do chiến tranh gây ra đã được Hữu Thỉnh khai thác, phản ánh chân thực và sâu sắc. Đó không chỉ là những nỗi đau thể xác mà còn có những mất mát, tổn thất về tinh thần ghê gớm không gì bù đắp nổi.

Làm nên chiến thắng vẻ vang của dân tộc không thể không nói đến vai trò của những cá nhân. Những nhân vật trung tâm đã hiện lên một cách tự nhiên, chân thực, giản dị trong trường ca Hữu Thỉnh. Đó là hình tượng những người lính dũng cảm, kiên cường ; hình tượng mẹ, hình tượng chị mềm mại

như cây lau, cây sậy nhưng lại kiên trung bất khuất ; hình tượng nhân dân – những anh hùng vô danh yêu nước, căm thù giặc với tất cả sự mộc mạc, chất chất nhưng vô cùng mãnh liệt của mình. Tuy nhiên viết về họ, Hữu Thỉnh không chú trọng quá nhiều đến những chiến công mà còn đi sâu khám phá thế giới tâm hồn với những trăn trở, suy tư, nỗi niềm và khát vọng. Tất cả đoàn kết lại để tạo nên một sức mạnh to lớn, trường tồn, bất diệt để đánh bại mọi bè lũ xâm lược.

Về hình thức nghệ thuật, trường ca Hữu Thỉnh có cấu trúc tổng hợp. Đó là kết cấu hòa kết giữa tự sự và trữ tình, sự hòa kết giữa các thể thơ. Cũng như các trường ca hiện đại của các tác giả cùng thời, trường ca Hữu Thỉnh có sự phức hợp về ngôn ngữ và giọng điệu. Đó là sự phối kết hợp hài hòa, đa dạng các thể thơ, các giọng điệu ngôn ngữ và các kiểu kết cấu trong mỗi bản trường ca. Chính sự kết hợp nhiều phong cách ngôn ngữ, nhiều giọng điệu và đặc biệt cấu trúc hợp lý mà trường ca dù không có cốt truyện vững vàng nhưng vẫn tồn tại như một chỉnh thể thống nhất mà không đơn điệu.

3. Với thể loại trường ca Hữu Thỉnh đã góp tiếng nói riêng, độc đáo của mình vào dàn hợp xướng của những bản trường ca trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Là người từng trải, cùng vốn sống phong phú và quan điểm viết *không chối từ sự thật*, nhìn thẳng vào sự được, mất sau cuộc chiến tranh, Hữu Thỉnh đã thành công với ba bản trường ca của mình. Những bản trường ca của ông không còn là những câu chữ khô khan nữa mà đã có đời sống riêng của nó, chiếm được cảm tình và sự tin yêu của người đọc. Điều này lí giải vì sao ông được nhận nhiều giải thưởng văn học nghệ thuật cao quý.

Không chỉ là chứng tích một thời, thơ Hữu Thỉnh là lời tự bạch chân thành và đúc kết những trải nghiệm sâu sắc trước cuộc đời, xuyên suốt cả chặng đường sáng tạo. Thơ Hữu Thỉnh nói chung và trường ca của ông nói riêng sẽ sống mãi trong lòng độc giả bởi vẻ mộc mạc, chân chất và hơn hết là một tâm hồn luôn trăn trở và cống hiến hết mình cho *ngôi đền thơ* của mình

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (1997), *Nửa thế kỉ thơ Việt Nam 1945 - 1975*, Nxb KHXH
2. Lại Nguyên Ân (1984), “Mấy suy nghĩ về thể loại trường ca”, *Tạp chí văn học*, (4).
3. Lại Nguyên Ân (1986), “Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám, một nền sử thi hiện đại”
4. Lại Nguyên Ân (1988), *150 thuật ngữ*, Nxb ĐHQG
5. Mai Bá Ân (2009), *Đặc trưng trường ca Thu Bồn – Nguyễn Khoa Điềm Thanh Thảo*, Nxb Hội nhà văn.
6. Mai Bá Ân, (1997) , Nhà xuất bản Quân đội, Hà Nội, *Hai đặc điểm cơ bản của trường ca Việt Nam hiện đại*, Tuyển tập Trường ca.
7. Đào Thị Bình (1999), *Trường ca của các nhà thơ trẻ thời kỳ chống Mỹ*, Luận văn thạc sĩ, ĐHSPHN.
8. Đào Thị Bình (2008), *Thể trường ca trong Văn học Việt Nam từ 1945 – cuối TK XX*, LATS, ĐHSPHN.
9. Nguyễn Văn Dân (1995), *Những vấn đề về văn học so sánh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Phạm Tiến Duật (1981), “Nhân bản về trường ca, đôi điều nghĩ về hình thức”, *Văn nghệ Quân đội*, (4).
11. Phan Huy Dũng (1999), *Kết cấu thơ trữ tình (Nhìn từ góc độ loại hình)*, LATS Ngữ văn, Hà Nội.
12. Trần Đăng (2006), *Nghe Hữu Thỉnh thương lượng với thơ*, báo Bình Định
13. Hoàng Điệp (2008), “Hữu Thỉnh với thể loại trường ca”, *Tạp chí Văn học*, (3).
14. Nguyễn Đăng Điệp (2003), *Vọng từ con chữ- tiểu luận phê bình*.
15. Nguyễn Đăng Điệp (2003), “Hữu Thỉnh và quá trình đổi mới thơ ca”, *Tạp chí Văn học*, (4).
16. Hà Minh Đức (1977), *Thực tiễn Cách mạng và sáng tạo thi ca*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

17. Hà Minh Đức (1984), *Thơ ca chống Mỹ cứu nước*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Hà Minh Đức (2004), *Nhà văn nói về tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
19. Hà Minh Đức (2001), *Những vấn đề lí luận và lịch sử văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Hà Minh Đức, Bùi Văn Nguyên, (Đồng chủ biên 2006), *Thơ ca Việt Nam – hình thức và thể loại*, Nxb ĐHQGHN .
21. Trần Mạnh Hảo (1996), “Thư mùa đông của Hữu Thỉnh”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (4).
22. Trần Mạnh Hảo (1995), *Thơ phản thơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Đồng chủ biên, 2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb ĐHQGHN.
24. Tế Hanh (1997) “Từ những người đi tới biển tới Đường tới thành phố”, *báo văn nghệ*,(24)
25. Hoàng Ngọc Hiến (1990), *Năm bài giảng về thể loại*, Trường viết văn Nguyễn Du.
26. Đặng Hiến (2007), “Dài rộng với thời gian”, *Báo Văn nghệ*, (8).
27. Mai Hương (1980), “Đọc Đường tới thành phố”, *Tạp chí Văn học*, (3).
28. Mai Hương (2001), “Thơ Việt Nam qua hai cuộc chiến tranh cách mạng”, *Tạp chí Văn học*, (6).
29. Nguyễn Thụy Kha 1999, *Thanh Thảo, người lính, những khúc ca lính Việt*, Nxb Hội nhà văn).
30. Đỗ Văn Khang (1982), “Từ ý kiến về trường ca sử thi của Hêghen đến trường ca hiện đại của ta”, *Tạp chí Văn học*.
31. Lê Văn Khoa (1982), “Những ý kiến về anh hùng ca Đam San”, *Tạp chí Văn học*.
32. Mã Giang Lân (1988), “Thử phân định ranh giới giữa trường ca và thơ dài”, *Tạp chí Văn học*, (5,6).
33. Mã Giang Lân (2001), *Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

34. Mã Giang Lân (1982), “Trường ca, vấn đề thể loại”, *Tạp chí Văn học*, (6).
35. Phong Lê (1991), “Nhận dạng văn học Việt Nam sau 1945”, *Tạp chí Văn học*, (4).
36. Phong Lê, Vũ Văn Sỹ, Bích Thu, Lưu Khánh Thơ (2002), *Thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Lao động, Hà Nội.
37. Nguyễn Ngọc Linh (2011), *Tư duy thơ hữu Thỉnh*, Luận văn thạc sĩ, ĐHSPTN.
38. Nguyễn Văn Long (2000), *Văn học Việt Nam thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
39. Trường Lưu, 2001, *Mấy ghi nhận về thơ người lính của Hữu Thỉnh diễn đàn văn nghệ quân đội Việt Nam số 6*
40. Phương Lựu (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
41. Phương Lựu (chủ biên, 1987), *Lí luận văn học*, Tập 2, Nxb Giáo dục.
42. Thiếu Mai (1980), “Thanh Thảo thơ và trường ca”, *Tạp chí Văn học*, (2)
43. Thiếu Mai (1980), “Hữu Thỉnh trên “Đường tới thành phố”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (3).
44. Thiếu Mai (1980), “Thanh Thảo, thơ và trường ca”, *Tạp chí văn nghệ Quân đội*, (3).
45. Nhiều tác giả (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb ĐHQGHN.
46. Nhiều tác giả, (1982), *Lịch sử văn học Việt Nam* Nxb KHXH HN)
47. Lê Lưu Oanh (1999), *Thơ trữ tình Việt Nam 1975 – 1990*, Nxb ĐHQGHN.
48. Lê Lưu Oanh, Phùng Thanh Tâm ,(2006) “Tính phức điệu của trường ca”, *Văn học và các loại hình nghệ thuật*, Nxb ĐHSP, Hà Nội
49. Vũ Đức Phúc (1982), “Chung quanh vấn đề trường ca”, *Tạp chí văn học*, (6).
50. Vũ Nho “Chúng tôi làm thơ ghi lấy cuộc đời mình”. *Tạp chí Nhà văn - Hội Nhà văn*, T3 – 2000,)
51. Nhiều tác giả(1997), *Văn học Việt Nam chống Mỹ cứu nước*, Nxb KHXH
52. Trần Đình Sử (1996), *Lí luận và phê bình văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

53. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
54. Trần Đình Sử (2002), *Văn học và thời gian*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
55. Nguyễn Trọng Tạo (1980), “Trường ca – cảm hứng, bản lĩnh, sức vóc của người viết”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (11).
56. Nguyễn Nguyên Tản (2005), *Thi pháp thơ Hữu Thỉnh*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
57. Nguyễn Bá Thành (1995), *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb Văn học
58. Lưu Khánh Thơ (2005), *Hữu Thỉnh – một phong cách thơ sáng tạo*, in trong cuốn *Thơ và một số gương mặt thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb khoa học xã hội.
59. Lưu Khánh Thơ, *Đôi nét về trường ca những năm gần đây nhìn từ góc độ thể loại*, Văn nghệ quân đội
60. Lưu Khánh Thơ, *Hình tượng người lính trong thơ văn xuôi Việt Nam sau 1975*, nguồn vannghequandoi.com.vn
61. *Thơ Hữu Thỉnh* (1998), Nxb Hội nhà văn.
62. Hữu Thỉnh - *Trường ca Biển* (2004), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
63. Hữu Thỉnh - *Thương lượng với thời gian* (2006), Nxb Hội nhà văn, H.
64. Hữu Thỉnh (1981), “Vài suy nghĩ”, *Văn nghệ quân đội*, (4).
65. Hữu Thỉnh (2010), *Lý do của hy vọng* - Tiểu luận phê bình văn học, NXB Hội nhà văn
66. Hữu Thỉnh (1981), “Sự chuẩn bị của người viết trẻ”, *Báo Văn nghệ*,
67. Hữu Thỉnh (2000), “Nhập cuộc và hành động, vẻ đẹp của thơ ca kháng chiến”, *Tạp chí Văn học*, (2).
67. Hữu Thỉnh (1985), *Từ chiến hào đến thành phố*, NXB VH
68. Trúc Thông (2001), *Hữu Thỉnh – tiểu sử tác giả*.
69. Lý Hoài Thu (2005), *Đồng cảm và sáng tạo*, Nxb Văn học, Hà Nội.
70. Lý Hoài Thu, “Thơ Hữu Thỉnh, một hướng tìm tòi và sáng tạo từ dân tộc đến hiện đại” đăng trên *Tạp chí Văn học* số 12 năm 1999